



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Giáo dục học mầm non

TẬP 1

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ THƯỜNG (*Chủ biên*)

HOÀNG THỊ NGỌC LAN

GIÁO TRÌNH
GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

Quyển 1

(Sách dùng trong các trường THSP)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2007

Lời giới thiệu

Nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quán triệt chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THCS Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THCS ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đông đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm “50 năm giải phóng Thủ đô”, “50 năm thành lập ngành” và hướng tới kỷ niệm “1000 năm Thăng Long - Hà Nội”.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lời nói đầu

Hiện đại hoá giáo dục đào tạo được Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đặt ra là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác phát triển sự nghiệp giáo dục ở nước ta trong thập niên đầu thế kỷ 21. Nhiệm vụ này đòi hỏi hàng loạt những ý tưởng và hành động đổi mới trong các hoạt động quản lý và công tác giáo dục đào tạo.

Với sự hoà nhập chung vào công cuộc đổi mới, được Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép, chúng tôi biên soạn giáo trình này để dùng cho đối tượng giáo sinh trung học sư phạm mẫu giáo nhà trẻ. Bộ giáo trình này được viết theo tinh thần đổi mới của giáo dục hiện nay nhấn mạnh những vấn đề đổi mới trong chăm sóc giáo dục trẻ mầm non dựa trên những thành tựu hiện đại nghiên cứu về trẻ em và theo chương trình đổi mới đào tạo giáo viên mầm non hệ chính quy hai năm của Trường Trung học Sư phạm Mẫu giáo - Nhà trẻ Hà Nội.

Bộ giáo trình này được chia làm 2 tập:

Tập 1 gồm:

Phần 1: Những vấn đề chung về giáo dục học mầm non.

Phần 2: Các mặt giáo dục (do Hoàng Ngọc Lan biên soạn).

Phần 3: Tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ 3 - 36 tháng (do Nguyễn Thị Thường biên soạn)

Tập 2 gồm:

Phần 4: Tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ 3 - 6 tuổi (do Nguyễn Thị Thường biên soạn)

Lần đầu tiên biên soạn giáo trình nên không tránh khỏi những thiếu sót, nhóm tác giả mong nhận được các ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc. Chúng tôi hy vọng giáo trình này sẽ rất bổ ích cho việc đào tạo giáo viên mầm non và làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ nghiên cứu của ngành giáo dục mầm non.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

Chương 1

GIÁO DỤC HỌC VÀ GIÁO DỤC MẦM NON

Mục tiêu:

- Giáo sinh có được những kiến thức cơ bản về giáo dục học và giáo dục học mầm non.
- Phân biệt được các khái niệm cơ bản của giáo dục học.
- Hiểu được bản chất chức năng của giáo dục.
- Biết được các phương pháp nghiên cứu giáo dục học.

Nội dung trọng tâm:

- Những khái niệm cơ bản của giáo dục học.
- Bản chất chức năng của giáo dục.
- Phương pháp nghiên cứu giáo dục học.

I. KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC VÀ GIÁO DỤC HỌC

1. Khái niệm về giáo dục

- Giáo dục được xem xét dưới hai góc độ:

- + Giáo dục là một hiện tượng xã hội
- + Giáo dục là quá trình sư phạm

1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội

Trong xã hội có nhiều hiện tượng khác nhau như hiện tượng tự nhiên, xã hội, tư duy... Trong xã hội loài người có một loại hiện tượng có dấu hiệu đặc trưng là sự truyền thụ cho nhau và lĩnh hội (tiếp thu) của nhau những kinh nghiệm lịch sử xã hội (tri thức kỹ năng) để sống và hoạt động, để tồn tại và phát triển của mỗi người và cả cộng đồng. Hiện tượng này gọi là hiện tượng giáo dục - đặc trưng của xã hội loài người. Ví dụ cha mẹ giáo dục con cái ở gia đình, nhà trường mà đại diện là các thầy cô giáo dục học sinh... Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội chỉ nảy sinh trong mối quan hệ giữa người với người. Do vậy, giáo dục chỉ có ở xã hội loài người mà thế giới động vật không có.

1.2. Giáo dục là quá trình sư phạm

Giáo dục là quá trình sư phạm có thể được hiểu theo hai nghĩa

- Nếu được hiểu theo nghĩa hẹp thì giáo dục là quá trình hình thành niềm tin, lý tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những nét tính cách, những hành vi và thói quen cư xử đúng trong xã hội, thuộc các lĩnh vực tư tưởng chính trị, đạo đức, lao động, học tập...

- Giáo dục được hiểu theo nghĩa rộng là quá trình tác động của toàn xã hội và các thể chế xã hội tới con người như nền chính trị, văn hoá, tư tưởng, tôn giáo, các tổ chức đoàn đội, thông tin đại chúng... tới việc hình thành nhân cách con người, được tổ chức có mục đích, có kế hoạch có phương pháp của các nhà giáo dục nhằm chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội lịch sử loài người để hình thành nhân cách con người.

2. Khái niệm về giáo dục học

Giáo dục học là khoa học về lý luận và thực tiễn nhằm nghiên cứu những vấn đề cơ bản như giáo dục, giáo dưỡng, dạy học... hay nói cách khác giáo dục học là khoa học về giáo dục con người - có nhiệm vụ chỉ ra bản chất và nêu ra được các quy luật của quá trình giáo dục con người, xác định mục tiêu giáo dục, quy định nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục trẻ em ở các đối tượng khác nhau nhằm đạt được hiệu quả giáo dục tối ưu trong những điều kiện xã hội nhất định.

3. Khái niệm về dạy học

Dạy học là hoạt động đồng thời giữa giáo viên và học sinh trong đó giáo viên là người tổ chức, chỉ đạo, điều khiển quá trình sư phạm (với vai trò là người chủ động của quá trình sư phạm ấy) nhằm truyền thụ và lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, hoạt động nhận thức và thực tiễn trên cơ sở đó mà hình thành các phẩm chất nhân cách của người học.

Dạy học là hoạt động đặc trưng của nhà trường để thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện mục đích của quá trình sư phạm.

II. BẢN CHẤT - CHỨC NĂNG CỦA GIÁO DỤC

1. Bản chất của giáo dục

1.1. Tính phổ biến - tính vĩnh hằng

- Giáo dục mang tính phổ biến: Giáo dục là phạm trù phổ biến vì có con người là có giáo dục dù ở đâu hoặc trong thời điểm nào của lịch sử.

- Giáo dục mang tính vĩnh hằng: Vì cùng là một hiện tượng xã hội, nhưng nhiều hiện tượng xã hội khác có thể nảy sinh rồi kết thúc nhưng giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đã xuất hiện cùng với con người và tồn tại mãi mãi cùng với con người như một đại lượng vĩnh cửu.

- Giáo dục đã xuất hiện trong xã hội loài người thì mãi mãi tồn tại với xã hội, với cộng đồng bất kỳ trong thời điểm nào của lịch sử phát triển nhân loại.

1.2. Giáo dục mang tính lịch sử - tính giai cấp

Giáo dục là một hiện tượng xã hội, nó phản ánh mối quan hệ xã hội (Người - Người) một cách cụ thể trong thời gian và không gian nhất định. Vì thế các chuẩn mực giá trị của giáo dục luôn mang màu sắc và tính chất của sự tồn tại xã hội, luôn phản ánh trình độ phát triển nhất định của lịch sử. Vì vậy, giáo dục mang tính lịch sử.

Khi xã hội phân chia thành giai cấp thì giáo dục chứa trong nó nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp ấy. Vì thế giáo dục luôn mang tính giai cấp (khi xã hội phân chia thành giai cấp). Như vậy, giáo dục vừa mang tính lịch sử lại vừa mang tính giai cấp.

2. Chức năng của giáo dục

2.1. Chức năng kinh tế sản xuất

Lịch sử đã chứng minh rằng: sự phát triển của sức sản xuất đã quyết định

sự phát triển của xã hội. Con người đã tạo ra mọi giá trị vật chất tinh thần và sáng tạo ra chính bản thân mình. Trong lĩnh vực sản xuất thì con người là lực lượng sản xuất có tầm quan trọng bậc nhất. Trong quá trình lao động, con người tạo ra giá trị vật chất và tạo ra con người, tái sản xuất con người bằng con đường giáo dục. Giáo dục với ý nghĩa đầy đủ của nó chính là đào tạo, chuẩn bị một lớp người lao động trẻ cho xã hội. Giáo dục chuẩn bị con người cho xã hội là chuẩn bị cho họ có được những phẩm chất nhân cách cần thiết để trở thành người lao động thực sự tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Con người ấy cần có thể lực khoẻ mạnh, tình cảm đạo đức tốt đẹp để biết sống trong cộng đồng, có trí tuệ phát triển phong phú kịp thời với trình độ phát triển của khoa học thời đại, có kỹ năng lao động cần thiết để sản xuất trong nền sản xuất hiện đại. Người lao động ấy chính là sản phẩm của giáo dục (theo nghĩa rộng). Vậy giáo dục với chức năng kinh tế sản xuất nhằm đào tạo con người lao động mới, làm tái sản xuất sức lao động của xã hội, đào tạo ra sức lao động mới khéo léo hơn, hiệu quả hơn để thay thế sức lao động cũ đã già cỗi, lạc hậu so với thời đại để nhằm tạo ra một năng suất lao động xã hội cao hơn nhằm phát triển kinh tế xã hội.

2.2. Chức năng chính trị xã hội

Giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội, làm thay đổi cả về mặt bên ngoài và nội dung bên trong của các nhóm xã hội, các bộ phận dân cư trong cộng đồng của các giai cấp khác nhau (khi xã hội có giai cấp). Một số vấn đề đặt ra như giáo dục là của ai? Chất lượng dân cư, dân tộc, giai cấp xã hội khác nhau như thế nào? Tính chất bình đẳng, tính chất xã hội hoá của giáo dục như thế nào? Quan hệ giữa giáo dục, người lao động và nền sản xuất ấy, chế độ kinh tế - xã hội ra sao?... Đó là những phạm trù luôn được đặt ra trong mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, mỗi giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội, những vấn đề này đều có liên quan đến giáo dục và giáo dục đều góp phần thay đổi bộ mặt này của xã hội.

2.3. Chức năng tư tưởng văn hoá

Giáo dục có tác dụng to lớn trong việc xây dựng một hệ tư tưởng cho mỗi người, hình thành một nếp sống mới trên nền tảng một nền văn hoá mới - nhân sinh quan mới, trình độ dân trí của mỗi người sống trong cộng đồng, ý thức xã hội của mỗi người chính là nhờ ở giáo dục có chức năng tư tưởng văn hoá.

III. ĐỐI TƯỢNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

1. Đối tượng của giáo dục học

Con người là đối tượng của nhiều ngành khoa học (triết học, văn học, sử học, xã hội học, sinh lý học, tâm lý học...). Trong đó, con người cũng chính là đối tượng của giáo dục. Giáo dục học nghiên cứu bản chất của quá trình giáo dục, quá trình hình thành con người một cách có mục đích, có kế hoạch, một hoạt động tự giác tác động đến việc hình thành nhân cách của trẻ em, của nhà giáo dục hoặc tổ chức giáo dục. Trên cơ sở đó, giáo dục học xác định mục đích, mục tiêu giáo dục quy định nội dung, chỉ ra phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục thích hợp nhằm tổ chức tối ưu quá trình hình thành con người trong điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Vậy đối tượng giáo dục chính là quá trình giáo dục.

2. Quá trình giáo dục

- Quá trình giáo dục hay còn gọi là quá trình sư phạm. Quá trình giáo dục chính là bộ phận của quá trình xã hội hình thành nhân cách con người. Quá trình giáo dục diễn ra theo những quy luật của nó với những nét đặc trưng chủ yếu sau:

- Quá trình sư phạm hay quá trình giáo dục là một quá trình xã hội, được tổ chức có ý thức, có kế hoạch nhằm thuyết phục và lĩnh hội tri thức kinh nghiệm lịch sử xã hội vào việc xây dựng và phát triển những nhân cách mới theo yêu cầu của xã hội cụ thể do từng thời kỳ lịch sử quy định.

- Quá trình giáo dục là quá trình tác động lẫn nhau giữa người giáo dục và người được giáo dục, để tạo thành một quan hệ xã hội đặc biệt (quan hệ sư phạm hay quan hệ giáo dục).

- Quá trình giáo dục là quá trình mà người giáo dục giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển, điều chỉnh các loại hình hoạt động và giao lưu, còn người được giáo dục giữ vai trò chủ động tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động giáo dục và giao lưu đó, nhằm lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hoá của loài người.

- Nếu quá trình giáo dục được tổ chức tốt thì nó là một bộ phận chủ yếu (hoặc toàn bộ) hoạt động sống (hoặc hoạt động sinh hoạt) của người được giáo dục. Như vậy, ta định nghĩa quá trình giáo dục như sau: “ Quá trình giáo dục là quá trình có tính chất xã hội nhằm hình thành con người được tổ chức có mục

đích, có kế hoạch căn cứ vào những mục đích và những điều kiện do xã hội quy định được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục và được tiến hành trong các mối quan hệ xã hội giữa người giáo dục và người được giáo dục nhằm lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội của loài người”.

IV. MỐI QUAN HỆ CỦA GIÁO DỤC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC

Giáo dục học có mối quan hệ với nhiều ngành khoa học khác nhau. Giáo dục học đã dựa trên thành tựu khoa học của nhiều ngành khoa học khác có liên quan như:

1. Triết học duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Là những phương pháp luận của giáo dục học. Triết học cung cấp cơ sở khoa học cho việc xác định bản chất con người, nguồn gốc ý thức và mối quan hệ qua lại giữa quá trình giáo dục với các quá trình xã hội khác...

2. Sinh lý học

Nghiên cứu con người như một thực thể tự nhiên. Sinh lý học cung cấp các dữ kiện về sự phát triển của hệ thần kinh cấp cao, các kiểu loại hình thần kinh, về quy luật hoạt động của hai hệ thống tín hiệu 1 và 2; về sự hoạt động và phát triển của hệ thần kinh cấp cao ở lứa tuổi khác nhau. Như vậy sinh lý học được coi là cơ sở tự nhiên của giáo dục học.

3. Tâm lý học

Nghiên cứu quá trình các trạng thái và các phẩm chất tâm lý đa dạng của con người. Vì thế tâm lý học cung cấp cho giáo dục học cơ sở khoa học để tổ chức đúng đắn quá trình giáo dục theo những quy luật tâm lý và các điều kiện, tổ chức các quá trình bên trong của sự hình thành nhân cách con người ở các thời kỳ lứa tuổi khác nhau từ tuổi mầm non đến phổ thông và người lớn.

4. Điều khiển học

Khoa học về việc điều khiển tối ưu các hệ thống động phức tạp. Quá trình giáo dục trẻ em được coi như một hệ thống điều khiển. Trong đó nhà giáo dục, tập thể sư phạm là trung tâm điều khiển, trẻ em là đối tượng điều khiển để hình thành nhân cách trẻ em thông qua kênh liên hệ thuận nghịch và vấn đề lý luận chung, nguyên tắc của hệ thống điều khiển chính là cơ sở khoa học giúp cho giáo dục học tổ chức tốt quá trình giáo dục trẻ em. Do vậy, giáo dục học có mối liên hệ chặt chẽ với điều khiển học và các ngành khoa học kỹ thuật hiện đại.

V. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO DỤC HỌC

Phương pháp nghiên cứu khoa học là những phương thức thu lượm thông tin khoa học nhằm mục đích thiết lập những mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc có tính quy luật và xây dựng lý luận khoa học.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể của giáo dục học được chia làm hai nhóm như sau:

1. Nhóm phương pháp kinh nghiệm thực nghiệm

Là nghiên cứu quy trình sự phạm đang diễn biến trong thực tiễn bao gồm các phương pháp sau:

1.1. Phương pháp quan sát sự phạm

Là tri giác có mục đích một hiện tượng sự phạm nào đó nhằm thu thập các dữ kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của các hiện tượng ấy.

Yêu cầu khi quan sát: Phải xác định mục đích quan sát; đối tượng cần quan sát; kế hoạch và trình độ quan sát; lưu trữ tư liệu quan sát (ghi chép, chụp ảnh, ghi âm, quay video...). Quan sát có thể trực tiếp, gián tiếp, công khai, kín đáo, liên tục, gián đoạn... tùy thuộc vào đề tài nghiên cứu.

1.2. Phương pháp đàm thoại (trò chuyện trao đổi)

Đàm thoại là phương pháp nhằm làm sáng tỏ những điều chưa rõ khi quan sát. Yêu cầu khi đàm thoại:

- Chuẩn bị trước các câu hỏi theo một kế hoạch nhất định, đàm thoại dưới hình thức tự do, không gò bó gượng ép, không cần ghi chép các câu trả lời.
- Phỏng vấn: Là một dạng của đàm thoại, cũng giống như đàm thoại cần chuẩn bị trước hệ thống câu hỏi theo trình độ. Khác với đàm thoại là phỏng vấn những câu trả lời được ghi chép công khai hoặc dùng máy ảnh, ghi âm, ghi hình để lưu giữ tài liệu.
- An kết: Là điều tra bằng phiếu câu trả lời được ghi vào giấy.
- + Ưu điểm của các phương pháp đàm thoại, phỏng vấn, an kết cho ta biết về mối quan hệ phức tạp nhiều mặt thế giới nội tâm của đối tượng nghiên cứu.
- + Nhược điểm: Dữ liệu thường mang tính chủ quan của người được hỏi.

1.3. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh

Phương pháp này cung cấp những tư liệu phản ánh đặc điểm phát triển của từng trẻ, thái độ của trẻ đối với các loại công việc và phần nào bộc lộ năng lực của trẻ về một vài lĩnh vực nào đó.

1.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Là phương pháp mà người nghiên cứu phải chủ động tạo ra tác động mới để khẳng định những mối liên hệ dự kiến sẽ có trong những hoàn cảnh và điều kiện mới.

Yêu cầu của thực nghiệm sư phạm: Khi tiến hành thực nghiệm không được đảo lộn hoạt động bình thường của quá trình sư phạm. Chỉ tiến hành trong điều kiện và tiêu chuẩn với luận cứ đưa những cái mới đã được kiểm tra vào quá trình sư phạm.

Có hai loại thực nghiệm sư phạm:

- Tiến hành trong điều kiện bình thường gọi là thực nghiệm tự nhiên
- Tiến hành trong điều kiện chuyên biệt gọi là thực nghiệm phòng thí nghiệm.

Yêu cầu khi thực nghiệm sư phạm: có mục đích rõ ràng, điều kiện thực nghiệm, các bước thực hiện, xử lý kết quả thực nghiệm, phân tích lý luận, khái quát và kết luận khoa học.

1.5. Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm

Là phương pháp đi từ thực tiễn giáo dục trẻ trong trường mầm non, từ kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến để phân tích và tổng kết kinh nghiệm giúp cho các nhà nghiên cứu phát hiện các vấn đề cần giải quyết, các giả thuyết khoa học mang tính quy luật giữa các nhân tố tác động của quá trình sư phạm với kết quả giáo dục, từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp để hoàn thiện các quá trình sư phạm.

2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

Là phương pháp để khái quát lý luận từ các tư liệu khác nhau đi đến kết luận chung, rút ra bài học kinh nghiệm, xây dựng giả thuyết khoa học hoặc đánh giá các sự kiện thu được. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận bao gồm: phương pháp logic và phương pháp toán học.

+ Phương pháp logic gồm phương pháp phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, suy lý, so sánh giống và khác nhau và phương pháp logic biện chứng.

+ Phương pháp toán học: Thống kê xác suất dùng để phân tích đi vào chiều sâu vào bản chất các hiện tượng, tìm ra mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng

của quá trình sư phạm, để mô tả các cứ liệu và đánh giá các tài liệu nghiên cứu kinh nghiệm.

VI. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON VỚI VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NHÀ TRẺ MẪU GIÁO

Giáo dục học mầm non với tư cách là khoa học nghiên cứu việc giáo dục trẻ em ở lứa tuổi trước tuổi đến trường phổ thông (3 tháng đến 72 tháng) có nhiệm vụ xây dựng lý luận giáo dục và chỉ đạo đúng đắn, khoa học quá trình giáo dục trong thực tiễn cho trẻ em ở lứa tuổi mầm non. Vì vậy, giáo viên mầm non không chỉ cần có sự hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về sự phát triển sinh lý - tâm lý của trẻ mà còn phải nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và các hình thức tổ chức cuộc sống cho trẻ trong từng độ tuổi mầm non.

Giáo dục học mầm non cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và thực tiễn cần thiết để tổ chức khoa học cuộc sống cho trẻ nhằm giúp trẻ em hình thành đúng đắn các phẩm chất nhân cách của người công dân mai sau từ độ tuổi này. Thiếu tri thức giáo dục mầm non, người giáo viên mầm non sẽ mò mẫm và khó có thể làm tốt nhiệm vụ giáo dục của mình ở trường mầm non.

Chương 2

GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TRẺ EM

Mục tiêu:

Giáo sinh có được những kiến thức cơ bản về giáo dục và sự phát triển trẻ mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Sự phát triển trẻ em và các giai đoạn phát triển của trẻ.
- Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển trẻ em.

I. KHÁI NIỆM VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TRẺ EM

1. Thế nào là sự phát triển trẻ em?

Sự phát triển được hiểu là có sự biến đổi tổng thể về chất có sự cải biến toàn bộ các sức mạnh của mỗi con người (thể chất, tâm lý, xã hội) trên cơ sở đặc điểm phát triển lứa tuổi.

- Sự phát triển về thể chất biểu hiện ở sự tăng trưởng của cơ thể về chiều cao, cân nặng, cơ bắp, hoàn thiện các giác quan, phối hợp với các vận động cơ thể.

- Sự phát triển về tâm lý biểu hiện ở những biến đổi cơ bản trong quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm, ý chí, ở sự hình thành các thuộc tính tâm lý mới của nhân cách.

- Sự phát triển về mặt xã hội của cá nhân biểu hiện ở những biến đổi trong ứng xử của cá nhân với những người xung quanh, ở sự tích cực tham gia của cá nhân đó vào đời sống xã hội. Cần nhấn mạnh rằng sự phát triển của nhân cách không chỉ diễn ra đối với những thuộc tính mới được hình thành trong quá trình sống mà còn đối với các yếu tố mang tính bẩm sinh, di truyền. Sự phát triển cá nhân là kết quả tác động của nhiều yếu tố tự nhiên, xã hội, bên trong bên ngoài khách quan và chủ quan, tự phát triển và có ý thức... được thể hiện qua những yếu tố chính là: di truyền bẩm sinh, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân.

2. Trẻ em là một thực thể đang phát triển

Từ khi lọt lòng mẹ đến lúc trưởng thành trẻ em phát triển qua nhiều thời kỳ khác nhau, mỗi thời kỳ là sự tiếp theo của thời kỳ trước và chuẩn bị cho thời kỳ sau.

Trẻ từ 0 - 6 tuổi là thời kỳ phát triển rất đặc biệt với tốc độ phát triển nhanh về mọi mặt. Giai đoạn này đặt tiền đề cho phát triển nhân cách và toàn bộ con người mai sau.

Tuổi mầm non có thể chia làm ba thời kỳ:

1. Tuổi hài nhi (từ khi lọt lòng mẹ đến 12 tháng tuổi)
2. Tuổi ấu nhi (từ 12 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi) - tuổi nhà trẻ.
3. Tuổi mẫu giáo (từ 36 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi).

2.1. Tuổi hài nhi

Trẻ vừa lọt lòng mẹ chỉ hành động theo cơ chế bẩm sinh, vô thức với phản xạ không điều kiện, song rất yếu. Giai đoạn này trẻ hoàn toàn sống phụ thuộc vào người lớn (người mẹ). Hoạt động chủ đạo ở giai đoạn này là hoạt động giao tiếp - tiếp xúc - giao lưu tình cảm. Thông qua hoạt động giao tiếp tiếp xúc tình cảm trẻ phát triển nhanh về mặt thể chất cũng như về mặt tâm sinh lý, đặc biệt về mặt tình cảm. Trên cơ sở giao tiếp mà ở trẻ nảy sinh nhu cầu là hình thành hoạt động tâm lý (trẻ bắt đầu xuất hiện phản ứng hờn hờ, hóng chuyện, cảm nắm đồ vật, nhận biết mẹ, có nhu cầu tình cảm, bắt đầu quấy khóc và đòi mẹ bế).

Trong quá trình này người lớn không những giúp trẻ thoả mãn nhu cầu tối thiểu (ăn ngủ, vệ sinh) mà còn giúp trẻ thoả mãn nhu cầu vận động (lấy, bỏ, trườn). Vì vậy nhà giáo dục phải giúp trẻ thoả mãn nhu cầu giao lưu để nâng cao sự phát triển của trẻ.

2.2. Tuổi ấu nhi

Hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi này là hoạt động với đồ vật. Lúc này trẻ đã bắt đầu hiểu được mối liên hệ bên trong của đồ vật (thuộc tính bên trong) như: cốc để uống nước, thìa để xúc cơm.

Bằng hoạt động với đồ vật mà trẻ ấu nhi đã phát triển tâm lý nhất là quá trình tri giác và tư duy. Quá trình này phát triển mạnh từ khi trẻ biết đi và biết nói tiếng đầu tiên. Đây là bước ngoặt đầu tiên của trẻ đánh dấu sự phát triển về mặt tâm lý, làm cho trẻ mở rộng thêm môi trường hiểu biết, trẻ biết nhiều hơn về thế giới xung quanh và phạm vi hoạt động của trẻ được mở rộng. Trẻ tiếp xúc nhiều với các sự việc hiện tượng của thiên nhiên và xã hội. Cũng chính từ đây

ngôn ngữ của trẻ phát triển, trẻ hiểu được từ ngữ, biểu đạt ý nghĩ bằng từ ngữ nói theo phương thức con người. Khi trẻ biết đi, trẻ gặp bao sự việc cần phải giải quyết. Từ đó mâu thuẫn mới nảy sinh, thôi thúc trẻ khám phá thế giới xung quanh để thoả mãn nhu cầu của mình. Trẻ quan sát đồ vật, tìm hiểu tính chất, chức năng, và có khả năng so sánh, phân tích đối chiếu bằng tay, trên cơ sở đó tư duy trực quan phát triển đi cùng với nó là vận động và phát triển.

Sự phát triển là biểu hiện cụ thể của sự phát triển tâm lý. Ở lứa tuổi này có sự mâu thuẫn giữa nhu cầu và khả năng của trẻ, dẫn đến sự khủng hoảng tâm lý. Để giải quyết vấn đề này người lớn phải giúp trẻ thoả mãn nhu cầu này qua hoạt động vui chơi. Chẳng hạn cho trẻ chơi trò bán hàng, bác sĩ khám bệnh, để trẻ tập thể hiện hành động của người lớn.

2.3. Tuổi mẫu giáo

Chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo. Thông qua chơi trẻ được thoả mãn nhu cầu tâm lý và giải quyết mâu thuẫn nảy sinh của độ tuổi. Các nhà giáo dục đã tổ chức cho trẻ chơi với các loại hình khác nhau, nhằm thoả mãn nhu cầu tâm lý và thực hiện yêu cầu giáo dục. Thông qua chơi trẻ có thể tiếp xúc và hiểu biết thế giới xung quanh, phát triển tâm lý (phát triển quá trình cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng, ngôn ngữ, ý chí, hành động, cách ứng xử xã hội và quan hệ xã hội). Trò chơi đóng vai trò giúp trẻ hình thành xã hội đầu tiên của trẻ. Trẻ tham gia chơi một cách tích cực sẽ có ý nghĩa hình thành nhân cách của trẻ. Trẻ mẫu giáo không chỉ tham gia đến hoạt động vui chơi mà còn tham gia nhiều hoạt động khác như hoạt động học tập lao động giao tiếp. Các hoạt động này là điều kiện giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Chính vì vậy các nhà giáo dục cần biết tổ chức các dạng hoạt động cho trẻ và thu hút trẻ vào các hoạt động đó, sao cho trẻ tham gia một cách tích cực và say mê.

Tóm lại: Từ 0 - 6 tuổi trẻ có ba giai đoạn phát triển, mỗi giai đoạn có những đặc điểm lứa tuổi chi phối thể hiện ở những hoạt động chủ đạo vì thế nhà giáo dục phải nắm bắt được các quy luật này để giúp trẻ hoạt động đúng lứa tuổi. Đó là con đường tốt nhất giúp trẻ phát triển và hoàn thành giai đoạn đầu tiên của sự hình thành và phát triển những mầm mống ban đầu của nhân cách con người, chuẩn bị bước sang một giai đoạn mới: Tuổi học sinh.

II. VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRẺ EM

Giáo dục là hoạt động có mục đích, có kế hoạch của con người là hoạt động

có ý thức của nhà giáo dục hoặc tổ chức, nhằm hình thành nhân cách trẻ em.

Nói đến giáo dục và quá trình giáo dục không nên hiểu một chiều chỉ là sự tác động của nhà giáo dục và tổ chức giáo dục đến nhân cách của người được giáo dục. Ngược lại giáo dục bao gồm cả hoạt động của cá nhân người được giáo dục với tư cách vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình giáo dục. Giáo dục là không thể nào chỉ có thầy mà không có trò. Cũng như dạy học bao hàm cả dạy và học nghĩa là có cả thầy và trò. Nhà giáo dục thực hiện nhiều công việc: Tổ chức, chỉ đạo, điều khiển, điều chỉnh, động viên, kiểm tra, đánh giá các hoạt động và giao tiếp của người được giáo dục. Từ đó hình thành và phát triển nhân cách trẻ. Ở trường mầm non cô giáo tổ chức quá trình sư phạm bằng cách tổ chức cuộc sống trong ngày cho trẻ theo chế độ sinh hoạt hàng ngày. Tổ chức chế độ ăn ngủ, vệ sinh, hoạt động vui chơi. Ví dụ: Thông qua trò chơi cô có thể cho trẻ làm quen với công việc của người lớn (bác sĩ khám bệnh) và cũng trong trò chơi đó cô có thể cho cháu biết mối quan hệ trong xã hội (giữa người bệnh và bác sĩ). Cô và cháu cùng tham gia hoạt động, cháu hoạt động dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của cô qua đó hình thành những tính cách của trẻ.

Như đã phân tích ở trên trong quá trình giáo dục người được giáo dục (học sinh, trẻ em) đóng vai trò chủ động, tích cực tự giác hoạt động. Dưới sự hướng dẫn và tác động định hướng của thầy cô để hình thành và phát triển nhân cách. Người giáo dục giữ vai trò chủ đạo, tổ chức điều khiển, điều chỉnh quá trình giáo dục ấy. Vì vậy trong quá trình giáo dục nhà giáo dục phải biết phát huy vai trò chủ động, tự giác, tích cực của người được giáo dục, nghĩa là biết phát huy cao độ và triệt để điều kiện bên trong của trẻ em (đó chính là sức sống tự nhiên của trẻ em).

1. Giáo dục định hướng cho sự phát triển

Trong quá trình giao tiếp với người lớn, trẻ đã học hỏi rất nhiều kinh nghiệm sống, người lớn đã chỉ bảo và dạy dỗ trẻ, cung cấp cho trẻ những kiến thức trong cuộc sống. Giúp trẻ tư duy, giúp trẻ hiểu biết thế giới xung quanh, trẻ tích lũy được những tri thức và kỹ năng trong cuộc sống. Giúp trẻ giải quyết được những nhiệm vụ trí tuệ mà hàng ngày trẻ gặp phải. Thế giới xung quanh trẻ thật phong phú, đa dạng. Biết bao điều mới lạ đối với trẻ. Chính vì vậy người lớn cần giúp trẻ để trẻ dễ thích ứng với nền kinh tế xã hội mới, nhanh chóng thành người trưởng thành, thích ứng với xã hội và biết lao động trong nền sản xuất hiện đại. Trẻ em được người lớn dạy dỗ, chỉ bảo đã rút ngắn thời gian mò mẫm vào đời. Trẻ càng nhỏ càng đòi hỏi sự giúp đỡ chỉ bảo của người lớn càng tỷ mỷ kỹ lưỡng

và chu đáo hơn. Trang bị cho trẻ phương pháp tiếp cận với thế giới xung quanh, tự giáo dục và hoàn thiện mình theo chuẩn mực của xã hội đặt ra.

Ví dụ: Chế độ chăm sóc bảo vệ và giáo dục trẻ em ở gia đình và trường mầm non được coi là khoa học nếu chế độ đó định hướng cho trẻ tập làm người từ việc nhỏ đến việc lớn. Chế độ sinh hoạt trong ngày ở trường mầm non từ lúc đón trẻ đến khi trả trẻ là định hướng cho trẻ được hoạt động. Trẻ tập làm người bằng việc thoả mãn nhu cầu sinh học (dinh dưỡng), phát triển thể chất qua vận động, ăn uống, nghỉ ngơi, phát triển trí tuệ qua thăm quan, học tập. Phát triển tâm lý và mối quan hệ xã hội đúng đắn. Đặc biệt qua trò chơi đóng vai, trẻ đã học làm người lớn. Việc định hướng cho trẻ vào đời bằng cách tổ chức cuộc sống cho trẻ. Cho trẻ tham gia vào mọi hoạt động: Học tập, vui chơi, vệ sinh, giao tiếp. Qua đó trẻ lớn khôn lên.

2. Giáo dục lựa chọn nội dung văn hoá cho trẻ lĩnh hội

Trẻ vào đời cái gì cũng mới mẻ, bỡ ngỡ song được sự giúp đỡ giáo dục của người lớn (cha mẹ, cô giáo, anh chị) trẻ lĩnh hội tri thức, nền văn hóa xã hội, kinh nghiệm lịch sử để hình thành con người. Đây chính là nhiệm vụ của giáo dục. Nhưng giáo dục như thế nào? Nội dung, kiến thức gì? Phương pháp nào? Những vấn đề này cần phải lựa chọn. Vì trẻ em sinh ra cơ thể còn non nớt không thể một lúc tiếp nhận được mọi tri thức nền văn hoá xã hội, kinh nghiệm lịch sử. Cùng một độ tuổi nhưng sự phát triển tâm sinh lý cũng có những đặc điểm riêng bên cạnh đặc điểm chung. Vậy giáo dục phải có sự lựa chọn cho phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ. Giáo dục phải hướng vào vùng phát triển gần. Vì thế chúng ta phải lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp sao cho không thấp quá hoặc cao quá sự phát triển của trẻ. Giáo dục phải thúc đẩy sự phát triển của trẻ. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào cô nuôi dạy trẻ.

Ví dụ: Giờ học làm quen với môi trường xung quanh (các loài động vật) cô giáo phải lựa chọn con vật nào mà trẻ quen thuộc, hiền lành, trẻ hay gần gũi.

- Không chỉ cho trẻ nhận biết đặc điểm bề ngoài và tên gọi của con vật, còn cho trẻ biết về đặc điểm của con vật đó như: Nó thích ăn gì? Tính nết làm sao? Mối quan hệ của nó với môi trường?

- Ý nghĩa của con vật với đời sống con người.

- Trách nhiệm của trẻ với việc chăm sóc con vật.

Người giáo dục ở đây chính là cô giáo có nhiệm vụ lựa chọn nội dung hình thức, phương pháp thích hợp để truyền đạt cho trẻ. Nội dung phương pháp phải

phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ. Phương pháp phải dễ hiểu, phải sinh động kích thích sự ham tìm hiểu của trẻ. Như vậy giáo dục có nhiệm vụ lựa chọn nội dung văn hoá vừa sức cho trẻ lĩnh hội.

3. Giáo dục lựa chọn phương pháp tác động đến trẻ và tổ chức cho trẻ hoạt động

Để cung cấp tri thức cho trẻ cô giáo phải lựa chọn phương pháp thích hợp và phối hợp nhiều phương pháp để truyền tải tri thức đến cho trẻ. Sử dụng nhiều phương pháp dạy học như: dùng lời (kể, đọc, đàm thoại), trình bày trực quan, cho chơi, hoạt động thực tiễn, thử nghiệm... Nhưng ở đây vấn đề là phải lựa chọn phương pháp dạy phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền tải cho trẻ. Có nghĩa là tùy vào từng nội dung dạy học, tính chất tài liệu, đặc điểm cháu và điều kiện thực tế mà cô giáo lựa chọn phương pháp này hoặc phương pháp khác. Nhưng không có phương pháp nào là tốt nhất dùng cho mọi trường hợp. Mỗi phương pháp đều có mặt tốt và mặt hạn chế. Khả năng chú ý của trẻ có hạn, không chú ý được lâu, chóng chán. Sức tập trung còn yếu do hoạt động của hệ thần kinh còn non nớt. Chính vì vậy cần phải thường xuyên thay đổi phương pháp hoặc kết hợp một số phương pháp trong việc dạy và tổ chức hoạt động cho cháu. Có như vậy công tác giáo dục và chăm sóc trẻ mới đạt hiệu quả cao. Trẻ mầm non thích những điều mới lạ, thích khám phá, thích tự mình làm được những việc giống như người lớn. Chính vì vậy các nhà giáo dục cũng nên lưu tâm vấn đề này. Nên tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động để thỏa mãn nhu cầu thích làm người lớn của trẻ. Ví dụ tổ chức cho trẻ chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề: nấu ăn, bác sĩ khám bệnh... Như vậy thông qua hoạt động trò chơi này trẻ đã tỏ ra mình làm người lớn.

Câu hỏi

1. Hãy nêu những nét đặc trưng về sự phát triển của trẻ mầm non.
2. Phân tích vai trò của giáo dục với sự phát triển của trẻ.
3. Tại sao cần lựa chọn phương pháp giáo dục tác động đến trẻ?

Bài tập thực hành

Hãy quan sát thực tế để chỉ ra vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ (viết thành văn bản để thảo luận ở lớp).

Chương 3

GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

Mục tiêu:

- Giáo sinh nắm được và biết vận dụng các quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non vào thực tế chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
- Giáo sinh nắm được hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay và mục tiêu của giáo dục mầm non theo hướng đổi mới.
- Giáo sinh nắm được chức năng nhiệm vụ yêu cầu của người giáo viên mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
- Mục tiêu giáo dục mầm non. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non. Chức năng nhiệm vụ yêu cầu của người giáo viên mầm non.
- Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới.

I. KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

1. Khái niệm

Hệ thống giáo dục quốc dân của một nước là toàn bộ các cơ quan chuyên trách việc giáo dục và học tập cho thanh thiếu niên và công dân của nước đó. Các cơ quan này có mối liên kết chặt chẽ với nhau theo chiều dọc và chiều ngang, hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh nằm trong hệ thống xã hội được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định về tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện chính sách giáo dục của quốc gia.

Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam gồm 2 hệ thống lớn:

- Hệ thống nhà trường;
- Hệ thống các cơ quan giáo dục ngoài nhà trường.

Hệ thống nhà trường bao gồm các bậc học, cấp học, ngành học và loại trường khác nhau.

Hệ thống các cơ quan giáo dục ngoài nhà trường gồm các loại hình hoạt động như: Văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao... thông qua các tổ chức như: câu lạc bộ, thư viện, cung văn hoá, trại thực nghiệm, trại sáng tác... Nhưng hệ thống nhà trường là phần cơ bản nhất của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

2.1. Cơ cấu

Nghị định số 90/CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo Nghị định trên, nước ta có các bậc học như sau: mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp, đại học và trên đại học. Mỗi bậc học có nhiều loại hình giáo dục và đào tạo, nhằm tạo điều kiện cho toàn dân được học tập nâng cao kiến thức của mình

- Bậc học mầm non bao gồm: lứa tuổi nhà trẻ 3 - 36 tháng; lứa tuổi mẫu giáo 3 - 6 tuổi.
- Bậc học phổ thông bao gồm: tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5); trung học cơ sở (từ lớp 6 đến lớp 9); phổ thông trung học (từ lớp 10 đến lớp 12).
- Bậc học chuyên nghiệp bao gồm: các trường dạy nghề; trung học chuyên nghiệp.
- Bậc đại học và trên đại học bao gồm: các trường cao đẳng; đại học; trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ...).

2.2. Các loại hình trường mầm non

Hiện nay nước ta có nhiều loại giáo dục mầm non: nhà trẻ, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo 5 tuổi, nhóm tuổi thơ, nhóm trẻ gia đình.

2.2.1. Nhà trẻ

Nhà trẻ thu nhận trẻ em từ 3 - 36 tháng, chia thành các nhóm tuổi: 3 - 12 tháng, 13 - 18 tháng, 19 - 24 tháng, 25 - 36 tháng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì mỗi nhóm trẻ tối đa là 30 cháu, mỗi cô dạy không quá 6 cháu.

Nhà trẻ có nhiều loại:

- Nhà trẻ cả ngày (10 giờ/1 ngày), trẻ ăn ngủ tại nhà trẻ.
- Nhà trẻ theo buổi (sáng hoặc chiều) buổi trưa trẻ về với mẹ.
- Nhà trẻ theo ca (theo ca làm việc của mẹ ở cơ quan xí nghiệp).
- Nhà trẻ theo mùa vụ (lúc cha mẹ tập trung lao động).

2.2.2. Trường mẫu giáo

Thu nhận trẻ từ 36 - 72 tháng, chia thành 3 độ tuổi:

- Mẫu giáo bé: 36 - 48 tháng
- Mẫu giáo nhỡ: 49 - 60 tháng
- Mẫu giáo lớn: 61 - 72 tháng

Trẻ mẫu giáo được chia thành lớp, tối đa trong các lớp là:

- Mẫu giáo bé: 25 trẻ
- Mẫu giáo nhỡ: 30 trẻ
- Mẫu giáo lớn: 35 trẻ.

Những nơi không có điều kiện hoặc số trẻ quá ít thì có thể thành lập lớp ghép các độ tuổi.

Trường mẫu giáo cũng có nhiều kiểu: một buổi, cả ngày, cả tuần.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì mỗi lớp mẫu giáo có hai cô giáo phụ trách.

Có nơi hợp nhất cả nhà trẻ và mẫu giáo lại thành một trường chăm sóc và giáo dục trẻ ở cả hai lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Đó là trường mầm non.

2.2.3. Lớp mẫu giáo 5 tuổi

Giành cho trẻ 5 tuổi chưa qua lớp mẫu giáo bé, nhỡ. Mục đích là chuẩn bị cho trẻ chưa qua mẫu giáo vào học trường phổ thông. Thường có hai loại hình: Lớp mẫu giáo 26 tuần, lớp mẫu giáo 36 tuần.

Các lớp mẫu giáo 5 tuổi này được giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.4. Nhóm tuổi thơ

Loại hình này thường do đội thiếu niên hoặc đoàn thanh niên đứng ra tổ chức. Nhóm tuổi thơ tập hợp những trẻ tuổi mẫu giáo nhưng không được đến trường, nhằm tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động có hướng dẫn, được giao tiếp trong nhóm bạn bè, chuẩn bị tâm thế cho trẻ bước vào lớp một.

2.2.5. Nhóm trẻ gia đình

Đây là những nhóm trẻ dưới 6 tuổi được tổ chức tại gia đình, do một người hoặc một nhóm người đứng ra tổ chức chăm sóc và giáo dục trông nom trẻ theo nguyên tắc tự nguyện, thoả thuận giữa người trông trẻ và gia đình có trẻ.

Nhóm trẻ gia đình thường được hình thành ở khu phố thị trấn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quy chế hướng dẫn tổ chức nhóm trẻ gia đình, nội dung cơ bản là:

- Một nhóm trẻ gia đình tối đa không quá 10 cháu, mỗi người trông trẻ phục vụ không quá 3 cháu.

- Người trông trẻ là những người tự nguyện được chi hội phụ nữ ở cơ sở chấp nhận và giới thiệu.

- Người đứng ra tổ chức nhóm trẻ gia đình phải tự giải quyết cơ sở vật chất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Người trông trẻ phải chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn của phòng giáo dục, y tế địa phương, được dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, được cung cấp tài liệu hướng dẫn chuyên môn.

Xu thế chung hiện nay là đa dạng hoá các loại hình giáo dục mầm non như tinh thần đã được Đảng và nhà nước cho phép: các trường chính quy, phi chính quy, công lập, dân lập, tư thục.

II. GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu giáo dục mầm non

Giáo dục bậc mầm non là quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ từ khi sinh ra đến 6 tuổi, trước khi trẻ vào lớp 1. Bao gồm lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.

Mục tiêu giáo dục bậc mầm non thể hiện những yêu cầu chủ yếu đối với việc phát triển nhân cách của trẻ em Việt Nam từ 3 tháng đến 6 tuổi trước khi vào lớp 1 phổ thông phải đạt được bằng sự giáo dục của gia đình và trường mầm non.

Mục tiêu giáo dục mầm non là: Hình thành ở trẻ những cơ sở đầu tiên của nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cụ thể là:

- Khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối.

- Giàu lòng thương yêu, biết quan tâm, nhường nhịn giúp đỡ những người gần gũi (bố mẹ, anh em, bạn bè, cô giáo), thật thà, lễ phép, mạnh dạn, hồn nhiên.

- Yêu thích cái đẹp, biết giữ gìn cái đẹp và mong muốn tạo ra cái đẹp ở xung quanh.

- Thông minh, ham hiểu biết, thích khám phá tìm tòi, có một số kỹ năng cơ bản sơ đẳng cần thiết (quan sát, so sánh, phân tích tổng hợp, suy luận...) để vào trường phổ thông, thích đi học.

Mục tiêu giáo dục được xác định dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học công phu và thực tiễn phong phú. Mục tiêu giáo dục mầm non không phải là ý thức chủ quan mang tính áp đặt của các nhà giáo dục mầm non mà là đòi hỏi của thể chế xã hội, có cơ sở khoa học khách quan, dựa trên tâm sinh lý trẻ em Việt Nam, có tiếp thu thành tựu khoa học giáo dục của thế giới.

Những cơ sở để xác định mục tiêu giáo dục mầm non là:

- Xuất phát từ mục đích của nền giáo dục Việt Nam.
- Xuất phát từ đặc điểm phát triển của trẻ em trong lứa tuổi mầm non. Gồm: đặc điểm phát triển sinh lý, tâm lý.
- Tiếp thu thành tựu khoa học tiên tiến trên thế giới trong công tác giáo dục mầm non.
- Dựa trên sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non là bước chuẩn bị quan trọng cho sự phát triển để trẻ vào trường phổ thông, tạo đà quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục tiếp theo.

2. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non là khâu đầu tiên trong quá trình giáo dục con người. Nó làm tiền đề cho quá trình phát triển cả về thể chất và tư duy cho con người xã hội trong tương lai. Để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục mầm non thì phải nắm chắc những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non. Những quan điểm này được đúc kết từ kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn, kết hợp tính thời đại và truyền thống. Những quan điểm đó là: quan điểm phát triển, quan điểm hoạt động, quan điểm tích hợp.

2.1. Quan điểm phát triển

Những người tham gia vào quá trình giáo dục mầm non phải nắm vững và nhận thức đúng quan điểm này thông qua một số vấn đề dưới đây:

2.1.1. Trẻ lớn khôn thông qua hai quá trình

- Tăng trưởng (lớn) về mặt sinh học: Chiều cao, cân nặng, cơ bắp... Đây là

quá trình lớn lên về lượng của cơ thể.

- Phát triển (khôn) về mặt tâm lý, xã hội (hình thành, hoàn thiện, đa dạng hóa, phức tạp hóa các chức năng tâm lý con người, phát triển tư duy từ trực quan tới trừu tượng, biết nhìn, nghe, nói...). Đây là quá trình phát triển chức năng con người.

Phát triển có nội hàm rất phong phú, nhiều mặt. Nói đến phát triển là nói đến sự biến đổi về chất. Ví dụ trẻ biết đi, biết nói là dấu hiệu lớn và khôn.

2.1.2. Quan hệ tăng trưởng và phát triển

Hai quá trình trên liên quan biện chứng mật thiết với nhau, tăng trưởng để phát triển, phát triển thúc đẩy tăng trưởng. Chỉ khi nhân tố nào đó đạt tới một ngưỡng nhất định thì một chức năng tương ứng mới có cơ sở hình thành. Ví dụ: đến một thời kỳ nào đó trẻ mới biết đi, biết nói.

2.1.3. Tăng trưởng và phát triển của trẻ theo các giai đoạn, nhưng có tính cá thể

Tất cả quá trình trẻ tăng trưởng và phát triển đều trải qua các giai đoạn chung như biết nhìn, biết cử động, biết lẫy, biết bò trườn, biết đứng biết đi... Nhưng do đặc tính di truyền, chế độ dinh dưỡng, hoàn cảnh sống, sự giáo dục của gia đình, nhà trường mà mỗi trẻ lại có sự phát triển riêng, không giống nhau. Có trẻ biết nói sớm, có trẻ biết nói muộn hơn.

2.1.4. Trẻ phát triển do có nhu cầu thôi thúc

Ví dụ, trẻ phát triển ngôn ngữ do có nhu cầu muốn hiểu biết trên cơ sở giải quyết mâu thuẫn giữa độ phát triển của trẻ và nhu cầu hiểu biết các đối tượng xung quanh và thể hiện nhu cầu của mình.

Hai nhu cầu cơ bản của trẻ kích thích sự phát triển:

- Nhu cầu được yêu mến, an toàn trong gia đình và cộng đồng
- Nhu cầu vui chơi, sục sạo tìm hiểu thế giới xung quanh, tự bộc lộ suy nghĩ tình cảm...

2.1.5. Sự tăng trưởng và phát triển bình thường của trẻ

Trẻ được coi là tăng trưởng và phát triển bình thường khi mọi chỉ số tăng trưởng và phát triển nằm trong giới hạn trên và dưới của số liệu thống kê chung. Phải coi sự phát triển cân đối giữa lớn và khôn là chỉ tiêu hàng đầu. Nếu trẻ tăng trưởng và phát triển dưới giới hạn thì phải có biện pháp theo dõi và điều chỉnh chế độ chăm sóc và nuôi dưỡng kịp thời.

Tóm lại phải có quan điểm khoa học biện chứng về tăng trưởng và phát triển. Không tách riêng hai quá trình trên trong khi chăm sóc và giáo dục trẻ. Không nên tách biệt nuôi và dạy, cũng không nên đốt cháy giai đoạn phát triển bình thường của trẻ (thúc ép một khía cạnh phát triển nào đó mà không dựa vào đặc điểm lứa tuổi). Những điều đó sẽ dẫn tới sự phát triển lệch lạc.

2.2. Quan điểm hoạt động

Đối với trẻ, hoạt động vô cùng quan trọng, khi cá nhân trẻ tham gia vào hoạt động, thông qua hoạt động đó để phát triển cả về thể chất và tinh thần của trẻ. Hoạt động chủ đạo quyết định đến sự phát triển nhân cách của trẻ và các hoạt động khác diễn ra đồng thời với nó. Thông qua hoạt động chủ đạo này mà các quá trình tâm lý của trẻ được phát triển. Do vậy, giáo viên mầm non phải nắm được từng giai đoạn phát triển của trẻ để tổ chức các hoạt động cho trẻ tham gia tích cực. Ở mỗi thời kỳ phát triển nhất định của trẻ thì có một hoạt động chủ đạo đặc trưng cho thời kỳ phát triển đó được biểu hiện như sau:

- 3 - 12 tháng: Hoạt động chủ đạo là giao lưu xúc cảm
- 13 - 36 tháng: Hoạt động chủ đạo là hoạt động với đồ vật
- 37 - 72 tháng: Hoạt động chủ đạo là hoạt động vui chơi

Do đó, các nhà giáo dục cần tổ chức các hoạt động của người lớn thông qua hoạt động mà trẻ em được phát triển cả về thể chất và tinh thần.

2.3. Quan điểm tích hợp

Đó là sự nhìn nhận thế giới tự nhiên, xã hội con người như một thể thống nhất, nó đối lập với cách nhìn chia cắt rạch ròi các sự vật và hiện tượng trong cuộc sống chính thể của đứa trẻ. Tích hợp không chỉ là đặt cạnh nhau, liên kết với nhau mà là xâm nhập, đan xen các đối tượng hay các bộ phận của một đối tượng vào nhau tạo thành một chỉnh thể. Trong đó, không những các giá trị của từng bộ phận được bảo tồn và phát triển mà đặc biệt là ý nghĩa thực tiễn của toàn bộ cái chỉnh thể đó được nhân lên.

Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non được thể hiện ở một số điểm sau:

- Đó là mối liên quan chặt chẽ giữa chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong chăm sóc phải tính đến giáo dục và trong khi giáo dục phải quan tâm đến chăm sóc.
- Lồng ghép đan xen các hoạt động trong đó chơi là hoạt động chủ đạo. Chơi là hoạt động vốn mang tính tích hợp và chính trong hoạt động vui chơi, trẻ

tiếp thu kinh nghiệm xã hội ở nhiều góc độ nhiều lĩnh vực khác nhau, đó là những kinh nghiệm mang tính tích hợp cần cho cuộc sống của trẻ. Quan điểm tích hợp còn thể hiện trong việc xây dựng chương trình giáo dục mầm non không xuất phát từ logic phân chia các bộ môn khoa học như ở phổ thông mà phải xuất phát từ yêu cầu hình thành những năng lực kỹ năng chung nhằm tới sự phát triển chung của trẻ để hình thành nền tảng nhân cách ban đầu của trẻ.

3. Người giáo viên mầm non

3.1. Vị trí, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non

* *Vị trí* của người giáo viên mầm non trong trường mầm non giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, là người định hướng cho sự phát triển nhân cách trẻ, uốn nắn vun đắp tâm hồn trẻ để phát triển lành mạnh. Quan hệ của giáo viên mầm non với trẻ vừa là quan hệ thầy - trò vừa là quan hệ “ mẹ - con”, vừa là quan hệ bạn bè cùng học cùng chơi với trẻ.

* *Nhiệm vụ* của người giáo viên mầm non được quy định trong Quyết định 55 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 3/2/1990. Cụ thể là:

- Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy chế của nhà trẻ, trường mẫu giáo, thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch giáo dục (hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng năm) phù hợp với điều kiện của từng nhà trẻ, trường mẫu giáo.

- Gần gũi, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ của trẻ để thống nhất việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tuyên truyền cho cha mẹ của trẻ những kiến thức nuôi dạy trẻ.

- Làm đồ chơi, đồ dùng dạy học, bảo quản và sử dụng trang thiết bị, tài sản của nhóm, lớp phụ trách.

- Đoàn kết nhất trí và phấn đấu xây dựng nhóm, lớp, trường tiên tiến.

- Phấn đấu tự rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt theo tiêu chuẩn quy định.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, người giáo viên phải chủ động xây dựng cho mình kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhóm lớp mình phụ trách. Đồng thời nắm chắc nội dung, mục tiêu và có khả năng sáng tạo trong việc thực hiện chương trình chăm sóc và giáo dục mầm non.

3.2. Những yêu cầu năng lực, phẩm chất của người giáo viên mầm non

3.2.1. Yêu cầu về năng lực của người giáo viên mầm non

- Năng lực quan sát: Cần có để nhanh chóng phát hiện ra những vấn đề đang

diễn ra trong lớp, nhóm trẻ dễ dễ nhìn thấy những khiếm khuyết trong việc nuôi dạy trẻ, nắm bắt đặc điểm phát triển của từng trẻ, có biện pháp nuôi dạy thích hợp.

- Năng lực giao tiếp: Là khả năng nhận biết nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và diễn biến tâm lý bên trong của trẻ, biết sử dụng hợp lý các phương tiện, ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, biết cách định hướng điều chỉnh quá trình giao tiếp để đạt tới mục đích đã định.

- Năng lực sư phạm: Giáo viên mầm non phải có tri thức về khoa học nuôi dạy trẻ, hiểu biết sâu sắc các quy luật hình thành nhân cách trẻ, những tri thức về tâm lý, sinh lý học lứa tuổi mầm non, tri thức về chăm sóc giáo dục trẻ, nghiệp vụ về nuôi dạy trẻ là nền tảng, là cơ sở hình thành nên năng lực sư phạm.

- Năng lực quản lý: Biết xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đó. Biết chỉ huy, quản lý trẻ trong nhóm có năng lực hiểu biết con người; phát hiện kịp thời những dấu hiệu không bình thường ở trẻ, biết điều hành ra quyết định kịp thời những sự việc trong nhóm trẻ.

- Năng lực cảm hoá, thuyết phục: Giáo viên mầm non phải rất nhạy cảm, có sức cuốn hút trẻ, phải kiên nhẫn, mềm dẻo để giải quyết các tình huống gay gắt; biết lắng nghe; biết gợi mở, hiểu được tâm trạng của mỗi trẻ, mỗi lúc. Sẽ rất tai hại nếu trẻ chỉ sợ cô chứ không yêu cô.

3.2.2. Yêu cầu về phẩm chất cơ bản của giáo viên mầm non

- Lòng nhân ái và sự đôn hậu: Đây là điều kiện tiên quyết, số một đối với giáo viên mầm non. Bởi vì thương yêu con người là bản chất của giáo dục, không có sự thương yêu con người, không có lòng vị tha thì không thể có sự giáo dục thực sự. Sự thương yêu con người là phẩm chất hàng đầu của người giáo viên mầm non.

- Toàn tâm, toàn ý cho công việc: Yêu nghề mến trẻ thể hiện tình thương yêu trẻ, say mê với công việc chăm sóc giáo dục trẻ có hiệu quả hơn.

- Có lập trường tư tưởng vững vàng thể hiện ở sự yên tâm với nghề nghiệp, không bị dao động trước những khó khăn trở ngại của xã hội với nghề nghiệp, luôn có ý hướng phấn đấu vì sự nghiệp giáo dục trẻ thơ.

- Thái độ công bằng: Với trẻ thơ đòi hỏi sự công bằng tuyệt đối. Công bằng là cơ sở niềm tin của trẻ đối với cô.

- Tính trung thực: Phản ánh đúng sự thật. Muốn vậy người giáo viên mầm non không để tình cảm, định kiến của cá nhân xen vào công việc, không tô hồng, bôi đen, bóp méo sự thật.

- Tính cởi mở: Thể hiện vui vẻ, dịu dàng hoà nhập vào mối quan hệ với trẻ thì mới hiểu được trẻ và giáo dục mới có hiệu quả cao.

- Tính dũng cảm kiên quyết: Biểu hiện thái độ cứng rắn, kiên trì trong hành động để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

III. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON VÀ SÁCH HƯỚNG DẪN

1. Các nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non

1.1. Đảm bảo tính mục đích

Chương trình phải thiết thực, thực hiện tối ưu mục tiêu kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện

Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ phải đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện, hài hòa một cách tổng thể.

Các tác động sư phạm phải mang tính tổng hợp, tác động đồng bộ đến sự tăng trưởng và phát triển tâm sinh lý của trẻ. Chế độ sinh hoạt trong ngày phải có ăn, ngủ, chơi, tập... ở mẫu giáo phải chú trọng thêm các mặt của giáo dục: thể dục, đức dục, trí dục, giáo dục thẩm mỹ và lao động. Lấy hoạt động vui chơi là chủ đạo, nhưng từng bước hình thành các yếu tố hoạt động học tập và tiền đề của hoạt động lao động.

1.3. Nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa chăm sóc và giáo dục

Giáo dục mầm non là giáo dục theo phương thức mẹ - con, cho nên bên cạnh việc giáo dục thì phải chú ý chăm sóc bảo vệ, trông nom trẻ hàng ngày, phải tạo môi trường an toàn, ấm cúng, tình cảm cho trẻ.

1.4. Nguyên tắc kết hợp giáo dục trẻ trong nhóm bạn bè với giáo dục từng cháu một

Bên cạnh việc chăm sóc giáo dục trẻ theo nhóm, các cô nuôi dạy trẻ cần quan tâm tới tính riêng biệt của từng trẻ để có phương pháp giúp trẻ tốt hơn. Trẻ em rất non nớt về mọi mặt, sự tăng trưởng và phát triển của từng trẻ phụ thuộc vào nhiều yếu tố: di truyền, điều kiện kinh tế, nền nếp gia đình, tính cá thể... Cho nên không thể áp đặt chỉ một cách chăm sóc giáo dục chung cho tất cả các em, mà phải chú ý tới tính cá thể đó.

1.5. Nguyên tắc kết hợp giáo dục giữa trường mầm non với gia đình

Giáo dục mầm non mang nhiều tính chất giáo dục gia đình. Gia đình là trường học đầu tiên của trẻ. Trách nhiệm của người mẹ và cô giáo không khác nhau đáng kể. Phải tạo điều kiện cho trẻ có môi trường ở trường không khác xa ở nhà. Từ đó tạo nên sự phát triển hài hòa, liên tục trong tâm sinh lý của trẻ.

1.6. Nguyên tắc kết hợp tính linh hoạt trong chương trình

Chương trình giáo dục mầm non khác với chương trình phổ thông là không lấy mức độ tri thức truyền đạt làm trọng tâm, mà lấy việc hình thành và phát triển mầm mống ban đầu hình thành nhân cách trẻ làm chính, giáo dục thông qua các hoạt động chơi. Vì vậy trong chương trình giáo dục mầm non có thể thêm bớt tăng giảm hoặc thay đổi hình thức giáo dục, tùy vào hoàn cảnh và tình huống cụ thể miễn sao mang lại hiệu quả và đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

1.7. Nguyên tắc kết hợp vai trò chủ đạo của cô giáo mầm non và phát huy tính tích cực hoạt động của trẻ

Bản chất của quá trình dạy học là quá trình tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh. Trẻ còn nhỏ cho nên cô giáo vẫn là người chủ đạo, nhưng trẻ cũng có mong muốn tìm hiểu hiện tượng sự vật xung quanh. Trẻ càng tích cực thì sự hiểu biết của trẻ càng nhanh và vững vàng. Đây là một khía cạnh của phương pháp giáo dục tích cực.

2. Giới thiệu chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non và sách hướng dẫn theo định hướng đổi mới

2.1. Vài nét sơ lược về chương trình hiện hành

2.1.1. Chương trình chăm sóc giáo dục nhà trẻ từ 3 - 36 tháng

Cấu trúc:

+ Lời nói đầu

+ Chương trình được chia làm 3 độ tuổi với các nội dung: yêu cầu cần đạt; nội dung chăm sóc; nội dung phát triển; kế hoạch luyện tập. Trong phần nội dung giáo dục, phát triển gồm phát triển vận động (luyện giác quan), phát triển lời nói, giáo dục âm nhạc, hoạt động với đồ vật.

2.1.2. Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo

Sách chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo gồm 3 quyển:

Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo và hướng dẫn thực hiện cho

từng lứa tuổi mẫu giáo gồm 3 - 4 tuổi, mẫu giáo bé; 4 - 5 tuổi, mẫu giáo nhỡ; 5 - 6 tuổi, mẫu giáo lớn. Cấu trúc văn bản chương trình và sách hướng dẫn gồm hai phần:

Phần một: Lời nói đầu và yêu cầu cần đạt độ tuổi

Nội dung chương trình gồm:

- Chế độ sinh hoạt chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
- Giáo dục và phát triển gồm: Hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động, hoạt động lễ hội...

Phân phối chương trình (hoạt động vui chơi, hoạt động học tập). Trong đó, hoạt động học tập được phân chia thành 6 môn: thể dục, tạo hình, âm nhạc, làm quen với văn học, làm quen với toán, làm quen với môi trường xung quanh.

Phần hai: Hướng dẫn thực hiện

Bao gồm:

- Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày, gợi ý soạn bài, lên kế hoạch chăm sóc, giáo dục, hướng dẫn chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

- Hướng dẫn giáo dục và phát triển. Trong đó nhấn mạnh đến các môn học trong hoạt động học tập theo từng bài soạn.

- Ưu điểm: Cung cấp kiến thức và kỹ năng hoạt động cho trẻ ở các lứa tuổi: nhà trẻ là hoạt động luyện tập có chủ đích, mẫu giáo chủ yếu là hoạt động học tập.

- Nhược điểm: Nội dung chăm sóc giáo dục của chương trình còn nặng về cung cấp các tri thức kỹ năng còn đơn lẻ, chưa mang tính tích hợp, chưa phát huy được tính tích cực của cá nhân trẻ, tính sáng tạo của trẻ.

2.2. Chương trình đổi mới theo hướng tích hợp chủ đề

Những điểm mới của chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. Gồm hai phần:

- Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 - 36 tháng

- Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 - 6 tuổi.

Chương trình mới được xây dựng với đầy đủ từ mục tiêu, nội dung, phương pháp các hoạt động giáo dục đến điều kiện thực hiện và đánh giá. Cấu trúc của chương trình kể cả hai lứa tuổi nhà trẻ mẫu giáo thống nhất gồm 5 phần:

Phần 1: Mục tiêu, nguyên tắc và kế hoạch thực hiện chương trình

Phần 2: Nội dung chương trình gồm hai phần: Nuôi dưỡng chăm sóc và nội dung phát triển (phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ,

phát triển tình cảm xã hội). Đối với tuổi mẫu giáo 3 - 6 tuổi có thêm nội dung phát triển thẩm mỹ còn với lứa tuổi nhà trẻ phát triển thẩm mỹ được lồng ghép trong nội dung phát triển tình cảm xã hội.

Phần 3: Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp phù hợp với từng độ tuổi nhà trẻ mẫu giáo.

Phần 4: Các điều kiện thực hiện chương trình

Phần 5: Đánh giá. Bao gồm nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá trẻ trong quá trình chăm sóc giáo dục và đánh giá thực hiện chương trình.

3. Giới thiệu về sách hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non

Bộ sách này được cấu trúc thành các quyển riêng, gồm:

- Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non - nhà trẻ từ 3 - 36 tháng.

- Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non - mẫu giáo 3 - 4 tuổi.

- Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non - mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

Bộ sách này giúp các nhà giáo dục phát huy khả năng sáng tạo, chủ động trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo hướng tích hợp chủ đề một cách mềm dẻo linh hoạt phù hợp với thực tế trường lớp địa phương theo từng độ tuổi.

Trong mỗi quyển sách được cấu trúc gồm 5 phần sau:

Phần I: Chế độ sinh hoạt. Phần này bao gồm nội dung chế độ sinh hoạt, hướng dẫn thực hiện theo hướng tích hợp chủ đề.

Phần II: Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ, gồm: tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh, theo dõi sức khoẻ và phòng bệnh, bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

Phần III: Đối với nhà trẻ là giáo dục phát triển, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đi theo 3 độ tuổi: 3 - 12 tháng, 12 - 24 tháng, 24 - 36 tháng. Trong đó mỗi độ tuổi được thực hiện theo các nội dung sau:

- Phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm xã hội. Nội dung mỗi lĩnh vực phát triển đưa ra các mốc phát triển, mục tiêu được cụ thể hoá, gợi ý hoạt động và tiến hành thực hiện theo hướng tích hợp chủ đề. Ngoài ra còn hướng dẫn cho giáo viên biết lập kế hoạch giáo

dục theo nhóm cá nhân trẻ, theo tháng tuần các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp phù hợp với từng độ tuổi.

- Phần IV: Đối với sách chương trình lứa tuổi mẫu giáo là hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện. Cụ thể là gợi ý tiến hành các hoạt động trong từng lĩnh vực nội dung, hướng dẫn xây dựng mạng chủ đề, mạng hoạt động để cho trẻ khám phá chủ đề. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch tuần theo chủ đề phù hợp với điều kiện từng địa phương.

Phần IV của sách chương trình lứa tuổi nhà trẻ và phần V của sách chương trình lứa tuổi mẫu giáo là hướng dẫn thực hiện đánh giá. Đó là các tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá, mẫu phiếu quan sát các hoạt động để đánh giá trẻ và đánh giá thực hiện chương trình.

Phần V của sách chương trình nhà trẻ và phần VI của sách chương trình mẫu giáo gợi ý giáo viên nắm được cách thức phối hợp với gia đình, cộng đồng trong việc chăm sóc giáo dục phù hợp với từng độ tuổi.

Câu hỏi

1. Trình bày mục tiêu giáo dục mầm non.
2. Trình bày các quan điểm giáo dục mầm non và cách vận dụng vào việc chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
3. Người giáo viên mầm non cần phấn đấu để hoàn thành theo các nhiệm vụ, chức năng, yêu cầu nào?

Bài tập thực hành

1. Hãy cho biết ở địa phương em có những loại hình trường mầm non nào?

Phần hai

CÁC MẶT GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

Chương 4

GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

Mục tiêu:

- Giáo sinh có được những kiến thức về giáo dục thể chất.
- Giáo sinh có được kiến thức về nội dung phương pháp giáo dục thể chất ở độ tuổi mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.
- Nhiệm vụ của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.
- Nội dung - phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ nhà trẻ
- Nội dung - phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo.

I. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

1. Khái niệm

Giáo dục thể chất là một bộ phận quan trọng của giáo dục và phát triển toàn diện trẻ mầm non, đó là quá trình tác động chủ yếu vào cơ thể trẻ thông qua việc rèn luyện cơ thể, tổ chức cho trẻ vận động, giữ gìn vệ sinh, tổ chức chế độ sinh hoạt hợp lý nhằm bảo vệ cơ thể trẻ, làm cho cơ thể trẻ phát triển hài hoà cân đối, tăng cường sức khoẻ, hoàn thiện thể chất, làm cơ sở phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

2. Ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Giáo dục thể chất là nền tảng ban đầu để thực hiện mục tiêu giáo dục và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ mầm non. Sự phát triển thể chất của trẻ trong tuổi mầm non đặt cơ sở cho sự phát triển thể chất suốt cuộc đời sau này của trẻ, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tâm lý và nhân cách trẻ.

Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Cơ thể trẻ giai đoạn này phát triển cực kỳ mạnh. Hệ thần kinh, hệ cơ xương hình thành nhanh, các bộ máy trong cơ thể đang phát triển và hoàn thiện. Cơ thể trẻ còn non nớt dễ phát triển lệch lạc, mất cân đối. Nếu không được chăm sóc và giáo dục đúng phương pháp thì trẻ lớn lên bị tật cong vẹo sau này không thể khắc phục được. Cơ thể khoẻ mạnh làm cho trẻ yêu đời và dễ thành công trong mọi hoạt động.

Khi thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, giáo viên cần lưu ý đến sức khoẻ, năng lực, phẩm chất thể lực của từng trẻ. Nắm chắc nguyên lý giáo dục cá biệt và phát triển. Có nghĩa là không phải tất cả trẻ đều có sức khoẻ như nhau, có trẻ khoẻ hơn và có trẻ yếu hơn. Đối với trẻ yếu thì cô giáo phải chú ý giúp đỡ nâng thể lực dần dần.

Mối liên hệ của giáo dục thể chất với các mặt giáo dục khác bao gồm:

- Giáo dục thể chất với giáo dục trí tuệ: Trẻ có sức khoẻ dồi dào và thể lực tốt, khả năng thích nghi và làm việc cao là điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trí tuệ và giúp trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động nhận thức và hoạt động sinh hoạt khác.

Sự phát triển của cơ thể, của tay có ảnh hưởng tới sự phát triển các trung khu thần kinh vận động của vỏ bán cầu đại não và ảnh hưởng quan trọng tới việc phát triển tư duy, ngôn ngữ. Vận động làm tích cực hoá các hoạt động hệ thống cơ quan phân tích, cảm giác. Hệ thần kinh được thăng bằng, các giác quan được phát triển đầy đủ, tăng cường độ nhanh nhạy, tỉnh táo trong tiếp nhận các kích thích của xung quanh. Qua đó làm cho trẻ tích cực tìm hiểu thế giới xung quanh, tích cực hoạt động với đồ vật. Trẻ sẽ được tăng cường độ nhạy cảm và hiểu biết. Giáo dục thể chất phát triển khả năng định hướng trong không gian của trẻ.

- Giáo dục thể chất với giáo dục đạo đức: Giáo dục thể chất góp phần hình thành ở trẻ biểu tượng về các hành vi và chuẩn mực đạo đức như sự dũng cảm, tính thật thà, cẩn thận...

Các bài tập thể dục được luyện tập một cách hệ thống góp phần phát triển ở trẻ các phẩm chất ý chí của cá nhân như tính độc lập, tích cực, kiên quyết, dũng cảm... Đồng thời tạo ra cho trẻ nhiều cảm xúc, tình cảm hứng thú, qua đó giúp trẻ hình thành tính tổ chức, tính kỷ luật, lòng quyết tâm thực hiện các công việc được giao.

Giáo dục thể chất được thực hiện dưới nhiều hình thức như tập thể, nhóm... nên giáo dục thể chất tạo điều kiện hình thành và giáo dục tính tập thể, tinh thần giúp đỡ bạn, lòng tương thân tương ái. Từ đó hình thành dần phẩm chất đạo đức con người.

- Giáo dục thể chất với giáo dục thẩm mỹ: Giáo dục thể chất góp phần hình thành ở trẻ biểu tượng về cái đẹp qua hình dáng, qua tác phong, tư thế đi, đứng, vận động của trẻ. Có sức khoẻ thì trẻ hoàn thành tốt những bài tập thể dục nghệ thuật, tham gia vào các hoạt động văn nghệ, để bắt chước động tác nghệ thuật theo âm nhạc, đội hình. Đây là những khía cạnh về thẩm mỹ của cuộc sống.

Giáo dục thể chất góp phần hình thành xúc cảm, tình cảm thẩm mỹ, đồng thời thúc đẩy trẻ ham muốn tạo ra cái đẹp thông qua việc chăm sóc thân thể, giữ tư thế đẹp, biểu diễn các bài tập thể dục diễn cảm, ăn khớp nhạc điệu...

- Giáo dục thể chất với giáo dục lao động: Giáo dục thể chất phát triển các phẩm chất của cơ thể, của các thao tác vận động. Phát triển sức khoẻ tạo nên tính nhanh nhẹn, khéo léo, sức bền. Trẻ có khoẻ mạnh thì mới hăng hái hoạt động.

3. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

3.1. Bảo vệ tăng cường sức khoẻ, phát triển cân đối hình dạng cơ thể trẻ, tăng sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch để trẻ thích ứng với những thay đổi của thời tiết môi trường để đảm bảo tăng trưởng và phát triển hài hoà cân đối cơ thể trẻ.

Đây là nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục thể lực vì cơ thể trẻ đang phát triển với tốc độ nhanh trong quá trình hoàn thiện hệ thống các cơ quan chức năng và các hệ cơ quan như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh... Mặt khác, cơ thể trẻ còn rất non nớt, sức đề kháng và khả năng thích nghi kém nên dễ chịu ảnh hưởng của các tác động bên ngoài như sự thay đổi nhiệt độ của thời tiết (từ nóng chuyển sang lạnh hoặc ngược lại) dễ làm trẻ viêm phế quản,

viêm đường hô hấp... Đồng thời, bản thân trẻ chưa biết tự chăm sóc bảo vệ cơ thể mình, cuộc sống của trẻ còn hoàn toàn phụ thuộc vào sự chăm sóc nuôi dưỡng của người lớn. Do đó, muốn thực hiện nhiệm vụ này người lớn cần tổ chức chế độ sinh hoạt hợp lý, tổ chức tốt công tác vệ sinh hàng ngày cho trẻ, tổ chức cho trẻ được vận động và rèn luyện hợp lý, tổ chức chăm sóc y tế thường xuyên, phòng và chữa bệnh kịp thời.

3.2. Hình thành các kỹ năng, kỹ xảo và các phẩm chất vận động

Các kỹ năng vận động cơ bản gồm: đi, chạy, nhảy, bò, ném, tung, bắt... Ngoài ra, còn có các kỹ năng vận động khác như bơi lội, đi xe đạp, đá bóng... Các phẩm chất thể lực gồm: nhanh, mạnh, bền, khéo, dẻo dai, linh hoạt... Vận động là nhu cầu tự nhiên của con người và được phát triển tương đối sớm, do vậy cần được luyện tập, phát triển và hoàn thiện. Chính sự rèn luyện các kỹ năng vận động có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển cơ thể như làm tăng cường hoạt động của cơ bắp, tăng cường quá trình canxi hoá của xương, hoàn thiện chức năng các cơ quan nội tạng như hệ hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, làm tăng cường quá trình trao đổi chất... Đồng thời làm tăng sức đề kháng, khả năng thích nghi của cơ thể đối với sự thay đổi thời tiết môi trường. Trong quá trình trẻ vận động đã hình thành các phẩm chất vận động.

Thực hiện nhiệm vụ này bằng cách cho trẻ tập các bài thể dục theo chương trình phù hợp với lứa tuổi, tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi vận động, các loại hình thể thao như bơi lội, đi xe đạp, chơi với bóng, vòng gậy, tổ chức cho trẻ được dạo chơi ngoài trời, đi tham quan...

3.3. Giáo dục và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo vệ sinh văn hoá

Dạy trẻ các kỹ năng, kỹ xảo vệ sinh bao gồm: biết rửa mặt, rửa tay, chải đầu, biết tắm gội giữ gìn cơ thể sạch sẽ. Biết giữ vệ sinh trong ăn uống, giữ vệ sinh nơi công cộng.

Dạy trẻ có nếp sống văn hoá như: biết sinh hoạt đúng giờ giấc, giờ nào việc nấy, có nếp sống ngăn nắp gọn gàng (biết để giày dép tư trang vào nơi quy định...). Cần thực hiện nhiệm vụ này bởi vì giáo dục kỹ năng, kỹ xảo vệ sinh văn hoá là giúp trẻ biết tự chăm sóc bảo vệ cơ thể mình và giúp cho việc bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của trẻ, đồng thời có ý nghĩa giáo dục đạo đức.

Muốn thực hiện nhiệm vụ này giáo viên mầm non thường xuyên dạy trẻ kỹ năng vệ sinh văn hoá như làm mẫu thao tác cho trẻ xem rồi cho trẻ làm đi làm lại hàng ngày.

Người lớn phải mẫu mực trong việc thực hiện nguyên tắc vệ sinh.

Thực hiện tốt chế độ sinh hoạt hàng ngày để hình thành ở trẻ các thói quen vệ sinh và động hình hành động.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ DƯỚI 3 TUỔI (NHÀ TRẺ)

1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ dưới 3 tuổi (nhà trẻ)

Thế nào là chế độ sinh hoạt của trẻ?

Chế độ sinh hoạt của trẻ là một quy trình khoa học nhằm phân phối thời gian và trình tự các hoạt động chơi, ăn uống, ngủ, nghỉ ngơi trong ngày một cách hợp lý nhằm đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.

Chế độ sinh hoạt hàng ngày đối với trẻ dưới ba tuổi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp trẻ thoả mãn nhu cầu trong ngày về ăn, ngủ, chơi, tập và nghỉ ngơi hợp lý tạo cho trẻ một nhịp điệu sống phù hợp với nhịp điệu sinh học của cơ thể. Một quy trình hợp lý sẽ giúp trẻ phát triển thể lực và tâm lý vững chắc.

Có thể nói rằng: chế độ sinh hoạt là một con đường quan trọng để giáo dục thể chất cho trẻ dưới 3 tuổi.

Một số yêu cầu cần quán triệt khi xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ:

- Phải phù hợp với đặc điểm lứa tuổi
- Làm thoả mãn kịp thời nhu cầu phát triển của trẻ phù hợp nhu cầu độ tuổi.
- Đảm bảo các điều kiện vệ sinh
- Không áp đặt theo ý kiến và mong muốn chủ quan của người lớn mà xuất phát từ nhu cầu tự nhiên của trẻ.
- Thực hiện chế độ sinh hoạt phải mềm dẻo linh hoạt tùy thuộc vào hoàn cảnh và đặc điểm riêng của từng trẻ.

- Chế độ sinh hoạt phải được thực hiện cố định. Không được xáo trộn các trật tự trong chế độ sinh hoạt hàng ngày để tạo thói quen nề nếp cho trẻ.

Nội dung chế độ sinh hoạt của trẻ dưới 3 tuổi là: chế độ ăn uống, chế độ ngủ, tổ chức vệ sinh cá nhân, chế độ hoạt động (chơi, tập động tác).

1.1. Tổ chức ăn uống

Ăn uống là nhu cầu tự nhiên (sinh học) của trẻ qua đó mà trẻ tăng trưởng về thể chất và phát triển toàn diện.

Trẻ em dưới một năm cho bú sữa mẹ. Sữa mẹ là chất dinh dưỡng không thể thiếu được. Nếu trường hợp thiếu sữa mẹ cần cho ăn thêm sữa ngoài (bú sữa

nhân tạo). Trẻ từ 12 tháng đến 18 tháng ăn cháo; trẻ 19 tháng đến 24 tháng ăn cơm nát, cháo; trẻ 25 tháng đến 36 tháng ăn cơm thường, thức ăn gần giống khẩu vị của người lớn.

Khi trẻ ăn, phải tích cực giúp trẻ tham gia tích cực vào việc ăn, tránh làm những điều khiến trẻ bị phân tán khỏi bữa ăn. Kịp thời giúp trẻ có những thói quen và kỹ năng (cho trẻ ăn bằng thìa và sau đó tự tay trẻ bưng tách sữa, uống lấy một mình). Tập cho trẻ ăn thức ăn đa dạng về khẩu vị và chất dinh dưỡng.

1.2. Tổ chức ngủ

Giấc ngủ là liều thuốc an thần cho não và hệ thần kinh giúp phục hồi sức làm việc của não sau các hoạt động của trẻ trước đó. Trẻ càng nhỏ thì sức làm việc của hệ thần kinh càng yếu vì thế trẻ mau mệt mỏi. Giấc ngủ giúp trẻ bù đắp lại sức làm việc của não và hệ thần kinh. Do đó, cần cho trẻ dưới ba tuổi được ngủ đủ giấc và ngủ sâu, ngủ say.

Đối với trẻ dưới ba tuổi không nên cho trẻ thức quá 20 giờ nếu thấy trẻ kém ngủ hoặc ngủ li bì thì phải cho trẻ đi khám bệnh tìm nguyên nhân để điều trị kịp thời . Đối với trẻ 12 - 18 tháng, ngủ hai giấc trong ngày ở nhà trẻ, giấc thứ nhất vào buổi sáng sau khi đón trẻ thời gian ngủ 60 - 90 phút, giấc hai vào buổi trưa ngủ dài thời gian từ 120 - 150 phút. Khi cho trẻ ngủ cần thực hiện một số yêu cầu sau:

- Tập cho trẻ ngủ đúng giờ, tạo thói quen đã nằm là ngủ ngay
- Tạo cho trẻ có tâm trạng thoải mái vui vẻ nhẹ nhàng trước khi ngủ
- Không để trẻ đùa vui quá nhiều trước khi ngủ hoặc người lớn không dọa nạt không kể chuyện gây sợ hãi cho trẻ trước khi ngủ.

Đặt trẻ ngủ theo tư thế thuận lợi thoải mái và thói quen cho trẻ từ dưới một tuổi nên vỗ về trẻ ngủ và ru trẻ bằng những khúc hát ru, bài hát dân ca đầm thắm, đầy chất thơ và có âm điệu mượt mà.

Tạo cho trẻ cảm giác an toàn, được âu yếm và được yêu thương khi đi vào giấc ngủ và trong khi ngủ.

1.3. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ

Cần tập cho trẻ dưới 3 tuổi biết vệ sinh cá nhân như vậy sẽ giúp trẻ quen dần nếp sống vệ sinh và khi thành thói quen thì sau này trẻ sẽ thành người có văn hoá vệ sinh, trật tự, ngăn nắp. Ngay trong năm đầu trẻ được dạy giữ gìn vệ sinh sạch sẽ và ngăn nắp. Năm thứ hai, trẻ học được thói quen vệ sinh như rửa

tay dùng khăn. Năm thứ ba thì ở trẻ đã hình thành khá nhiều hành vi văn hóa vệ sinh cần cho cuộc sống.

2. Tổ chức luyện tập và phát triển vận động của trẻ dưới 3 tuổi

Vận động là nhu cầu tự nhiên của trẻ.

Trẻ khỏe mạnh là đứa trẻ hiếu động, tiền đề cho phát triển trí tuệ. Việc phát triển vận động của trẻ không chỉ có phát triển thể chất mà còn kéo theo phát triển tâm lý. Chính vì vậy khi bị hạn chế vận động trẻ đâm ra hay quấy khóc. Sự phát triển các vận động bằng tay cho phép đứa trẻ hành động một cách đa dạng với các đồ vật. Còn việc đi bộ thì tập cho trẻ quen với môi trường. Khi bị thiếu vận động, giữ lâu trong trạng thái tĩnh trẻ em phát triển những vận động thoái hoá: cắn bàn tay, mút ngón tay, cách vận động ấy kìm hãm sự phát triển của trẻ.

Sự kích thích các cơ quan phân tích vận động ở trẻ khi bước vào năm thứ hai sẽ giúp cho cơ thể phát triển.

Tính tích cực vận động sẽ ảnh hưởng đến trạng thái chức năng của não, nâng cao trương lực của vỏ não và do đó tạo ra những điều kiện thuận lợi để sản sinh ra những mối liên hệ mới, để các mối liên hệ đó hoạt động và qua đó trẻ phát triển về thân kinh và tâm lý.

Trẻ dưới ba tuổi cần được người lớn dạy cho các vận động cơ bản như: (lẫy, bò, đứng, đi, chạy, nhảy, bước qua chướng ngại vật), tổ chức cho trẻ dưới ba tuổi vận động cần theo các yêu cầu và nguyên tắc:

- Chọn các trò chơi và bài tập vận động có tác động đến sự vận động cơ thể đặc biệt là sự vận động cơ bắp.

- Chọn các trò chơi và bài tập gây hứng thú đối với trẻ, yêu cầu phải vừa sức với trẻ mới có ý nghĩa phát triển.

- Khi tổ chức những buổi luyện tập cần phải tùy theo độ tuổi và thậm chí theo đặc điểm riêng của trẻ để có các mức độ yêu cầu khác nhau (trẻ dưới một tuổi sử dụng bài tập: xoa bóp, tập lẫy, lật ngối, đứng, đi men và tập đi).

Đối với trẻ 2 - 3 tuổi sử dụng những trò chơi vận động đơn giản mà hứng thú, nhằm phát triển các vận động cơ bản như đi chạy, nhảy, bò... đặc biệt dùng các bài tập đi tự do, thể dục buổi sáng.

- Cần hướng dẫn và yêu cầu trẻ có mức độ hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp làm cho tất cả mọi trẻ em đều được hoạt động. Tổ chức hoạt động luân phiên giữa động và tĩnh cho trẻ.

Rèn luyện cho trẻ dưới ba tuổi thích nghi với những điều kiện sống:

- Hệ thống các biện pháp nhằm nâng cao dần sức đề kháng, chịu đựng của cơ thể trẻ tạo ra điều kiện cho trẻ có khả năng thích nghi với môi trường luôn thay đổi song không có hại đến cơ thể trẻ gọi là rèn luyện trẻ.

- Rèn luyện trẻ có sức chịu đựng với nắng, gió, ngoài trời bằng cách tắm nắng, tắm gió, tắm nước lạnh. Cần tuân theo nguyên tắc tăng dần sức chịu đựng của độ tuổi, chú ý đến đặc điểm cá nhân.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ 3 - 6 TUỔI (MẪU GIÁO)

1. Giáo dục các kỹ năng, kỹ xảo thói quen vệ sinh văn hoá

Giáo dục thói quen vệ sinh là nội dung quan trọng trong giáo dục thể chất và hình thành nhân cách. Trong trường mẫu giáo có thể chia thành các nhóm thói quen sau:

- Vệ sinh thân thể: Tập cho trẻ thói quen sạch sẽ, giữ gìn vệ sinh thân thể (rửa mặt mũi chân tay), không cho tay, đồ chơi hoặc bất kỳ vật nào vào miệng, súc miệng, dùng khăn tay.

- Vệ sinh quần áo: Giữ gìn quần áo sạch sẽ, không quỳ, ngồi lê la trên đất bẩn lúc chơi hay đi dạo ngoài trời.

- Vệ sinh ăn uống: Rửa tay trước khi ăn, nhai kỹ, không bốc thức ăn bằng tay, không làm rơi vãi thức ăn, ăn xong biết rửa tay, súc miệng, lau mồm.

- Vệ sinh môi trường: Đi vệ sinh đúng chỗ, không vứt rác bừa bãi, không làm bẩn môi trường.

Việc hình thành kỹ năng kỹ xảo là một quá trình lâu dài, đòi hỏi phải rèn luyện thường xuyên. Vì vậy cô giáo và gia đình cần rèn trẻ thường xuyên theo mức độ yêu cầu tăng dần theo độ tuổi và khả năng lĩnh hội của trẻ.

Thói quen văn hoá vệ sinh là yêu cầu của xã hội, phù hợp với những tiêu chuẩn hành vi văn hoá đạo đức. Phần lớn những kỹ xảo và thói quen này hình thành ở tuổi mẫu giáo. Tuổi này trẻ có hệ thần kinh mềm mại, dễ hình thành các phản xạ có điều kiện.

Do vậy cần rèn luyện các thói quen văn hoá, vệ sinh cho trẻ. Muốn làm được điều đó người lớn cần phải:

- Sắp xếp các thao tác cho trẻ hành động một cách hợp lý

- Phải lặp đi lặp lại nhiều lần, kiên trì có sự hướng dẫn của người lớn để kỹ

năng trở thành thói quen của trẻ.

- Từng bước giúp trẻ ý thức được ý nghĩa và sự hợp lý của các thao tác, các hành động văn hoá vệ sinh. Từ đó có nhu cầu hình thành thói quen văn hoá vệ sinh của trẻ.

- Người lớn phải gương mẫu cho trẻ bắt chước.

- Các kỹ năng, kỹ xảo, thói quen cần phải được thường xuyên củng cố và thống nhất mọi lúc mọi nơi. Vì thế sẽ cần có sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

2. Phát triển vận động

Vận động làm cho toàn bộ cơ thể trẻ hoạt động, tăng cường hoạt động của hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, tăng cường sự trao đổi chất làm cho thể lực của trẻ phát triển. Vận động phát triển sẽ kéo theo phát triển tâm lý.

Các trò chơi vận động, các tiết thể dục, đi dạo đã làm cho trẻ phát triển tính nhanh nhẹn, chính xác, kỷ luật, tính cộng đồng, khả năng định hướng...

Hình thành các kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản thông qua các hoạt động vận động, các bài tập thể dục thể thao, các trò chơi. Phát triển các tố chất vận động: khéo léo, nhanh nhẹn, sự phối hợp giữa các vận động, sức bền, sức chịu đựng cao. Đây là những yếu tố cần thiết cho trẻ trưởng thành.

Khi thực hiện chương trình giáo dục thể chất nhằm phát triển vận động của trẻ cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Chọn các bài tập, trò chơi vận động có tác dụng chung đến cơ thể, nhiều cơ bắp tham gia.

- Chọn bài tập và trò chơi gây hứng thú cho trẻ và vừa sức.

- Chọn bài tập và trò chơi phát triển các vận động cơ bản: đi, chạy nhảy, leo trèo và hình thành kỹ năng kỹ xảo các vận động ấy.

- Tăng cường các nhóm cơ bắp còn yếu về mặt sinh lý và giáo dục tư thế đúng.

- Giáo dục kỹ năng hành động và vận động nhóm.

Phát triển vận động được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú như: trò chơi vận động, bài tập thể dục, tiết học thể dục, dạo chơi, trò chơi thể thao, lao động. Trong đó trò chơi vận động, trò chơi thể thao là những hình thức giáo dục thể chất hấp dẫn trẻ.

3. Chế độ sinh hoạt của trẻ trong trường mẫu giáo

Chế độ sinh hoạt hàng ngày là phương tiện giáo dục thể chất. Chế độ sinh

hoạt hàng ngày được thực hiện một cách lặp đi lặp lại và nghiêm túc thì sẽ trở thành thói quen vệ sinh, văn hoá của trẻ.

Chế độ sinh hoạt của trẻ mẫu giáo có những yêu cầu sau:

- Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của trẻ mẫu giáo.
- Phù hợp với độ tuổi và phù hợp đặc điểm cá nhân

Việc thoả mãn đúng lúc và đầy đủ nhu cầu cơ thể tạo ra những điều kiện tối ưu cho hoạt động hệ thần kinh cấp cao, để phòng tình trạng mệt mỏi của trẻ, ngăn ngừa những cảm xúc tiêu cực.

3.1. Tổ chức ăn

Trẻ mẫu giáo có tốc độ tăng trưởng nhanh về cơ thể. Khẩu phần ăn của trẻ đòi hỏi phải đầy đủ về lượng và về chất. Thiếu ăn hoặc ăn quá no dẫn đến sự hạn chế lớn đối với sự phát triển của trẻ. Làm thiếu chất hoặc rối loạn tiêu hoá, phá hoại quá trình trao đổi chất, hậu quả là trẻ yếu ớt và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tâm lý.

- Chế độ ăn hợp lý dựa trên nhu cầu cần thiết của mỗi độ tuổi bảo đảm đủ về dinh dưỡng đủ thành phần hoá học cần thiết (protein, lipit, glucit, muối khoáng, vitamin). Nhưng chế biến phải phù hợp với khẩu vị của trẻ.

- Phương pháp tổ chức ăn uống cho trẻ cần phải hợp lý. Trước và trong bữa ăn không được để yếu tố tâm lý nào làm ức chế tiết dịch tiêu hoá của trẻ. Khung cảnh phải yên tĩnh thanh thản, có không khí hào hứng ăn uống thì trẻ mới ăn ngon miệng và dễ tiêu hoá.

- Phòng ăn phải thoáng mát sạch sẽ.

- Bàn ghế phải thuận tiện cho đứng lên ngồi xuống của trẻ. Bát đĩa phải phù hợp với độ tuổi và có tính thẩm mỹ, vệ sinh.

- Trước khi ăn nửa giờ cần kết thúc đi dạo, các trò chơi kích thích. Không làm trẻ căng thẳng, ức chế trước khi ăn. Cần rèn cho trẻ một số thói quen vệ sinh trong ăn uống như: không đánh đổ, đánh rơi đánh vãi thức ăn, không vừa nhai vừa nói, không đùa nghịch trong khi ăn...

3.2. Tổ chức ngủ

Giấc ngủ của trẻ có ý nghĩa to lớn trong việc phục hồi sức làm việc của hệ thần kinh. Cần rèn cho trẻ có chế độ ngủ hợp lý và thói quen tốt với giấc ngủ. Tình trạng ngủ nông thường xuyên không đủ giấc có liên quan tới rối loạn chức năng của hệ thần kinh. Trẻ ít ngủ thì sự mệt mỏi dồn lại, các xúc cảm tiêu cực càng phát sinh, thể hiện ở mức độ trái tính nết. Ngủ tốt là một thể hiện sức khoẻ tốt của trẻ.

- Cần cho trẻ ngủ đúng giờ, đủ thời gian, ngủ sâu và đầy giấc. Muốn vậy cần xây dựng chế độ hợp lý với lứa tuổi và đặc điểm cá nhân.

- Cần cho trẻ ngủ đúng giờ để tạo ra phản xạ có điều kiện, tạo thói quen ngủ nhanh, ngủ sâu.

- Cần tạo ra một trạng thái yên tĩnh cần thiết trước khi cho trẻ ngủ. Không có những hoạt động kích thích mạnh, không làm ồn, không làm trẻ bức bối, sợ sệt.

- Phòng ngủ phải thoáng mát về mùa hè và ấm áp về mùa đông. Ánh sáng dịu trong phòng ngủ.

- Không để trẻ ngủ dưới sàn nhà. Trẻ phải đi vệ sinh trước khi đi ngủ.

- Cho trẻ đi ngủ với thái độ ân cần, giúp trẻ nằm đúng tư thế. Quan tâm giúp đỡ riêng cho trẻ yếu. Trong khi trẻ ngủ phải có một cô ngồi trực để giải quyết những tình huống có thể xảy ra như: trẻ đái dầm, nói mê, đòi đi vệ sinh...

Đến giờ dậy cô gọi lần lượt từng cháu một. Những cháu ngủ không sâu cô gọi dậy sau cùng. Nếu cháu ở lớp lớn cô yêu cầu cháu cùng cô dọn chăn gối, để vào nơi quy định.

Cũng cần phổ biến và giúp gia đình có kiến thức chăm sóc giấc ngủ cho trẻ. Như không cho trẻ uống đồ uống có chất kích thích (chè, cà phê), không kể chuyện rùng rợn, không cho trẻ xem vô tuyến quá lâu, không ăn quá no trước khi ngủ. Phải cho trẻ ngủ đúng giờ trong phòng thoáng mát yên tĩnh.

IV. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

Việc chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ cần có những điều kiện sau:

- Phải có những điều kiện vật chất đáp ứng yêu cầu sư phạm, vệ sinh như: Trường lớp, ánh sáng, sân chơi, vườn cây và các phương tiện để chơi tập và rèn luyện thể chất cho trẻ.

- Chế độ sinh hoạt hợp lý với từng độ tuổi.

- Có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và phòng y tế trong việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe ban đầu cho trẻ. Đó là:

+ Thường xuyên theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ phát triển.

+ Tiêm phòng đúng định kỳ.

- + Phòng và sơ cứu kịp thời một số tai nạn thông thường có thể xảy ra với trẻ.
- + Phòng và xử lý kịp thời một số bệnh ở trẻ dưới 3 tuổi: ỉa chảy, viêm phế quản, viêm VA.
- Chế độ dinh dưỡng, bao gồm:
 - + Có chế độ ăn uống phù hợp với độ tuổi (sữa mẹ, sữa bò, sữa tổng hợp, bột, cháo, cơm nát...).
 - + Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng: đạm, béo, đường, khoáng chất, các loại sinh tố.
 - + Chế biến thức ăn hợp theo mùa và khẩu vị trẻ.
 - + Đủ nước uống, nhất là mùa hè.
 - + Ăn uống vệ sinh sạch sẽ.
- Các bài tập luyện, các hình thức chơi tập nhằm nâng phát triển vận động cho trẻ dưới 3 tuổi phải được tiến hành dưới sự hướng dẫn của người lớn có kinh nghiệm và cô giáo có tri thức về nuôi dạy trẻ.

Câu hỏi

1. Nêu ý nghĩa của giáo dục thể chất đối với trẻ mầm non?
2. Nêu nội dung giáo dục thể chất cho trẻ tuổi nhà trẻ?
3. Nêu nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo?

Bài tập thực hành

1. Quan sát và ghi chép chế độ sinh hoạt của trẻ dưới 3 tuổi trong một ngày ở nhà trẻ.
2. Quan sát và ghi chép chế độ sinh hoạt của trẻ mẫu giáo trong một ngày ở trường mẫu giáo. Phân tích và nhận xét việc thực hiện chế độ sinh hoạt như vậy đã đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất cho trẻ mầm non như thế nào? Đề xuất ý kiến của mình.

Chương 5

GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ MẦM NON

Mục tiêu:

- Giáo sinh hiểu được khái niệm, ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non.
- Giáo sinh nắm được những kiến thức về nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ trẻ mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non.
- Nhiệm vụ của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non.
- Nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ nhà trẻ.
- Nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ mẫu giáo.

I. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ MẦM NON

1. Khái niệm về giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

Giáo dục trí tuệ là hệ thống các tác động sư phạm có tổ chức nhằm hình thành và phát triển những tri thức, kỹ năng sơ đẳng, phương thức hoạt động trí tuệ sơ đẳng, phát triển năng lực và nhu cầu hoạt động trí tuệ ở trẻ em. Qua đó mở rộng các kiến thức kinh nghiệm lịch sử, xã hội, nâng cao năng lực hiểu biết và nhận thức sáng tạo của trẻ. Ví dụ: Thông qua việc tổ chức cho trẻ đi dạo, cô giáo cho trẻ quan sát gà vịt. Trẻ quan sát với sự gợi ý của cô giáo, trẻ phát hiện ra sự giống nhau và khác nhau giữa gà và vịt. Giống nhau: đều có lông, có hai chân. Khác nhau: vịt biết bơi, gà không biết bơi. Cô giáo đã giáo dục trí tuệ cho trẻ thông qua việc cung cấp tri thức biểu tượng sơ đẳng về con gà con vịt. Trẻ nhận biết được con gà, con vịt và biểu đạt bằng ngôn ngữ của mình thông qua việc mô tả. Trẻ có được sự hiểu biết đó nhờ hoạt động trí tuệ. Sự phát triển trí tuệ của trẻ diễn ra trong quá trình trẻ tham gia hoạt động khác nhau. Nếu không

có hướng dẫn thì những tri thức đó thiếu hệ thống, không đầy đủ. Sự phát triển tích cực nhất và hiệu quả là được diễn ra nhờ quá trình dạy và giáo dục. Đó là quá trình giáo dục trí tuệ trẻ trong trường mầm non.

2. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

- Giáo dục trí tuệ tạo cơ sở đầu tiên giúp trẻ hiểu biết một cách đúng đắn các hiện tượng xung quanh và các mối liên hệ giữa chúng.

- Giáo dục trí tuệ tạo điều kiện hình thành ở trẻ các khái niệm, quan niệm khoa học về thế giới xung quanh.

- Giáo dục trí tuệ thúc đẩy năng lực tích cực, độc lập sáng tạo trong hoạt động nhận thức, học tập ở mỗi cá nhân trẻ.

- Giáo dục trí tuệ mang lại cho trẻ những tri thức dễ hiểu sơ đẳng về thế giới xung quanh, hệ thống hoá các tri thức đó. Hình thành hứng thú nhận thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, hoạt động trí tuệ và phát triển năng lực nhận thức, phát triển hoạt động tư duy tích cực của trẻ. Giáo dục trí tuệ còn có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị những điều kiện để cho trẻ học tập có kết quả ở trường phổ thông sau này.

- Giáo dục trí tuệ đặt cơ sở cho việc hình thành những biểu tượng khái niệm đạo đức, niềm tin đạo đức. Thông qua hoạt động trí tuệ có thể giáo dục trẻ nhiều nét tính cách cá nhân như mục đích, tính trung thực, tính cẩn thận, tính kiên trì, kiên định, sáng tạo.

- Giáo dục trí tuệ có mối liên hệ chặt chẽ với giáo dục thẩm mỹ. Những hệ thống tri thức, biểu tượng khái niệm về thế giới xung quanh đặt cơ sở cho giáo dục thẩm mỹ, nhận thức những giá trị thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ đều dựa vào vốn tri thức mà trẻ có được. Mặt khác sự phát triển năng lực nhận thức, cảm giác tri giác là điều kiện để phát triển thẩm mỹ cho trẻ.

- Giáo dục trí tuệ có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục thể chất. Trí dục giúp trẻ hiểu được phải giữ vệ sinh sạch sẽ, sinh hoạt đúng giờ giấc, phải vận động luyện tập thường xuyên thì sẽ có cơ thể khoẻ mạnh phát triển cân đối hình dạng.

- Giáo dục trí tuệ với mối liên quan với lao động, thông qua lao động mà chính xác hoá các biểu tượng khái niệm về thế giới xung quanh, mở rộng hiểu biết của trẻ về các mối quan hệ liên hệ của sự vật hiện tượng mang tính quy luật, phụ thuộc. Do vậy, thông qua lao động mà tri thức trẻ thêm phong phú góp phần phát triển trí tuệ của trẻ.

3. Nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

3.1. Hình thành những biểu tượng ban đầu về thế giới xung quanh và về bản thân

- Giáo dục trí tuệ giúp trẻ những hiểu biết sơ đẳng về thế giới xung quanh (thế giới tự nhiên, xã hội và con người) từ đó hình thành ở trẻ thái độ đúng đắn với thế giới xung quanh. Sự phát triển trí tuệ ở trẻ hình thành dưới dạng biểu tượng: các đồ vật, con vật, cây cối và các đặc điểm tính chất, số lượng các đồ vật...

- Giáo dục trí tuệ cho trẻ là giúp trẻ nhận biết được thế giới xung quanh, từ đó phát triển ngôn ngữ. Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ làm cho trí giác trẻ thêm rõ ràng hơn. Qua việc tìm hiểu thế giới xung quanh và phát triển ngôn ngữ, trẻ biết được quan hệ của mình với xã hội.

- Nhiệm vụ của gia đình và cô giáo là giúp trẻ làm phong phú thêm vốn sống, sắp xếp và hệ thống hoá các hiểu biết cho trẻ. Giúp trẻ nâng dần hiểu biết: từ đơn giản tới phức tạp. Từ nhận biết được đồ vật đến hiểu biết tính chất của chúng (màu sắc, kích thước, hình dáng, vật liệu, cứng mềm dẻo...). Giúp trẻ biết được các dấu hiệu mùa trong năm, định hướng trong không gian, một số chuẩn mực quan hệ xã hội. Từ đó trẻ biết vị trí của mình trong gia đình và ở trường.

- Cần mở rộng kiến thức cho trẻ về lao động của người lớn, về các ngày lễ hội, đất nước, dân tộc. Việc giới thiệu này góp phần giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

3.2. Phát triển các quá trình tâm lý nhận thức

Nhiệm vụ quan trọng của giáo dục trí tuệ là phát triển các quá trình tâm lý nhận thức, như: cảm giác, tri giác, ghi nhớ, tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ.

- Nhận thức thế giới xung quanh bắt đầu từ cảm giác và tri giác. Trường mẫu giáo cần đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục cảm giác tri giác cho trẻ một cách có hệ thống về thế giới xung quanh, qua đó phát triển trí tuệ nói riêng và tâm lý nhận thức nói chung cho trẻ. Từng bước nâng cao chất lượng các quá trình cảm giác và tri giác của trẻ.

- Hình thành cho trẻ năng lực ghi nhớ, ghi nhớ có chủ định, rèn các biện pháp nhớ, phát triển các phẩm chất của trí nhớ: nhớ lâu, nhớ hệ thống, nhớ nhanh, nhớ nhiều, nhớ chính xác.

- Hình thành và phát triển trí tưởng tượng cần thiết cho mọi hoạt động sáng tạo. Thời kỳ đầu trẻ chỉ có tưởng tượng tái tạo. Cùng với việc tích lũy kinh nghiệm sống và phát triển tư duy mà hình thành tưởng tượng sáng tạo.

- Phát triển tư duy trực quan - hành động, tư duy trực quan - hình tượng và tiến tới những yếu tố tiền đề của tư duy lô gíc, tư duy khái niệm và các thao tác tư duy.

Cùng với việc phát triển chức năng tâm lý nhận thức thì phải phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trẻ dùng ngôn ngữ để biểu đạt ý nghĩ, tư duy và giao tiếp. Ngôn ngữ là phương tiện giúp trẻ lĩnh hội được các kiến thức một cách gián tiếp (thông qua kể chuyện, giải thích của cô giáo) mà không chỉ theo con đường tri giác trực tiếp các sự vật hiện tượng. Do vậy nhiệm vụ của gia đình và cô giáo là phát triển ngôn ngữ cho trẻ (làm phong phú vốn từ, giúp trẻ nắm được quy tắc ngữ pháp, hiểu người khác nói, biết diễn đạt ý muốn của mình một cách mạch lạc, biết đặt câu). Đây là tiêu chí cần thiết để trẻ vào lớp 1.

3.3. Phát triển tính ham hiểu biết và những phẩm chất trí tuệ

Tính ham hiểu biết thể hiện ở tính tích cực nhận thức tìm tòi thế giới xung quanh, muốn xem xét, sờ mó và hành động. Trẻ hay hỏi nhưng câu ngây ngô. Đây là thể hiện tính ham hiểu biết của trẻ. **Biểu hiện:** Trẻ có nhu cầu sờ mó, xem xét mọi vật và hành động với chúng. Trẻ luôn đặt ra những câu hỏi: Là gì? Tại sao? Ở đâu? Để làm gì?

Phát triển tính ham hiểu biết cho trẻ bằng cách kích thích trí tò mò, hình thành hứng thú nhận thức, tổ chức cho trẻ tham gia vào các hoạt động để trẻ được quan sát tìm hiểu thế giới xung quanh. Hướng dẫn trẻ tự tìm câu trả lời, kịp thời giải đáp các thắc mắc của trẻ. Qua đó hình thành và củng cố **những** hứng thú nhận thức bền vững cho trẻ.

Giáo dục trí tuệ có nhiệm vụ phát triển những phẩm chất trí tuệ ở trẻ. Phẩm chất trí tuệ của trẻ được hình thành và phát triển trong các hoạt động đa dạng của trẻ, nhất là trong hoạt động trí tuệ. Phẩm chất trí tuệ được biểu hiện ở **những** tiêu chí sau:

- Sự nhanh trí (phản ứng nhanh về trí tuệ).
- Tính phê phán (khả năng đánh giá khách quan các sự kiện, hiện tượng, kết quả lao động và phân tích chúng, nhận ra sai lầm...).
- Tính tò mò thích khám phá hiện tượng xung quanh.
- Khả năng sử dụng các phương pháp khác nhau để tìm tòi, giải đáp đúng, để giải quyết một nhiệm vụ trí tuệ.
- Phát triển kỹ năng kỹ xảo hoạt động trí tuệ, nghĩa là hình thành các phương pháp đơn giản của hoạt động trí tuệ như:

- + Phân biệt các dấu hiệu cơ bản và không cơ bản của sự vật;
- + Phân tích và tổng hợp so sánh các sự vật hiện tượng.

Các kỹ năng này là các thành phần tạo thành nhận thức, chúng giúp trẻ nắm vững tri thức.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ TUỔI NHÀ TRẺ

1. Phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ

Hoạt động nhận cảm là: cảm giác, tri giác, vận động. Cảm giác bao gồm cảm giác bên ngoài và cảm giác bên trong.

- Cảm giác bên ngoài: cảm giác nghe, nhìn, ngửi, nếm, cảm giác ở da.
- Cảm giác bên trong: cảm giác vận động, cảm giác thăng bằng, cảm giác cơ thể (đói, khát...)

Đối với trẻ dưới ba tuổi, đặc biệt là trẻ dưới một tuổi, việc giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm của trẻ là một nội dung quan trọng của trí dục. Ở trẻ sơ sinh cử động của trẻ đều mang tính phản xạ (phản ứng của cơ thể trước tác động của môi trường kích thích vào các cơ quan nhận thức của trẻ). Giáo dục nhận cảm lúc này là phát triển tốc độ các cử động ấy. Người mẹ và cô giáo hết sức quan tâm tới giáo dục và rèn luyện các giác quan, đặc biệt là cảm giác vận động. Thực tế cho thấy đứa trẻ có các giác quan kém phát triển (không nhanh, không thính) và cử động chậm chạp thường kém thông minh và ngu dốt.

** Nhiệm vụ của giáo dục nhận cảm:*

Năm đầu: phát triển và giáo dục cảm giác vận động, phát triển xúc giác (cảm giác da), thị giác, thính giác.

Năm thứ hai và thứ ba:

- Hình thành và phát triển năng lực nhận cảm như: nhận biết, phân biệt độ lớn, màu sắc, hình dạng, âm thanh của đồ vật.
- Tiếp tục phát triển cảm giác vận động.

** Điều kiện và phương tiện:*

- Giao tiếp tình cảm và giao tiếp công việc với người lớn.
- Tạo môi trường tiếp xúc của trẻ với đồ vật, đồ chơi. Tạo điều kiện cho trẻ được hoạt động với đồ vật (xâu, lắc, cầm, nắm, nhặt ra, bỏ vào, đóng mở...).
- Các bài luyện tập giác quan nhằm phát triển cảm giác vận động của trẻ như: nhìn theo vật chuyển động, lắc đồ chơi phát ra âm thanh...

- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày.

** Biện pháp thực hiện:*

Cùng hoạt động với trẻ và làm thao tác mẫu cho trẻ xem, vừa làm vừa giải thích ngắn gọn cho trẻ hiểu để trẻ bắt chước làm theo. Điều quan trọng là người lớn phải kích thích được trẻ, tạo cho trẻ hứng thú hoạt động, có nhu cầu khám phá bí mật của đồ vật và thế giới xung quanh.

- Khêu gọi giao tiếp với trẻ bằng cách nói chuyện với trẻ, hát cho trẻ nghe, cho trẻ xem đồ chơi, xem tranh.

- Dạy cho trẻ biết cách nhận biết đồ vật, phân biệt vật này với vật khác, gọi tên đồ vật.

- Hoạt động của cá nhân trẻ trong giờ tự do. Thời gian này cũng quan trọng trong giáo dục. Trẻ phải có lúc làm theo ý mình không bị gò bó trong khuôn khổ.

2. Phát triển ngôn ngữ và mở rộng khả năng định hướng vào môi trường xung quanh

Ngôn ngữ là sự khác biệt căn bản giữa động vật và người. Ngôn ngữ là phương tiện chủ yếu để giao tiếp giữa người với người. Nhờ ngôn ngữ mà trẻ em và người lớn giao tiếp với nhau và nhờ nó mà thực hiện được chức năng giáo dục. Khi biết nói và hiểu được tiếng nói là lúc trẻ dễ dàng giao tiếp với người lớn và trẻ biểu lộ ý nghĩ của mình qua ngôn ngữ, nhờ đó trẻ càng tích cực giao tiếp với người lớn.

Phát triển ngôn ngữ sẽ mạnh hơn khi trẻ tích cực chơi với đồ vật. Mâu thuẫn sẽ nảy sinh khi trẻ muốn biết cái này là gì? Dùng làm gì? Tại sao... Muốn hiểu, muốn hỏi thì phải biết nói để giao tiếp với người lớn. Trẻ rất cần người lớn giúp đỡ. Vì thế việc phát triển ngôn ngữ đúng lúc và kịp thời cho trẻ là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục trí tuệ cho trẻ dưới 3 tuổi.

Nội dung phát triển ngôn ngữ:

- Phát triển khả năng hiểu ngôn ngữ của người lớn.

- Cần phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ với người lớn, quan hệ tích cực với người lớn và các hiện tượng xung quanh. Như vậy sẽ phát triển ngôn ngữ một cách tích cực, vốn từ, câu và năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ của trẻ không ngừng phát triển.

Con đường hình thành ngôn ngữ của trẻ:

- Hoạt động giao tiếp với người lớn.
- Hoạt động với đồ vật, đồ chơi.

Ngôn ngữ của trẻ phát triển sẽ kéo theo là mở rộng khả năng định hướng với môi trường xung quanh. Khả năng định hướng thể hiện là trẻ biết được thuộc tính của đồ vật như: to nhỏ, lớn bé, cao thấp, xa gần ...

Người lớn cần tạo mọi điều kiện để kích thích sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, như thường xuyên giao tiếp với trẻ, cho trẻ giao tiếp với trẻ lớn hơn, tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật...

III. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ MẪU GIÁO

1. Giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ mẫu giáo

Giáo dục nhận cảm cho trẻ mẫu giáo là sự hướng dẫn sư phạm nhằm phát triển và hoàn thiện các quá trình cảm tính: cảm giác, tri giác (quá trình cảm giác, tri giác về màu sắc, hình dáng, kích thước, âm thanh cao cấp, to nhỏ âm sắc khác nhau và những thuộc tính nhám, ráp, nóng, lạnh, cứng mềm) và hình thành biểu tượng về sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh dưới dạng biểu tượng cụ thể.

Trong giáo dục nhận cảm phải giúp trẻ nhận ra các tiêu chuẩn nhận cảm mà loài người đã xây dựng lên.

- Dạy trẻ mẫu giáo nói tên màu sắc, biết phân biệt, biết trộn màu thì được màu mới, phát triển năng lực cảm thụ màu khi xem tranh

- Dạy trẻ các khái niệm về không gian: trước - sau, trên dưới, xa gần, phải trái... và sử dụng trong sinh hoạt. Phân biệt hình dạng và so sánh các vật.

- Dạy trẻ định hướng về thời gian, hiểu tính liên tục và độ dài thời gian. Trẻ nắm được một số khái niệm về thời gian: hôm qua, hôm nay, ngày kia, phút giờ...

- Phát triển nhận cảm về âm thanh, lắng nghe và phân biệt được các âm thanh trong hoàn cảnh xung quanh, phát triển thính giác, ngôn ngữ, năng lực phân tích cấu trúc âm thanh, âm nhạc (nhịp điệu, cao độ, nhanh chậm).

- Phân biệt bằng cảm giác vật chất đối với vật thể: nhẵn nhụi, mềm mại, sần sùi, cứng mềm, nặng nhẹ, lạnh ấm.

- Phát triển các cảm giác vận động.

** Phương pháp thực hiện:*

Cần tổ chức cho trẻ tham gia vào nhiều hoạt động khảo sát các đối tượng nhận cảm thông qua các hoạt động có mục đích có nội dung phong phú. Ví dụ: vẽ, nặn, xây dựng, thủ công cắt dán. Việc nắm được phương thức khảo sát những thuộc tính bề ngoài của sự vật là cần thiết để luyện tập cho trẻ các thao tác so sánh đối chiếu, phân loại sự vật và hiện tượng, là cơ sở để chuẩn bị cho quá trình phản ánh những thuộc tính bị che giấu bên trong của sự vật hiện tượng.

2. Phát triển tư duy là nhiệm vụ cao nhất của giáo dục trí tuệ

Giai đoạn đầu của giáo dục trí tuệ là phát triển nhận cảm, giai đoạn sau sâu hơn là phát triển tư duy trẻ.

Tư duy của trẻ bắt đầu hình thành từ cuối tuổi ấu nhi nhưng còn ở dạng sơ đẳng. Ở trẻ mẫu giáo chủ yếu là tư duy trực quan hành động. Vào cuối tuổi mẫu giáo sự phát triển tư duy có một bước ngoặt quan trọng, đó là bước chuyển tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong, thành kiểu tư duy trực quan hình tượng. Trẻ giải quyết nhiệm vụ bằng nghĩ thầm trong óc. Tức là tư duy dựa vào các biểu tượng mà trẻ đã tích lũy được trong quá trình hoạt động nhận cảm.

** Vì vậy giáo dục phát triển tư duy là khâu tiếp theo của giáo dục nhận cảm.*

- Cho trẻ làm quen với những thuộc tính khác nhau bên ngoài của sự vật (hình thù màu sắc độ lớn).

- Cho trẻ hiểu được những thuộc tính bên ngoài ấy có thể biểu hiện các thuộc tính bên trong nào đó đang bị che giấu. Ví dụ: Màu quả cây có thể cho ta biết quả còn xanh hay đã chín.

- Hình thành những tri thức nhất định về sự vật và hiện tượng xung quanh (trong đời sống xã hội, trong thế giới tự nhiên).

- Hình thành phương thức hoạt động trí tuệ: kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích, khái quát hoá đơn giản, suy diễn.

- Hình thành các thành tố hoạt động nhận thức học tập tính mục đích, thứ tự thực hiện các hoạt động trí tuệ, nhận xét đánh giá so sánh kết quả với mục đích.

- Hình thành và phát triển năng lực độc lập, tích cực sáng tạo ra hoạt động trí tuệ.

** Những tri thức và phương pháp tiếp nhận tri thức của trẻ có hai con đường.*

Tự phát: Tự tiếp nhận tri thức trong đời sống hàng ngày một cách tự nhiên và ngẫu nhiên, do đó những tri thức mà trẻ tiếp nhận được thường xô bồ, tản mạn, thiếu hệ thống.

- Tự giác: Tri thức và phương thức tiếp nhận tri thức được hình thành ở trẻ dưới sự hướng dẫn, dạy dỗ của người lớn một cách có tổ chức có mục đích có hệ thống, mang tính chính xác, đầy đủ và hệ thống hơn, có tác dụng tích cực hơn và hiệu quả hơn cho sự phát triển tư duy của trẻ.

** Những điều kiện để phát triển khả năng tư duy của trẻ.*

Nêu tình huống trong đó chứa đựng những mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết để kích thích trẻ tìm cách thức giải quyết vấn đề đồng thời hướng dẫn trẻ thiết lập mối quan hệ giữa cái chưa biết với chuỗi kinh nghiệm đã có của mình và điều quan trọng hơn cả là luôn luôn khơi dậy ở trẻ nhu cầu nhận thức và nuôi dưỡng hứng thú nhận thức bền vững cho trẻ trong những hoạt động thực tiễn tích cực.

3. Giúp trẻ định hướng vào không gian và thời gian

- Biết định hướng vào không gian một cách chính xác là một biểu hiện trình độ phát triển trí tuệ của con người.

+ Cần dạy trẻ định hướng vào không gian như trên, dưới, trước, sau, bên phải, bên trái, xa, gần, cao thấp, to nhỏ.

+ Giai đoạn đầu trẻ lấy bản thân trẻ làm chuẩn để định hướng, sau khi thành thục mới lấy vật khác làm chuẩn định hướng.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của trẻ, người lớn cũng dần đưa khái niệm không gian để trẻ làm quen dần, để khái niệm không gian hình thành dần dần trong trẻ. Ví dụ: Tay trái các cháu cầm bút, tay phải cầm thìa.

- Giúp trẻ định hướng vào khái niệm thời gian khó hơn nhiều so với giúp trẻ làm quen với khái niệm không gian. Vì thời gian là vô hình. Định hướng thời gian một cách chính xác là biểu hiện một quá trình phát triển trí tuệ cao.

Phải dạy trẻ phân biệt được đâu là quá khứ, đâu là hiện tại, đâu là tương lai.

** Biện pháp thực hiện:*

- Người lớn cần hướng dẫn trẻ gắn với hoạt động của bản thân, quan sát hoạt động của người lớn trong cuộc sống thường ngày, quan sát các cảnh vật thiên nhiên xung quanh. Ví dụ: Trẻ muốn biết thế nào là buổi sáng, cần hướng dẫn trẻ biết dựa vào hành động của chính mình, như buổi sáng thì ngủ dậy, đánh răng, rửa mặt, ăn sáng, đến nhà trẻ.

- Biết quan sát hoạt động của những người xung quanh, như buổi sáng thì bố mẹ chuẩn bị đi làm, anh chị đi đến trường.

- Biết quan sát vật xung quanh, như mặt trời mọc vào buổi sáng.

Hàng ngày phải đưa dần khái niệm về thời gian để cho trẻ nhận biết và phân biệt. Trẻ sẽ dần dần định hướng được thời gian. Cần cho trẻ làm quen với các từ chỉ thời gian: bao giờ, hôm qua, hôm nay, ngày mai, bây giờ, tý nữa... Tóm lại những từ trả lời cho câu hỏi: bao giờ?

- Giúp trẻ có biểu tượng về thời gian: trước sau, sớm - muộn, nhanh - chậm cũng thông qua kinh nghiệm cảm tính của trẻ về hoạt động của chính bản thân trẻ và bằng quan sát cuộc sống của con người và thế giới xung quanh.

Khó khăn nhất là hình thành biểu tượng về khoảng thời gian: bao lâu là 5 phút, bao lâu là 10 phút. Đây là việc khó nhưng cuối tuổi mẫu giáo trẻ có thể cảm nhận được.

IV. PHƯƠNG TIỆN GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ MẦM NON

Việc giáo dục trẻ thực hiện bằng nhiều phương tiện khác nhau, bao trùm toàn bộ cuộc sống hàng ngày của trẻ. Vì vậy cần phối hợp hợp lý gia đình nhà trường và xã hội. Dưới đây trình bày những phương tiện giáo dục trí tuệ ở trường mầm non.

1. Cuộc sống môi trường xung quanh là phương tiện giáo dục trí tuệ

Cuộc sống thực hàng ngày và môi trường xung quanh là phương tiện giáo dục trí tuệ quan trọng, là nguồn gốc các kiến thức, nhận thức và phát triển các kỹ năng nhận thức, năng lực sáng tạo của trẻ.

Đối với trẻ thì môi trường xung quanh có sức hấp dẫn nhất. Trong quá trình tìm hiểu môi trường, trẻ phát triển trí tuệ. Nếu biết cách lồng ghép giữa dạy và tìm hiểu môi trường xung quanh thì trẻ nhanh hiểu và phát triển trí tuệ tốt hơn.

2. Dạy học là phương tiện cơ bản để giáo dục trí tuệ cho trẻ

- Dạy học có thể trên lớp ở trường, ở buổi đi chơi, tham quan và mọi lúc mọi nơi, sao cho dễ hiểu và hấp dẫn trẻ. Thông qua các tiết học, trẻ lĩnh hội được hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và rèn các thao tác hoạt động phù hợp với độ tuổi.

- Dạy học thực hiện cơ bản nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ. Vì vậy yêu cầu cô giáo phải có kiến thức vững chắc, hiểu chính xác các khái niệm cần dạy trẻ.

Giáo viên là người tổ chức và điều khiển quá trình phát triển trí tuệ của trẻ.

- Dạng học tập sơ khai ở mẫu giáo cũng là một cách chuẩn bị tốt cho trẻ vào học phổ thông.

3. Hoạt động vui chơi là phương tiện giáo dục trí tuệ

Trò chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo. Giáo dục trí tuệ trong các trò chơi cụ thể như trò chơi đóng vai theo chủ đề, trò chơi học tập, trò chơi xây dựng, trò chơi đóng kịch. Mỗi loại trò chơi có tác động khác nhau đến sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Tác dụng giáo dục trí tuệ của trò chơi là:

- Ôn luyện củng cố làm phong phú các kiến thức, các biểu tượng và kỹ năng của trẻ đối với đồ vật và hiện tượng xung quanh, mối liên hệ giữa chúng (thông qua nội dung các trò chơi).

- Rèn luyện các thao tác trí tuệ: phát triển các thao tác so sánh, phân biệt, khái quát.

- Phát triển tính kế hoạch của tư duy thúc đẩy phát triển trí tưởng tượng, trí nhớ chú ý có chủ định, năng lực tự kiểm tra đánh giá, phát triển tính độc lập sáng tạo vận dụng các kiến thức kỹ năng đã học để nhận thức.

4. Hoạt động tạo hình là phương tiện giáo dục trí tuệ

Hoạt động tạo hình bao gồm các hoạt động vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình.

Vai trò của hoạt động tạo hình trong sự phát triển trí tuệ của trẻ:

- Mở rộng và củng cố các biểu tượng cảm tính về sự vật và mối quan hệ với chúng qua màu sắc, hình dáng, cấu tạo, bố cục và mối liên hệ giữa chúng.

- Củng cố khả năng tự vận dụng các thao tác khảo sát, kỹ năng quan sát vật, phát triển các thao tác so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát và thực hiện thứ tự các thao tác vẽ, nặn, cắt dán, góp phần rèn luyện các thao tác một cách có trình tự, chính xác.

- Phát triển trí nhớ, trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo độc lập của trẻ em, động cơ, hứng thú học tập.

5. Hoạt động lao động là phương tiện giáo dục trí tuệ

- Lao động là hoạt động thực tiễn của trẻ nhằm tạo ra sản phẩm cụ thể. Trẻ mẫu giáo tham gia lao động tự phục vụ sinh hoạt là chính, lao động những việc nhẹ nhàng vừa sức phục vụ trực tiếp cuộc sống hàng ngày. Trong quá trình lao động trẻ được tiếp xúc và tác động vào với thế giới xung quanh, làm cho trí tuệ trẻ phát triển: trẻ hiểu sâu sắc thêm về tên gọi, chức năng, tính chất, mối liên hệ

của sự vật. Thông qua lao động cô giáo cung cấp và mở rộng các kiến thức, kỹ năng về sử dụng công cụ lao động, nhận biết các chất liệu làm ra công cụ, vật thể.

- Hình thành động cơ hứng thú phát triển các quá trình nhận thức, phát triển tính kế hoạch, trình tự làm việc, khả năng độc lập hoạt động và hoạt động cùng nhau của trẻ.

Câu hỏi

1. Giáo dục trí tuệ là gì? Sự phát triển trí tuệ là gì? Các biểu hiện của nó.
2. Các nhiệm vụ giáo dục trí tuệ trẻ mầm non, mối liên hệ giữa các nhiệm vụ.
3. Giáo dục nhận thức - Cảm tính: một bộ phận quan trọng của giáo dục trí tuệ.
4. Trình bày nội dung phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ theo lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.

Bài tập thực hành

1. Quan sát và ghi chép lại những tác động giáo dục của cô nuôi dạy trẻ ở nhà trẻ đến sự phát triển trí tuệ của trẻ dưới 3 tuổi. Phân tích mặt mạnh mặt yếu của tác động đó.
2. Quan sát ghi chép một buổi chơi tập với đồ vật của trẻ nhà trẻ, một buổi hoạt động vui chơi, một tiết học của trẻ mẫu giáo, phân tích các tác động giáo dục của giáo viên đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Chương 6

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

Mục tiêu:

- Giáo sinh phải nắm được khái niệm về đạo đức và quá trình giáo dục đạo đức cho tuổi mầm non.
- Giáo sinh phải nắm được kiến thức về nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức cho từng lứa tuổi.
- Giáo sinh phải biết được nguyên tắc giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Khái niệm - ý nghĩa giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non.
- Nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non.
- Nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ nhà trẻ.
- Nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ mẫu giáo
- Nguyên tắc và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

1. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ MẦM NON

1. Khái niệm về giáo dục đạo đức

1.1. Đạo đức là gì?

Đạo đức là một lĩnh vực của ý thức xã hội, là một mặt của hoạt động xã hội con người và là một hình thái chuyên biệt của quan hệ xã hội, thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi con người trong mọi lĩnh vực xã hội.

1.2. Giáo dục đạo đức là gì?

Là hoạt động giáo dục nhằm xây dựng cho trẻ em những nét tính cách phẩm chất đạo đức và bồi dưỡng cho trẻ những tiêu chuẩn quy tắc hành vi quy định thái độ của chúng đối với nhau, đối với gia đình, đối với mọi người xung quanh và đối với quốc gia.

2. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức

2.1. Giáo dục đạo đức có vai trò quan trọng trong việc hình thành những cơ sở ban đầu của nhân cách trẻ

Giáo dục đạo đức cho trẻ em là một bộ phận không thể thiếu được của giáo dục toàn diện con người mới Việt Nam. Việc hình thành cơ sở về phẩm chất đạo đức của con người bắt đầu từ khi trẻ còn thơ ấu. Giáo dục mầm non là khâu đầu tiên của việc đào tạo nhân cách con người mới, hình thành những cơ sở ban đầu tạo tiền đề cho bộ mặt nhân cách sau này khi trẻ đã trưởng thành. Ở tuổi mầm non dưới sự hướng dẫn của người lớn trẻ tiếp thu những kinh nghiệm đầu tiên về hành vi những tiêu chuẩn đạo đức của xã hội mới, từ đó hình thành một số phương thức điều khiển tự giác hành vi của mình, tính tích cực tính độc lập, sự quan tâm đến các quan hệ xã hội. Ví dụ quan hệ của trẻ với người thân, với bạn bè, với các đồ vật, với thiên nhiên. Từ đó hình thành tình cảm tình thương yêu mà trẻ được giao tiếp chung sống.

Những ấn tượng đầu tiên của thời thơ ấu để lại dấu vết trong suốt cả cuộc đời sau này của trẻ. Do vậy, giáo dục đúng đắn sẽ hạn chế sự tích lũy các kinh nghiệm tiêu cực ở trẻ ngăn cản sự phát triển các kỹ xảo thói quen hành vi xấu vì sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc hình thành những phẩm chất đạo đức sau này của trẻ.

2.2. Mối quan hệ giữa giáo dục đạo đức với các mặt giáo dục khác

2.2.1. Mối quan hệ với giáo dục trí tuệ

Trí dục mở rộng vốn kiến thức cho trẻ về các quan hệ giữa con người với con người, về các biểu tượng khái niệm đạo đức, về các nguyên tắc chuẩn mực hành vi đạo đức... Từ đó giúp trẻ biết cư xử, ứng xử đúng đắn phù hợp với hoàn cảnh tình huống cụ thể.

2.2.2. Mối quan hệ với thể chất

Giáo dục đạo đức hình thành nền nếp kỷ luật văn minh trong sinh hoạt hàng ngày và các thói quen vệ sinh sạch sẽ, giờ nào việc nấy góp phần tăng cường bảo vệ sức khỏe của trẻ.

2.2.3. Mối quan hệ với giáo dục thẩm mỹ

Giáo dục đạo đức gắn chặt với giáo dục thẩm mỹ, giúp trẻ biết rung động trước cái đẹp về hành vi đạo đức, cái đẹp của nếp sống văn hoá và hành vi văn minh, giúp con người vươn tới cái đẹp, cái hoàn thiện hơn.

2.2.4. Mối quan hệ với giáo dục lao động

Giáo dục lao động là trường học quan trọng để cá nhân thực hành các hành vi đạo đức rèn luyện các phẩm chất đạo đức. Đạo đức được thể hiện qua thái độ đối với lao động, đối với nghĩa vụ công dân. Vì vậy giáo dục đạo đức hướng lao động là xây dựng cơ sở, động cơ, ý thức, trách nhiệm của cá nhân trong lao động đối với xã hội.

3. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

3.1. Giáo dục tình cảm đạo đức ban đầu

Đây là nhiệm vụ quan trọng vì đối với trẻ mầm non tình cảm là động cơ của mọi hành vi. Giáo dục tình cảm đạo đức là cơ sở để giáo dục thái độ hành vi đạo đức đúng đắn tự giác cho trẻ. Trẻ mầm non rất giàu tình cảm dễ xúc động mọi hoạt động của trẻ đều bị tình cảm chi phối do đó, việc giáo dục đạo đức cho trẻ trước hết là phải giáo dục tình cảm đạo đức. Bằng cách thường xuyên giao tiếp với trẻ để hình thành ở trẻ tình cảm quyến luyến, yêu mến người lớn, làm cho người lớn vui lòng, kìm hãm những hành động làm cho người lớn buồn lòng. Trẻ phải cảm thấy xúc động khi người thân buồn rầu không hài lòng vì hành động nghịch ngợm sơ suất của mình. Ngược lại, trẻ cảm thấy vui khi làm những việc tốt khiến người lớn mỉm cười hài lòng. Lòng tốt phải là cơ sở để hình thành ở trẻ những tình cảm đạo đức khác. Đối với mỗi độ tuổi mầm non tình cảm đạo đức phải được phát triển dần từ thấp đến cao. Ví dụ: Mẫu giáo nhỏ tình cảm đạo đức phải có ý thức hơn, mẫu giáo lớn phải hình thành lòng tự trọng tinh thần nghĩa vụ, trách nhiệm với công việc được giao.

3.2. Giáo dục các thói quen hành vi đạo đức

Đặc điểm của trẻ mầm non là khả năng bắt chước. Trẻ chưa thực sự phát triển tính tự giác của hành vi, chưa biết kiểm tra hành động của mình, chưa hiểu nội dung đạo đức của hành vi, điều đó có thể dẫn đến những hành vi xấu. Do vậy, phải hình thành ở trẻ những hành vi thói quen đạo đức như: thói quen trong giao tiếp (biết kính trọng người lớn tuổi, biết vâng lời chào hỏi người lớn, biết xin lỗi khi làm phiền người khác, biết cảm ơn khi được giúp đỡ, biết quan tâm nhường nhịn những người xung quanh và người thân trong gia đình, bạn bè trong lớp học. Thói quen trong sinh hoạt hàng ngày như: gọn gàng ngăn nắp, biết giữ gìn đồ vật đồ chơi, biết xếp dọn đồ dùng đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn ào nơi công cộng đi nhẹ nói khẽ, giữ gìn vệ sinh...

Thói quen vệ sinh sạch sẽ: Vệ sinh thân thể (chăm tắm rửa gội đầu chải đầu), vệ sinh trong ăn uống (ăn uống sạch sẽ, không làm rơi vãi thức ăn lên quần áo bàn ghế, không nhai nhồm nhoàm, không vừa nhai vừa nói, không đùa nghịch trong giờ ăn...). Vệ sinh môi trường (biết giữ gìn môi trường sạch sẽ, không vứt rác bừa bãi, không đánh đổ nước ra nhà vệ sinh, không vẽ bẩn lên tường).

Giáo dục các thói quen hành vi đạo đức nhằm xây dựng cho trẻ cách ứng xử đúng đắn bền vững trong hoạt động cá nhân, trong tập thể, trong giao tiếp với mọi người. Muốn vậy giáo viên cần giải thích cho trẻ hiểu rõ các hành vi thói quen đạo đức đó là gì, là như thế nào, tại sao phải hành động như thế... Từ đó hình thành ở trẻ nhu cầu đạo đức, động cơ hành vi đạo đức đồng thời thường xuyên cho trẻ thực hiện để hình thành và rèn luyện các thói quen hành vi đạo đức.

3.3. Hình thành những biểu tượng ban đầu về đạo đức

Đó là các biểu tượng sơ đẳng về điều tốt điều xấu thế nào là ngoan - hư; khen - chê, phải làm - không nên làm... Hình thành ở trẻ các biểu tượng đạo đức sẽ tạo điều kiện mở rộng khả năng đánh giá hành vi đạo đức của trẻ với người khác và khả năng tự đánh giá hành vi đạo đức của mình. Như vậy, các biểu tượng đạo đức càng sâu sắc hơn bền vững hơn, các hành vi đạo đức sẽ tự giác hơn, mau chóng hình thành được các thói quen đạo đức vững vàng hơn. Muốn vậy giáo viên cần giải thích để trẻ hiểu được lợi ích tính chất đúng đắn của các hành vi đạo đức mà người lớn yêu cầu trẻ phải làm. Đặc biệt ở lứa tuổi mẫu giáo lớn cần hình thành ở trẻ động cơ hành vi xã hội thông qua hoạt động giao tiếp, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập ...

II. NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TUỔI NHÀ TRẺ (3 - 36 THÁNG)

1. Phát triển xúc cảm lành mạnh cho trẻ

Đối với trẻ dưới một tuổi, khi người mẹ cho con bú, hãy để cho trẻ được nằm trong lòng mẹ, không nên vội vã trong lúc cho con bú, mà nên vỗ về nựng nịu vuốt ve trẻ làm cho trẻ cảm thấy đầm ấm, sung sướng trong lòng mẹ. Tất cả những điều này tạo cho trẻ những xúc cảm tích cực, gắn bó hơn nữa với mọi người. Sự thờ ơ của người lớn, đặc biệt là của mẹ làm cho trẻ có cảm giác bị ruồng bỏ, từ đó sinh ra bản tính, thậm chí đưa trẻ trở nên yếu đuối mà sinh bệnh

tật. Vậy thì đối với trẻ thơ muốn giáo dục tình cảm thái độ hành vi đạo đức tốt đẹp phải trên cơ sở có được cảm xúc đẹp, lành mạnh. Điều này không phải tự nhiên có mà do người lớn (trước hết là bà mẹ) tạo nên.

Con đường hình thành cảm xúc lành mạnh là:

- Phải triệt để tận dụng việc cho trẻ giao lưu cảm xúc với mẹ và người xung quanh.

- Người mẹ và cô nuôi dạy trẻ dành thời gian nói chuyện với trẻ (bằng hình ảnh, bằng cử chỉ, bằng giao tiếp phi ngôn ngữ với trẻ qua nét mặt, qua điệu bộ, qua sự vỗ về, để tạo nên tâm trạng thoải mái an toàn cho trẻ).

- Người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ được bộc lộ tình cảm của trẻ đối với người thân (hôn mẹ, hôn cô, âu yếm người thân, tỏ ra vui mừng khi mẹ đón và đi làm về).

- Dạy trẻ biết biết vui mừng khi thoả mãn nhu cầu (biết cảm ơn khi được người khác làm cho việc tốt, cho quà cho đồ chơi).

2. Dạy trẻ biết yêu quý người thân, gắn bó với bạn bè và giúp trẻ biết nghe lời người lớn

Trẻ ba tuổi hay bắt trước người lớn để tự cho mình là đã lớn, trẻ thường nói: “để con làm”. Cũng có khi bướng bỉnh không làm theo ý người lớn, làm theo ý mình. Vì vậy cần quan tâm đến giáo dục hình thành những thói quen đạo đức tốt cho trẻ.

- Biết yêu quý người thân: trước hết là những người trong gia đình như bố, mẹ, ông bà, anh chị em.

- Biết gắn bó với bạn bè: các bạn cùng nhóm cùng lớp, các bạn cùng chơi với trẻ.

- Biết nghe lời người lớn, thực hiện ngay những lời giáo dục của người lớn.

** Biện pháp thực hiện:*

- Người lớn phải chăm lo dạy dỗ uốn nắn tính tình, cách cư xử của trẻ một cách trực tiếp.

- Người lớn cần chú ý thông cảm và tôn trọng trẻ, nên tránh những cử chỉ chăm sóc quá mức, cấm đoán cứng nhắc, tránh mắng trẻ trước mặt người khác.

- Nếu không muốn trẻ làm một việc gì đó mà người lớn cho là quá sức trẻ, thì hãy lôi cuốn trẻ sang một hoạt động khác.

- Bước đầu tập cho trẻ kiểm chế bản thân.

- Tôn trọng tính chủ động sáng tạo của trẻ.
- Không dọa nạt trẻ.
- Tạo điều kiện để trẻ làm một số công việc đơn giản: Tự xúc cơm ăn, tự uống nước, tự biết rửa tay lau tay, tự biết hoạt động với động vật.

3. Giáo dục thói quen tự phục vụ

Trẻ lên hai đã có thể rèn luyện và hình thành được một số kỹ năng lao động tự phục vụ, những kỹ năng đơn giản như: tự xúc cơm, uống nước, rửa tay, cởi giày, đi dép, biết lấy và cất đồ chơi vào nơi quy định, biết giữ gìn đồ chơi, quần áo gọn gàng sạch sẽ.

** Biện pháp thực hiện:*

- Người lớn cần thường xuyên củng cố cho trẻ bằng việc làm cụ thể của trẻ.
- Cô giáo làm mẫu cho trẻ để trẻ làm theo. Phải kiên trì hướng dẫn trẻ, hạn chế làm thay.
- Động viên theo dõi, kịp thời giúp đỡ trẻ sửa những kỹ năng chưa đúng.
- Phải thống nhất yêu cầu, biện pháp giữa gia đình và nhà trường trong việc rèn luyện và giúp đỡ trẻ tự làm lấy những việc có thể làm được trong cuộc sống hàng ngày.

III. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ MẪU GIÁO

1. Giáo dục lòng nhân ái

Lòng nhân ái, tình thương yêu con người chính là cốt lõi của đạo đức con người, vì thế cần coi trọng giáo dục cho trẻ bắt đầu từ tuổi thơ với một số nội dung cơ bản sau:

- Giáo dục tình yêu gia đình: Trẻ cần hiểu mọi người trong gia đình đều gắn bó với nhau trên tình ruột thịt, cần thường xuyên sống hoà thuận và quan tâm săn sóc lẫn nhau. Trong gia đình mọi người cần tôn trọng và giúp đỡ nhau trong công việc. Ví dụ khi bố mẹ đang làm việc, anh chị đang học thì trẻ không được quấy rầy.

- Giáo dục tình yêu và thái độ quan tâm với mọi người yêu mến và sẵn sàng giúp đỡ cô giáo và các bạn trong lớp, kính trọng và quan tâm giúp đỡ người già, yêu mến và nhường nhịn các em bé, niềm nở và thân mật với mọi người.

- Giáo dục tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống: Yêu cỏ cây hoa lá, chim muông, các con vật, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

- Cùng với việc giáo dục lòng nhân ái, cần giáo dục cho trẻ những mầm mống ban đầu về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, kính yêu và biết ơn các lãnh tụ và người có công với nước.

2. Giáo dục quan hệ bạn bè, xây dựng tình bạn trong nhóm chơi và trong lớp học

Tuổi mẫu giáo trẻ đã chơi cùng nhau. Đây là mối quan hệ mới trong xã hội của trẻ. Điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành đạo đức của trẻ.

- Đối với trẻ mẫu giáo bé, cần khuyến khích trẻ làm quen với nhau biết sống hoà thuận bên nhau, biết chấp hành những quy tắc ban đầu của sinh hoạt tập thể (biết chia đồ chơi, nhường nhịn giúp đỡ bạn).

Giúp trẻ có được nhu cầu cùng nhau hoạt động, tập cho trẻ bước đầu biết phối hợp nhau, hành động theo nhóm.

- Với trẻ mẫu giáo nhỡ, cần từng bước mở rộng nhóm chơi của trẻ, mở rộng kinh nghiệm về hoạt động chung.

Biểu dương những hành vi tốt, uốn nắn ngăn chặn những hành vi không tốt, hướng dẫn trẻ tự giải quyết, những xích mích trong khi chơi chung một cách hoà bình.

- Với trẻ mẫu giáo lớn: Tự biết cách tự tập hợp nhau lại, tự đề xuất cho chơi chung. Chơi với bạn đã trở thành nhu cầu không thể thiếu của trẻ. Và đã có ảnh hưởng lẫn nhau về tính cách, hành vi đạo đức.

Quan hệ với bạn bè là rất quan trọng, qua đó trẻ biết được khái niệm ngoan hay hư và cách cư xử thế nào là tốt (đoàn kết thân ái quan tâm đến nhau, giúp đỡ và học tập lẫn nhau).

Từ quan hệ bạn bè mà nảy sinh mối quan hệ cộng đồng trẻ.

Giáo dục trẻ gắn bó với lớp, biết quan tâm đến tình hình chung của lớp, biết tự giác góp phần vào sự tiến bộ của lớp.

3. Giáo dục những quy tắc lễ phép và các hành vi văn hoá

- Giáo dục cho trẻ những quy tắc lễ phép (chào hỏi, thưa gửi, cảm ơn).

- Những hành vi văn hoá ở nơi công cộng:

+ Không bứt hoa làm hỏng cây ở công viên, không nghịch ngợm làm ồn khi đến thăm phòng triển lãm, nhà bảo tàng.

+ Cách ứng xử đối đáp với mọi người: Giúp đỡ không trêu ghẹo người tàn tật, nâng dậy và đỡ dành em bé bị ngã.

- Cần rèn luyện một số tính tốt cho trẻ, như:
- + Tính tự lập thích tự làm lấy. Tự giác làm những việc trẻ tự làm được, không nhõng nhẽo, không ỷ lại người lớn.
- + Tính mạnh dạn: Mạnh dạn khi giao tiếp với mọi người, khi đến chỗ xa lạ, khi cần tiêm chủng, uống thuốc, khi người lớn yêu cầu hát múa hoặc sai bảo không nhút nhát e dè, không sợ nước khi tắm, không sợ ma.
- + Tính ngăn nắp, ăn mặc gọn gàng, sắp xếp lại đồ chơi ngăn nắp sau khi chơi không bày bừa vứt bỏ lung tung.
- + Tính kỷ luật, biết nghe người lớn, biết tôn trọng những quy tắc sinh hoạt chung, biết tự kìm chế.

IV. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ MẦM NON

1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của giáo dục

Giáo dục đạo đức cho trẻ mẫu giáo phải hướng tới mục đích giáo dục là:

- Hình thành cho trẻ những cơ sở đầu tiên của nhân cách con người mới XHCN Việt Nam;
- Giàu lòng thương, biết quan tâm, nhường nhịn, giúp đỡ những người gần gũi (bố mẹ, bạn bè, cô giáo). Thật thà, lễ phép, mạnh dạn, hồn nhiên phù hợp với trình độ phát triển của trẻ ở lứa tuổi này.

2. Nguyên tắc giáo dục trẻ trong hoạt động và giao tiếp

Tâm lý học mầm non đã khẳng định rằng trẻ em tuổi hai nhi (12 tháng) có hoạt động chủ đạo là giao lưu cảm xúc, tuổi ấu nhi (từ 12 đến 36 tháng tuổi) có hoạt động chủ đạo là hoạt động với đồ vật và tuổi mẫu giáo hoạt động chủ đạo là hoạt động vui chơi. Vì vậy việc giáo dục đạo đức cho trẻ là phải tổ chức cho trẻ được hoạt động theo lứa tuổi và thông qua giao tiếp.

Thông qua việc tổ chức quá trình sư phạm cô giáo mầm non và cha mẹ trẻ mà hình thành và phát triển những tính tốt, những thói quen tốt và rèn luyện những hành vi đạo đức tốt cho trẻ em. Chính vì thế có thể nói rằng thực chất của công tác giáo dục là công tác tổ chức hoạt động sư phạm cho trẻ em. Và tổ chức cho trẻ tham gia trực tiếp vào các hoạt động giao tiếp trong tập thể trẻ, trong đời sống xã hội. Đây là con đường đúng đắn để giáo dục các phẩm chất đạo đức và hình thành nhân cách xã hội cho trẻ.

3. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách trẻ kết hợp với việc nâng cao yêu cầu

Tôn trọng và yêu cầu cao dần với trẻ là hai mặt của một vấn đề. Càng tôn trọng trẻ lại càng phải yêu cầu cao với trẻ và ngược lại yêu cầu cao với trẻ là sự thể hiện tôn trọng trẻ.

Tôn trọng trẻ là thoả mãn nhu cầu về dinh dưỡng cũng như về hoạt động. Trẻ thích hoạt động, thích làm theo ý mình. Nhưng điều này mâu thuẫn với khả năng của trẻ. Chính vì vậy người lớn cần chú ý đến vấn đề này. Người lớn đòi hỏi trẻ phải hoạt động dưới sự tổ chức của người lớn, người lớn không áp đặt trẻ và không làm thay trẻ. Nguyên tắc này tạo điều kiện phát huy cao độ quyền và năng lực của trẻ, đồng thời trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là thuộc về người lớn và toàn xã hội. Nguyên tắc này đòi hỏi người lớn, cô giáo phải tôn trọng trẻ, tin tưởng vào khả năng và sự phát triển của trẻ, tôn trọng và bảo vệ phẩm giá cũng như thân thể trẻ.

Mặt khác người lớn phải đưa ra những yêu cầu phù hợp với đặc điểm cá nhân và vốn sống của trẻ, đồng thời phải từng bước nâng cao yêu cầu đó. Muốn vậy những yêu cầu đề ra phải xuất phát từ nhu cầu của trẻ, phải nhằm thoả mãn nhu cầu và hứng thú của trẻ để trẻ tích cực tự giác thực hiện ở trường mầm non.

4. Nguyên tắc kết hợp giáo dục ở trường mầm non với gia đình

Trẻ em ở độ tuổi mầm non rất hay bắt chước người lớn. Nói như J.A. Comenski “thì trẻ em như con khỉ con gập gù hay hoặc dở chúng đều bắt chước”. Vì thế việc giáo dục trẻ em phải bằng tấm gương của bản thân người lớn. Đó là môi trường bắt chước đầu tiên của trẻ. Môi trường phẩm chất của nhân cách là một tổng hoà của nhu cầu, tình cảm, thói quen, niềm tin.

Việc giáo dục tiếp nối và đồng thời một lúc là giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường. Vì thế cần có sự thống nhất tác động đến tình cảm, ý thức, hành vi ở gia đình và nhà trường. Sự nhất quán đó tạo nên cho trẻ niềm tin cao và chấp thuận các chuẩn mực đạo đức. Nguyên tắc giáo dục này đòi hỏi cô giáo mầm non phải là cầu nối giữa nhà trường với gia đình để thống nhất yêu cầu của giáo dục. Cô giáo mầm non phải thường xuyên nắm bắt tình hình giáo dục trẻ ở gia đình và các đặc điểm cá nhân của trẻ để cùng gia đình có biện pháp giáo dục trẻ một cách hiệu quả.

Gia đình cũng cần biết con cái mình ở trường mầm non ra sao để cùng với

nhà trường thống nhất yêu cầu tác động giáo dục trẻ. Mỗi liên hệ thường xuyên gắn bó giữa nhà trường và gia đình giúp cho việc chăm sóc quản lý trẻ được thống nhất về nội dung, phương pháp và quy trình giáo dục đúng đắn khoa học. Có như vậy thì quá trình giáo dục trẻ mới đạt hiệu quả cao.

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ MẦM NON

1. Nhóm xây dựng thói quen và tích lũy kinh nghiệm hành vi đạo đức

Nhóm này gồm các phương pháp sau:

1.1. Tập làm

Bằng việc làm cụ thể cô cho trẻ thao tác để hình thành kỹ năng xây dựng thói quen đạo đức.

Phương pháp tập làm bao gồm:

- Làm mẫu: Cô giáo làm mẫu trước tiên, vừa làm vừa phân tích động tác, nói rõ trình tự các thao tác của hành động sau đó trẻ làm theo. Phương pháp này hướng vào việc rèn luyện các kỹ năng cơ bản cho trẻ như rửa mặt, rửa tay, gấp chăn chiếu, lau chùi đồ chơi.

- Theo sát giúp đỡ: Nhằm giúp đỡ những trẻ em còn lúng túng trong thao tác hành vi.

- Chỉ dẫn: Cô giáo hướng dẫn cho trẻ biết cách ứng xử và giải quyết tình huống hợp với hành vi đạo đức (biết thưa gửi, biết chào hỏi, biết xin lỗi, biết cảm ơn, biết nhường nhịn, biết giúp đỡ).

1.2. Phương pháp nêu gương

Nêu gương là một phương pháp đạo đức được sử dụng nhiều đối với trẻ mẫu giáo. Cơ sở tâm lý của phương pháp này là khuynh hướng bất chước được thể hiện rõ ở trẻ, là nguyện vọng muốn hành động được khen ngợi. Những tấm gương của các bạn được cô khen ngợi, tấm gương của chính giáo viên cũng có ý nghĩa giáo dục quan trọng. Thái độ cử chỉ nhẹ nhàng, lịch thiệp vui vẻ của cô giáo, cử chỉ nhường nhịn của một bạn, tính cẩn thận của một em khác... đều tác động trực tiếp lên trẻ. Vì vậy, cần đặc biệt chú ý giáo dục trẻ bằng những hành động và việc làm cụ thể. Những hành động nêu gương có sức tác động một cách trực quan dễ hiểu. Những tấm gương của người lớn trong hoạt động xã hội và trong cuộc sống, những tấm gương trong tác phẩm nghệ thuật cũng có tác động mạnh mẽ đến trẻ em. Vì thế nội dung nêu gương phải cụ thể, phù hợp với khả

năng và hoàn cảnh để trẻ có thể làm theo. Phải qua gương tốt đó mà khích lệ các bạn khác hứng thú và có nguyện vọng làm theo đồng thời khích lệ trẻ có gương tốt ấy mà tiếp tục làm tốt hơn, không được sinh ra kiêu ngạo vì một việc làm tốt đã đạt được.

Chính vì điều này mà cần phải cho trẻ tham gia các hình mẫu. Ví dụ cho trẻ thăm một lớp học vệ sinh sạch đẹp. Qua đó cô hướng dẫn trẻ quan sát và động viên trẻ xây dựng nề nếp của lớp để đạt hình mẫu lớp mẫu. Khi quan sát hình mẫu thế giới nội tâm của trẻ có nhiều chuyển biến, làm giàu thêm vốn sống mà trẻ tích lũy được.

Cô giáo cũng cần cho trẻ làm quen với các tác phẩm văn học như kể cho trẻ em **những** câu chuyện cổ tích. Trong các câu chuyện đó có nhiều tấm gương tốt việc tốt để cho trẻ noi theo. Khi cô đọc truyện và kể truyện cho trẻ nghe cô chỉ nên khích lệ gợi ý, định hướng để trẻ tiếp nhận theo cách của mình. Tránh tình trạng áp đặt đưa ra một mẫu theo chủ quan của cô như vậy sẽ hình thành cho trẻ những mẫu chuẩn hành vi đạo đức một cách máy móc, sơ cứng. Như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống sau này của trẻ.

1.3. Phương pháp rèn luyện

Phương pháp rèn luyện nhằm hình thành thói quen, hành vi đạo đức cho trẻ. Trong phương pháp này cô giáo đã sử dụng những biện pháp sau:

- Dùng tình huống: Cô giáo tận dụng tình huống nảy sinh hoặc tạo ra tình huống để trẻ ứng xử, qua đó mà rèn luyện đạo đức cho trẻ. Ví dụ trong lớp chẳng may có bạn bị ngã, cô giáo dạy trẻ biết giúp đỡ bạn đứng dậy, thông cảm với sự đau đớn của bạn... Trong khi chơi nếu bạn không có đồ chơi thì biết nhường đồ chơi cho bạn, hoặc cùng san sẻ đồ chơi cho bạn.

- Dùng trò chơi: Khi trẻ chơi trò chơi cô tận dụng để giáo dục và dạy dỗ cháu những hành vi ứng xử trong cuộc sống, quyền hạn và trách nhiệm của mình trong cộng đồng. Ví dụ trò chơi bác sĩ khám bệnh, ở đây mỗi cháu nhập một vai và thể hiện đúng vị trí của mình (hoặc bác sĩ hoặc bệnh nhân). Qua đó cô tập cho cháu có được tính cách, quyền và nghĩa vụ từng người trong mối quan hệ ấy như thế nào cho đúng. Phương pháp này giáo dục trẻ rất tự nhiên, nhẹ nhàng, có hiệu quả cao.

2. Nhóm hình thành nhận thức

2.1. Giải thích

Giải thích giúp trẻ hiểu ý nghĩa của các hành động cụ thể và quy tắc hành

vi, nhận thức được ý nghĩa của sự cần thiết phải thực hiện chúng trong cuộc sống bình thường của tập thể. Trong giải thích cũng cần nêu lên động cơ của hành động, sự cần thiết và lợi ích của hành động để thuyết phục trẻ về tính đúng đắn của hành động.

Đối với trẻ mẫu giáo lời giải thích của cô giáo phải ngắn gọn, cụ thể dễ hiểu (dựa vào vốn sống của trẻ để giải thích. Ví dụ nếu tay bẩn dụi lên mắt sẽ bị đau mắt... Nếu không giữ gìn đồ chơi... đồ chơi hỏng lấy gì mà chơi). Tại lớp lớn giải thích và thuyết phục trẻ có thể dùng hình thức trao đổi và thảo luận về một chủ đề nào đó do giáo viên tổ chức. Các buổi trao đổi giúp trẻ lĩnh hội các khái niệm đạo đức như “hiền lành”, “tốt bụng”, “dũng cảm”.

2.2. Nói chuyện về một chủ đề đạo đức để giáo dục đạo đức

Bằng cách kể một câu chuyện đã có sẵn hoặc chọn lấy một câu chuyện trong cuộc sống gần gũi với trẻ để trẻ trao đổi, dưới sự giúp đỡ của cô mà có được những khái niệm đúng đắn về đạo đức. Ví dụ qua mẩu chuyện “dê đen, dê trắng” cô gợi ý cho trẻ nhận xét xem con dê nào tốt con dê nào xấu? Tại sao? Cần học tập đức tính gì của con dê ấy? Hành vi đạo đức nêu ra phải rõ ràng dễ hiểu tránh đưa vào chuyện nhiều chi tiết rườm rà khó theo dõi. Khi cô kể chuyện hoặc trò chuyện với trẻ, cô giáo biết dựa vào tình huống hoặc tạo ra tình huống để giúp trẻ tự xử lý. Qua đó mà nâng dần sự hiểu biết của trẻ về giá trị đạo đức. Cô giáo cho trẻ tự kể những câu chuyện trẻ đã làm trong ngày chủ nhật để giúp đỡ bố mẹ như thế nào. Qua đây cô giáo kiểm tra nhận thức và hành vi đạo đức của trẻ và tạo ra hoàn cảnh để trẻ tự đánh giá mình và đánh giá bạn.

2.3. Dùng câu hỏi tình huống

Cô giáo nêu ra một tình huống cụ thể rồi hỏi xem trong hoàn cảnh ấy, trẻ sẽ xử sự như thế nào. Ví dụ trong giờ học vẽ một bạn không có bút vẽ cháu sẽ giúp bạn như thế nào? Phương pháp này được sử dụng như một biện pháp khắc sâu biểu tượng, củng cố và kiểm tra nhận thức có được ở trẻ. Dựa vào vốn sống kinh nghiệm lịch sử của trẻ, không được lý thuyết dài dòng, không được dùng uy của cô giáo để áp đặt trẻ, mà phải để trẻ hiểu tự ý thức được và có niềm tin thật sự. Tuyệt đối không được để trẻ thụ động nghe lời lý thuyết khó hiểu của cô giáo.

3. Nhóm khuyến khích hành vi

Đây là nhóm tác động mạnh đến đời sống tình cảm của trẻ nhằm định hướng

cho trẻ nên gì và không nên gì trong nhận thức và hành vi đạo đức của trẻ.

3.1. Nhắc nhở

Cô nhắc nhở trẻ nói đúng và làm đúng chuẩn đạo đức đã biết hoặc nhắc nhở trẻ không nên làm thế vì nó xấu. Nhắc nhở đây chính là nhằm kích lệ, động viên trẻ chứ không nhằm mục đích răn đe dọa dẫm trẻ. Vì thế thái độ và ngôn từ của cô phải hết sức nhẹ nhàng, ân cần và tế nhị tránh nói nặng lời hoặc xa lạ, xúc phạm trẻ.

3.2. Khen ngợi

- Là động viên kích lệ trước những hành vi đạo đức của trẻ. Được khen trẻ thêm tự tin, hào hứng, mạnh dạn và hăng hái làm tiếp mọi công việc của mình. Khen ngợi còn có tác dụng củng cố nhận thức, củng cố niềm tin và động viên trẻ khác noi theo.

- Khen ngợi phải xác đáng, nghĩa là đáng được khen. Có như vậy việc khen ngợi mới có ý nghĩa giáo dục.

- Khen ngợi phải chừng mực, không nên chỉ tập trung khen vào một vài trẻ. Khi khen phải chỉ rõ lý do tại sao được khen. Hình thức khen ngợi đối với trẻ rất đa dạng. Nhiều khi chỉ là nụ cười, một ánh mắt hài lòng của cô, một cử chỉ thân ái kèm theo một lời nhận xét khích lệ. Khen ngợi có thể bằng vật chất như phát phiếu bé ngoan cuối tuần hoặc được phần thưởng là đồ chơi bánh kẹo...

3.3. Phê bình

Là hình thức chê trách thể hiện cô giáo không hài lòng với việc làm của trẻ, yêu cầu trẻ phải sửa lại. Khi phê bình phải làm cho trẻ bị phê bình và cả lớp thấy được lý do bị phê bình đó là xứng đáng cần phải sửa chữa, có như vậy việc phê bình mới có tác dụng giáo dục. Khi phê bình cần xét đến tâm trạng và tính cách của trẻ bị phê bình. Cần phê bình tức thời, đúng lúc, đúng chỗ, đúng người, đúng việc. Có khi phê bình trước lớp, phê bình riêng đối với trẻ, có khi phê bình chậm hơn sự việc đã xảy ra vì để trẻ bình tĩnh và có tâm thế chờ đợi thái độ của cô. Cô phê bình phải thẳng thắn. Không được xúc phạm trẻ tránh định kiến, kéo dài.

3.4. Trách phạt

Đây là phương pháp rất khó dùng, đòi hỏi cô giáo phải hết sức khéo léo và thận trọng. Khi trách phạt trẻ tuyệt đối không được hắt hủi xúc phạm trẻ em. Phải để trẻ và cả lớp hiểu tại sao bị trách phạt và hình thức trách phạt là xứng đáng và cần có. Trách phạt phải bình đẳng và phải theo quy định của trường, cô giáo phải biết kiềm chế bản thân, nên suy nghĩ đắn đo trước khi phạt trẻ.

Có nhiều hình thức trách phạt, thái độ nghiêm nghị của cô đối với trẻ biểu hiện qua nét mặt, lời nói, cử chỉ. Tạm thời đình chỉ một việc làm của trẻ mà nó đang thích thú, tạm dừng lại việc thi hành một lời hứa đối với trẻ. Tạm thời tách trẻ khỏi hoạt động chung của lớp. Tuyệt đối không được làm nhục trẻ, xúc phạm trẻ về mặt tinh thần, thể xác trẻ hoặc cấm ăn uống.

Sau khi trách phạt trẻ cô phải mau chóng chủ động trở lại quan hệ bình thường với trẻ bị trách phạt. Không được xa rời, định kiến, bỏ rơi trẻ bị trách phạt.

Câu hỏi

1. Thế nào là giáo dục đạo đức?
2. Nêu ý nghĩa của giáo dục đạo đức với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em tuổi mầm non.
3. Nêu nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức ở trẻ tuổi mầm non.
4. Nêu các nhóm phương pháp giáo dục đạo đức.
5. Trong khi thực tập ở trường mầm non em đã vận dụng các phương pháp này như thế nào?

Bài tập thực hành

1. Học sinh đưa ra các tình huống có thể xảy ra trên trẻ và tự xử lý các tình huống đó (Ví dụ: Trong lớp có cháu nói bậy trong lúc đang có người dự giờ, cô xử lý tình huống đó như thế nào).
2. Cho học sinh tập nhận xét và đánh giá những thái độ hành vi đạo đức của trẻ (trẻ ngủ dậy quấy khóc, đòi đồ chơi, không chịu rửa mặt).
3. Vận dụng hình thức trách phạt như thế nào trong các tình huống sau:
Giả sử có trẻ làm hỏng đồ chơi của bạn...
Trong giờ ăn luôn luôn nói chuyện, bốc thức ăn của bạn...
Khi ngủ thì hay nói chuyện, trêu các bạn...

Chương 7

GIÁO DỤC THẨM MỸ CHO TRẺ MẦM NON

Mục tiêu:

- Giáo sinh nắm được khái niệm: thẩm mỹ, giáo dục thẩm mỹ.
- Giáo sinh nắm được kiến thức về phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.
- Giáo sinh hiểu được tầm quan trọng của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

Nội dung trọng tâm:

- Ý nghĩa và nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ.
- Nội dung và nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.
- Phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.
- Phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

I. Ý NGHĨA VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC THẨM MỸ

1. Khái niệm

** Giáo dục thẩm mỹ là gì?*

Giáo dục thẩm mỹ là hệ thống các tác động sư phạm nhằm phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Giáo dục thẩm mỹ là việc tổ chức quá trình sư phạm nhằm hình thành ở trẻ tình cảm thẩm mỹ, khả năng nhận xét, đánh giá và thị hiếu thẩm mỹ, năng lực hiểu biết về cái đẹp trong cuộc sống hiện thực xung quanh (trong thiên nhiên, trong lao động, trong các hành vi quan hệ xã hội, trong mọi người) và trong nghệ thuật. Đồng thời phát triển nhu cầu hứng thú, năng lực tạo ra cái đẹp phù hợp với quy luật thẩm mỹ, quy luật cái đẹp.

** Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non là gì?*

Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non là những tác động sư phạm có mục đích, có hệ thống, phù hợp với trẻ mầm non nhằm hình thành khả năng nhận biết và hiểu biết cái đẹp, hình thành tình cảm nhu cầu hứng thú tạo ra cái

đẹp trong đời sống sinh hoạt hàng ngày trong thiên nhiên và trong tác phẩm nghệ thuật.

2. Ý nghĩa giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

Giáo dục thẩm mỹ là một bộ phận quan trọng của giáo dục phát triển toàn diện cần được tiến hành ngay từ lứa tuổi mầm non. Hầu hết trẻ thơ đều có một tâm hồn nhạy cảm. Đối với trẻ, thế giới xung quanh chứa đựng bao điều mới lạ, hấp dẫn. Trẻ thơ thường tỏ ra dễ xúc cảm đối với người và cảnh vật xung quanh.

Qua việc giáo dục thẩm mỹ mà trẻ có được cảm thụ thẩm mỹ và nhận thức sâu sắc hơn những hiện tượng của cuộc sống. Qua đó mở rộng tầm nhìn của trẻ về thế giới xung quanh. Sớm tiếp xúc với cái đẹp sẽ làm tươi mát tâm hồn trẻ thơ, làm tinh thần thoải mái, làm cho trẻ phát triển hài hoà.

Ngược lại, nếu trẻ tiếp xúc nhiều với môi trường xấu xí, ăn nói thô lỗ cục cằn, nơi ở lộn xộn thì dễ làm cho trẻ tính cục cằn, cầu thả, bần thủ... dẫn đến suy yếu về đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển toàn diện của trẻ.

Giáo dục thẩm mỹ có liên quan đến các mặt giáo dục khác.

** Với giáo dục trí tuệ:*

Giáo dục trí tuệ mà ở đó giáo dục nhận thức cảm tính là cơ bản, có ảnh hưởng lớn tới giáo dục thẩm mỹ. Có trí tuệ thì khả năng cảm giác, nhận thức và lĩnh hội các chuẩn mực nhận cảm cao và nhanh hơn, nói cách khác nhận biết sâu sắc hơn các hiện tượng của thế giới xung quanh. Trẻ phát triển nhận thức thẩm mỹ của mình.

Giáo dục thẩm mỹ củng cố các chuẩn cảm giác, các quá trình cảm giác tri giác, phát triển năng lực trí tuệ.

Tri giác tạo hình ảnh, phát triển năng lực nhận biết cái cụ thể trong cái chung và từ cái chung nhận biết cái riêng cụ thể.

Giáo dục thẩm mỹ phát triển các quá trình nhận thức, trí nhớ, tưởng tượng, ngôn ngữ và các thao tác tư duy. Phân tích, so sánh, khái quát, phát triển các phẩm chất trí tuệ, khả năng kế hoạch hoá và sáng tạo của trẻ.

** Với giáo dục đạo đức:*

Giáo dục đạo đức tạo cơ sở để phát triển thẩm mỹ. Nó giúp cho mỗi người hiểu sâu sắc hơn, đánh giá đúng hơn những cái đẹp và giúp họ cố gắng thực hiện các hình tượng thẩm mỹ trong quan hệ với mọi người, với lao động.

Giáo dục thẩm mỹ là một trong những phương tiện quan trọng để giáo dục đạo đức. Sức mạnh giáo dục của các tác phẩm nghệ thuật ở chỗ nó bắt buộc con

người rung động sâu sắc nhiều tình cảm khác nhau, nó tổng hợp, liên kết mọi người và giúp hình thành tình cảm tập thể.

Giáo dục thẩm mỹ góp phần hình thành lòng nhân đạo, tình yêu thương đất nước.

** Với giáo dục lao động:*

Giáo dục lao động tạo nên niềm vui cho trẻ em và trẻ em cảm nhận được khả năng, sức lực của mình trong việc tạo ra một sản phẩm nào đó có ích cho mọi người. Trong lao động trẻ em còn thể hiện quan hệ đa dạng vì mọi người xung quanh, với đồ vật, với công cụ... Từ đó trẻ em học được cách nhìn nhận vẻ đẹp trong quan hệ, trong tình yêu lao động.

Giáo dục thẩm mỹ và giáo dục lao động hình thành năng lực sáng tạo, năng lực hoạt động đối lập tích cực của cá nhân và nó tạo điều kiện cần thiết để trẻ em tham gia có hiệu quả vào lao động và các hoạt động nghệ thuật.

** Với giáo dục thể chất:*

Trong giáo dục thể chất trẻ em, hiểu được cái đẹp thẩm mỹ của mỗi người đều gắn liền với sức khoẻ, sự hoàn thiện thể lực: dáng đẹp, tư thế đẹp, nhịp nhàng trong vận động. Giáo dục thể chất kết hợp với phương tiện nghệ thuật làm cho trẻ sôi nổi, tích cực lĩnh hội chúng có hiệu quả hơn (vận động thể dục theo nhạc, múa).

Như vậy mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo dục thẩm mỹ với các mặt giáo dục khác là đảm bảo cho việc giáo dục phát triển toàn diện nhân cách trẻ em.

3. Các nhiệm vụ phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non

3.1. Hình thành và phát triển tri giác thẩm mỹ cho trẻ mầm non

Trong quá trình trẻ mầm non tập làm người cần giúp trẻ mở rộng tầm nhìn ra thế giới xung quanh, qua đó phát triển năng lực tri giác thẩm mỹ cho trẻ. Trẻ nhỏ rất hứng thú với những đồ vật đồ chơi có màu sắc tươi sáng, sống động. Người lớn cần cho trẻ hướng tới những đối tượng trong thiên nhiên và đến hành vi của con người. Dạy trẻ biết nhìn và phát hiện ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày bằng cách làm thoả mãn nhu cầu hứng thú của trẻ.

Cơ sở của sự tri giác cái đẹp là sự nhận thức cảm tính cụ thể về mặt thẩm mỹ, nhìn và nghe là cơ sở hoàn toàn đầy đủ về phương tiện tâm sinh lý để tri giác cái đẹp. Trẻ say sưa lắng nghe bài hát, chuyện cổ tích, xem tranh ảnh. Song đó chưa phải là tình cảm thẩm mỹ mà chỉ là sự biểu hiện ra của hứng thú nhận thức. Nhiệm vụ của giáo dục thẩm mỹ là giúp trẻ biến quá trình chuyển từ sự

đáp ứng theo bản năng sang sự tri giác có ý thức về cái đẹp. Cô giáo cần làm cho trẻ chú ý đến những sự vật và hiện tượng của thiên nhiên, đến những hành vi của con người. Phát triển được cái đẹp trong đời sống, trong thiên nhiên, lao động, trong hành vi và hành động của con người dạy trẻ biết nhìn nhận về phương diện thẩm mỹ đối với thế giới xung quanh.

Phát triển hứng thú, cảm xúc thẩm mỹ đối với một số dạng nghệ thuật, như âm nhạc, thơ, tạo hình.

Dẫn dắt trẻ đi từ sự tri giác cái đẹp, cảm xúc đối với nó đến chỗ hiểu và hình thành các khái niệm, nhận xét đánh giá thẩm mỹ.

Tri giác thẩm mỹ bao giờ cũng có liên quan chặt chẽ đến cảm xúc thẩm mỹ và tình cảm thẩm mỹ, là niềm vui vô tư là cảm xúc tâm hồn trong sáng xuất hiện khi thấy cái đẹp. Tình cảm thẩm mỹ giữ vai trò rất to lớn trong việc đánh giá các sự vật và hiện tượng khác nhau. Trong việc rèn luyện thị hiếu thẩm mỹ sau này của trẻ.

3.2. Bước đầu phát triển ở trẻ năng lực cảm xúc thẩm mỹ và hứng thú nghệ thuật

Thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật (văn học, âm nhạc, hội họa) trẻ được nghe những giai điệu ngọt ngào, những lời thơ, khúc nhạc, những câu ca dao tục ngữ trữ tình giáo dục... mà người lớn đưa trẻ đến những xúc cảm mang tính thẩm mỹ gắn với cuộc sống xung quanh trẻ.

Thông qua các tác phẩm nghệ thuật tiếp tục hình thành các kỹ năng kỹ xảo tạo hình văn nghệ và tạo ra cái đẹp trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày (hành vi kỹ xảo vệ sinh, hành vi sạch sẽ, gọn gàng bản thân và môi trường xung quanh).

Hình thành các biểu tượng sơ đẳng về thẩm mỹ, hình thành sự hiểu biết về cái đẹp, cái không đẹp, cái ghê sợ, cái bi cái hài... Bước đầu hình thành khả năng nhận xét đánh giá cái đẹp, cái đúng, cái sai.

Phát triển ở trẻ các năng lực thẩm mỹ (năng lực chung và năng lực riêng). Phát triển hứng thú tích cực sáng tạo về ý thích của cá nhân trẻ, đồng thời giáo dục thái độ quan hệ thẩm mỹ của trẻ với xung quanh.

3.3. Bước đầu giáo dục thị hiếu thẩm mỹ và phát triển năng lực tạo hình ở trẻ

Thị hiếu thẩm mỹ là năng lực đánh giá cái đẹp, cái xấu một cách đúng đắn. Trường mẫu giáo cần dạy cho các em phân biệt cái đẹp với cái không đẹp, cái thô kệch xấu xí. Cần giáo dục cho các em năng lực trình bày rõ lý do tại sao

mình thích bài hát, truyện cổ tích hay bức tranh này. Chính vì vậy cần hình thành ở trẻ những điểm sau.

- Có thể hình thành cho trẻ những cơ sở thị hiếu thẩm mỹ thông qua việc tìm hiểu các tác phẩm văn học thiếu nhi, tìm hiểu âm nhạc, hội họa. Trẻ học cách nhận biết, yêu mến các tác phẩm nghệ thuật chân chính phù hợp với lứa tuổi trẻ.

- Dạy trẻ biết nhận ra và cảm nhận cái đẹp ở cuộc sống xung quanh và biết bảo vệ nó. Một bông hoa đẹp trong khóm hoa trong lớp học được trang hoàng đẹp đẽ và ươm cúng, sạch sẽ. Cái đẹp trong cuộc sống cần được bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn. Phát triển năng lực tạo hình là phát triển năng lực sáng tạo ở trẻ bởi vì hoạt động tạo hình là hoạt động tạo ra sản phẩm với những màu sắc, đường nét, hình khối, dáng vẻ khác nhau. Do đó, muốn phát triển năng lực tạo hình thì phát triển năng lực sáng tạo của trẻ bằng cách cho trẻ tham gia trực tiếp vào hoạt động tạo hình như biết tạo ra sản phẩm tạo hình ở mức đơn giản.

II. NỘI DUNG GIÁO DỤC THẨM MỸ CHO TRẺ MẦM NON

1. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho tuổi nhà trẻ

1.1. Dạy trẻ quan sát vẻ đẹp thiên nhiên

Thiên nhiên là nguồn cảm hứng vô tận đối với giáo dục thẩm mỹ cho trẻ, song không phải cứ đưa trẻ vào thiên nhiên là tự nhiên trẻ cảm thụ ngay được vẻ đẹp của nó. Vì vậy người lớn, nhất là cô giáo mầm non phải dạy trẻ biết ngắm nhìn, quan sát vẻ đẹp của thiên nhiên muôn hình muôn vẻ.

Còn nhỏ trẻ được ngắm nhìn màu sắc, hoa lá, lắng nghe tiếng chim hót, tiếng mèo kêu tiếng chó sủa. Trẻ luôn được ngắm nhìn bầu trời sao lấp lánh. Chính vì vậy người lớn cần rèn luyện óc quan sát cho trẻ từ thuở ấu thơ để trẻ có khả năng phát triển óc thẩm mỹ sau này.

Trường mầm non cần có góc thiên nhiên, bể cá, vườn hoa có chim muông thú... để gây cảm hứng và giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

1.2. Giáo dục vẻ đẹp trong đời sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ

Trẻ không chỉ tìm thấy cái đẹp về thiên nhiên mà còn tìm thấy cái đẹp trong đời sống xã hội và có ước muốn tạo ra cái đẹp trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Cô giáo mầm non cần:

- Giáo dục cho trẻ cái đẹp trong mối quan hệ với người thân ở xung quanh. Cần dạy trẻ biết chào hỏi lễ phép với người lớn, thân thiết với bạn bè, giúp đỡ em bé và biết cảm ơn khi người khác làm việc cho mình và biết xin lỗi khi gây

phiên hà cho người khác, biết nói năng nhẹ nhàng.

- Dạy trẻ hành vi văn hoá vệ sinh thể hiện trong giao tiếp với mọi người xung quanh, hình thành một số quy tắc, nề nếp vệ sinh, hành vi, đạo đức trong giao tiếp, trong sinh hoạt như: vui chơi, học tập... Dạy trẻ từ cách cầm thìa cầm bát và cách xúc ăn một cách gọn gàng có văn hoá. Cần quan tâm uốn nắn một số hành vi thiếu văn hoá của trẻ như: nói tục, chửi bậy, đánh bạn, quăng ném đồ chơi...

- Tạo cho trẻ có thói quen văn hoá vệ sinh, trước khi ăn phải rửa tay, sau khi ăn phải xếp bát đĩa gọn gàng, phải lau miệng và uống nước sau khi ăn xong.

- Cần dạy trẻ thấy được vẻ đẹp trong mối quan hệ với đồ vật xung quanh.

- Cần dạy trẻ biết sử dụng đúng chức năng của từng đồ vật (bát để đựng cơm, cốc để uống nước). Và còn phải biết cầm như thế nào cho đẹp, cho lịch sự.

Cần tập cho trẻ có thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ trong việc sắp xếp đồ đạc, trang trí phòng ngủ, phòng tập, phòng ăn, sân chơi của trẻ.

1.3. Bước đầu cho trẻ làm quen với nghệ thuật

Cô cho trẻ làm quen với một số thể loại nghệ thuật thông qua thơ ca, chuyện kể, múa hát, đóng kịch, tranh vẽ, tượng, đồ chơi, mang tính dân gian. Trẻ làm quen với tên gọi các tác phẩm nghệ thuật, các nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ. Trẻ thơ rất hứng thú với nghệ thuật, nhất là âm nhạc, những giai điệu, tiết tấu nhịp nhàng đưa trẻ vào thế giới của cái đẹp một cách thích thú và hấp dẫn.

Hát ru và những bản nhạc không lời có những giai điệu mượt mà êm dịu tác động vào đôi tai non nớt của trẻ thơ sẽ giúp trẻ có được đôi tai biết nghe nhạc tinh tế. Vì thế các cô giáo và các bà mẹ cần hát ru để ru trẻ ngủ, dỗ dành khi trẻ khóc. Cầm tay trẻ để cử động nhịp nhàng theo giai điệu, phù hợp với tình cảm của bài hát. Sẽ tạo ra sự đồng cảm giữa người lớn và trẻ em. Người lớn cần khuyến khích và hát theo vận động (đi, đứng, chạy, nhảy) theo nhịp điệu.

1.4. Giáo dục cái đẹp trong hoạt động tạo hình

Trẻ thơ thích vẽ, nặn, dán... nói chung là các đối tượng của hoạt động tạo hình. Song trẻ chưa thể tự phát hiện ra cái đẹp trong hoạt động tạo hình. Vì thế người lớn cần phải hướng dẫn trẻ, cho trẻ xem các sản phẩm hoạt động tạo hình có giá trị như tranh vẽ, sản phẩm cắt dán, xé dán, nặn...

Tranh vẽ phải đẹp, có màu sắc sáng sủa đường nét hài hoà để trẻ cảm nhận được vẻ đẹp của nó. Khi cho trẻ chơi với đồ chơi (con giống, hay các loại đồ chơi lắp ghép, hoặc các đồ xếp hình bằng tranh) cũng phải đảm bảo yếu tố thẩm

mỹ. Bước đầu cho trẻ biết cầm bút để vẽ những đường cơ bản. Cho trẻ tập nặn, xé dán. Dần dần hướng dẫn trẻ vào các vẽ đẹp của các sản phẩm tạo hình. Từ đó sẽ hình thành cơ sở cảm xúc và tình cảm thẩm mỹ.

2. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

2.1. Phát triển tri giác thẩm mỹ, tình cảm thẩm mỹ và khái niệm thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

Giáo dục thẩm mỹ chỉ có thể bắt đầu từ việc phát triển năng lực tri giác cái đẹp cho trẻ, qua đó mà hình thành năng lực cảm thụ cái đẹp và hiểu biết của trẻ.

Theo quan điểm mỹ học Mác - Lênin sự tri giác cái đẹp được hiểu là quá trình cảm thụ cái đẹp mà kết quả của nó là những rung cảm thẩm mỹ, những tình cảm thẩm mỹ.

Cơ sở của sự tri giác cái đẹp là sự nhận thức cảm tính cụ thể về mặt đặc điểm thẩm mỹ. Nhìn và nghe là cơ sở hoàn toàn đầy đủ về tâm sinh lý để tri giác cái đẹp. Ngay từ những năm đầu tiên của cuộc sống, trẻ đã bị lôi cuốn một cách vô ý thức vào tất cả những gì là trong sáng là hấp dẫn thích thú những đồ chơi màu sắc sặc sỡ, những âm thanh và nhịp điệu rộn rã, tươi vui. Từ *đẹp* đã sớm đi vào cuộc sống của trẻ. Trẻ say sưa lắng nghe bài hát, truyện cổ tích, xem tranh ảnh. Song đó chưa phải là tình cảm thẩm mỹ mà chỉ là sự chuyển biến của hứng thú nhận thức. Chính vì vậy để phát triển tri giác thẩm mỹ, tình cảm thẩm mỹ và khái niệm thẩm mỹ cho trẻ, giáo viên cần:

- Làm cho trẻ chú ý đến sự vật và hiện tượng của thiên nhiên đến những hành vi của con người, dạy trẻ biết nhìn và nhìn thấy cái đẹp trong cuộc sống, trong thiên nhiên trong lao động.

- Dạy trẻ biết tri giác màu sắc, hình dáng âm thanh của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên. Trên cơ sở đó nảy nở tình cảm thẩm mỹ của trẻ.

Cô giáo biết kích thích trẻ trong các cuộc dạo chơi ở những nơi có cảnh thiên nhiên để trẻ bộc lộ tính chất thẩm mỹ của mình: là hể hả, là sự thoả mãn, là niềm vui vô tư, là xúc cảm tâm hồn trong sáng ở trẻ khi xuất hiện cái đẹp .

Tính chất thẩm mỹ này của trẻ được nảy sinh là cơ sở quan trọng để rèn luyện thị hiếu sau này của trẻ.

2.2. Hình thành cơ sở của thị hiếu thẩm mỹ

Thị hiếu thẩm mỹ biểu hiện ở sự đánh giá thẩm mỹ của con người. Trường mẫu giáo cần giúp đỡ trẻ phân biệt cái đẹp với cái xấu, giúp trẻ biết giải thích tại sao thích và không thích một đối tượng nào đó (tranh ảnh, truyện tranh,

hành vi), nghĩa là biết nhận thức thẩm mỹ.

Thị hiếu thẩm mỹ được hình thành ở trẻ mẫu giáo có thể thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với các tác phẩm văn học, âm nhạc, hội họa, qua đó người lớn giúp đỡ để trẻ nhận thức và yêu thích các tác phẩm ấy.

Cô giáo mầm non cần dạy trẻ:

- Phân biệt cái đẹp với cái không đẹp, thô kệch và xấu xí.
- Cần dạy trẻ biết trình bày rõ lý do tại sao mình thích tại sao mình không thích bài hát, câu truyện và bức tranh này.
- Hình thành cho trẻ những cơ sở của thị hiếu thẩm mỹ thông qua việc tìm hiểu các tác phẩm văn học cho thiếu nhi. Tìm hiểu âm nhạc, hội họa trẻ học cách nhận biết, yêu mến các tác phẩm nghệ thuật chân chính phù hợp với lứa tuổi của trẻ.
- Dạy trẻ biết nhận ra và cảm thụ cái đẹp ở cuộc sống xung quanh và biết bảo vệ nó, làm cho nó đẹp thêm.

2.3. Phát triển các năng lực sáng tạo nghệ thuật ở trẻ

Trẻ có năng lực đánh giá nhận xét hình tượng nghệ thuật, hiểu biết các phương tiện nghệ thuật và từng bước hiểu biết các bản chất bên trong của hình tượng nghệ thuật như trạng thái của tác phẩm, trẻ hiểu biết mối liên hệ giữa nội dung và phương tiện diễn cảm của tác phẩm. Trẻ biết so sánh các tác phẩm và phân biệt một số thể loại (chuyện kể, chuyện cổ tích, nhạc nhảy múa và nhạc hành khúc).

- Trẻ thể hiện rõ năng lực sáng tạo, năng lực độc lập xác định mục đích nhiệm vụ các hoạt động nghệ thuật và năng lực diễn cảm biểu diễn, múa hát, đóng kịch.

- Trẻ có khả năng hiểu sâu và rung động, đồng cảm với nhân vật, với cái tốt, cái nhân hậu và biết phê bình cái xấu, cái ác.

- Trẻ đã biểu hiện hứng thú, chú ý bền vững các thể loại âm nhạc, tạo hình và các tác phẩm văn học.

- Trẻ tích cực phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật thể hiện khả năng tự sáng tạo câu đố, câu chuyện, câu thơ, trẻ có biểu hiện thái độ đánh giá nhận xét các biểu hiện sáng tạo của bạn bè của bản thân.

Như vậy trẻ mẫu giáo có mầm mống sáng tạo nghệ thuật, vì vậy cô giáo cần:

- Rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo như xé, dán, nặn, kể chuyện, đọc thơ diễn cảm, hát, nghe nhạc, đánh nhịp, múa theo nhạc, vận động theo nhạc.
- Để phát triển óc sáng tạo ở trẻ, cô cần có quá trình dạy học để giúp trẻ

phương thức diễn đạt hình tượng và mô tả chủ định trong khi nói, hát, vẽ, nhảy múa, diễn kịch. Việc dạy học thức dậy ở trẻ những biểu hiện có ý thức về nghệ thuật, gây ra cảm xúc tích cực và phát triển năng lực sáng tạo. Mục đích việc dạy các kỹ xảo hoạt động nghệ thuật không chỉ là giúp trẻ có tri thức và kỹ năng về ca hát, đọc truyện... mà còn kích thích hứng thú ở trẻ nguyện vọng hoạt động độc lập sáng tạo. Đồng thời sử dụng nó trong hoạt động nghệ thuật sẽ đem lại niềm vui trong cuộc sống của trẻ, trong tập thể và gia đình.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THẨM MỸ

1. Tổ chức quan sát

Tổ chức quan sát giúp trẻ nhận ra cái đẹp của cuộc sống, của thiên nhiên. Cô giáo hướng dẫn trẻ quan sát vườn hoa, cảnh hoàng hôn đầy màu sắc, khung cảnh một ngày lễ, sự cảm thụ của trẻ có sự hướng dẫn và kết hợp của ngôn ngữ nghệ thuật làm tăng cường cảm thụ thẩm mỹ và làm cho trẻ nhận ra cái đẹp và yêu thích cái đẹp. Phải tổ chức cho trẻ quan sát một số lần cùng một hiện tượng từ đó trẻ mới nhận thấy vẻ đẹp sâu sắc. Nếu chỉ một lần thì trẻ chưa cảm thụ được hết, nhận thức vẫn còn mờ nhạt, trẻ dễ quên.

Cô giáo phải tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc trực tiếp với các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh (của tự nhiên, xã hội) hướng trẻ chú ý đến nó, nhận xét, cảm thụ nó để từ đó nhận ra được vẻ đẹp trong thực tiễn.

Kinh nghiệm vốn sống của trẻ còn nghèo nên muốn trẻ nhận ra vẻ đẹp của tự nhiên để rung cảm, cô cần hướng dẫn trẻ quan sát. Cô cần hướng dẫn trẻ cách quan sát chính trong cuộc sống, trong lúc trẻ đi dạo, tham quan. Cô chỉ cho trẻ thấy cái đẹp và dạy cho trẻ biết bảo vệ cái đẹp và tự mình cũng có thể làm ra nó, sáng tạo ra nó. Ví dụ: Khi đưa trẻ đi tham quan về cô cùng trẻ làm ra những lá cây, bông hoa con bướm đầy màu sắc, hoặc cùng nhau vẽ lại cảnh hồ nước, có những con thiên nga đang bơi. Chính trong những lúc đó trẻ cảm thấy vui thú và cảm nhận được cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống. Và cũng từ đây trong trẻ hình thành những thái độ đúng đắn với cuộc sống sau này.

2. Giải thích

Những cảm xúc thẩm mỹ của trẻ sẽ sâu sắc, có ý thức và giữ được lâu hơn nếu như trẻ hiểu rõ nội dung tác phẩm (một bài hát, một câu chuyện, một bức tranh).

Do đó cô giáo cần phải giải thích nội dung tác phẩm đang được tiếp thu, làm chính xác các biểu tượng của trẻ. Việc trình bày một cách nghệ thuật những tác phẩm âm nhạc, những ca khúc, đọc các tác phẩm văn học tác động trực tiếp đến trẻ, khơi gợi tình cảm và cảm xúc thẩm mỹ, giúp các em hiểu sâu sắc hơn nội dung và hình thức tác phẩm.

Cô giải thích phải ngắn gọn với ngôn từ dễ hiểu, chính xác, việc giải thích thường đi đôi với trò chuyện. Thông qua trò chuyện với trẻ, cô giáo hướng trẻ vào những vấn đề cốt lõi nhất của đối tượng thẩm mỹ mà trẻ đang tri giác.

3. Chỉ dẫn, làm mẫu

Trong một số hoạt động nghệ thuật như vẽ, nặn, xây dựng, đóng kịch, múa hát cô giáo thường dùng phương pháp chỉ dẫn làm mẫu để giúp trẻ có được những kỹ năng cơ bản (cách cầm bút, pha màu, cách chọn và tô màu, các thao tác nặn, xé dán, múa hát...). Vốn sống của trẻ còn nghèo, nhưng khả năng bắt chước của trẻ rất tốt. Chính vì điều này cô cần chỉ dẫn và làm mẫu cho trẻ trong một số các hoạt động nghệ thuật (vẽ, nặn, đọc thơ, kể chuyện, múa hát).

Cô làm mẫu phải rõ ràng, nói ngắn gọn dễ hiểu, các thao tác cần dứt khoát, mẫu phải đẹp.

Khi hướng dẫn, cô phải hướng dẫn trẻ tỷ mỉ, chu đáo, tránh qua loa đại khái. Chỉ dẫn từ đầu đến cuối, từng bước một, không gây áp lực làm trẻ hoảng loạn, ức chế.

4. Luyện tập

Hoạt động thực tiễn có ý nghĩa lớn đến giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo. Phương pháp này hướng dẫn trẻ có hành vi thẩm mỹ và hành động tô điểm thêm vẻ đẹp cho thế giới xung quanh, làm cho mọi người hài lòng. Trong giáo dục thẩm mỹ cũng rất cần dùng phương pháp luyện tập này (còn gọi là hoạt động thực tiễn). Vì vậy cô giáo cần:

- Giúp trẻ luyện tập hành động thông qua các bài tập khác nhau.
- Luyện tập cho trẻ cần phải kiên trì, phải lặp đi lặp lại nhiều lần.

Nhưng khác với việc luyện tập những thói quen trong sinh hoạt, việc luyện tập những hoạt động thẩm mỹ không theo một trình tự chặt chẽ. Ví dụ trẻ có thể dùng sỏi để sắp thành hình con cá, trẻ có thể dùng đất sét để nặn thành quả cam.

Cô giáo cần giáo dục và phát triển năng lực và hành động cho trẻ trong những hoàn cảnh có thể vận dụng những kỹ năng đã nắm được. Điều quan trọng

nhất là trẻ làm được cái gì, nghĩ ra cái gì - dù ở mức độ sơ đẳng. Có thể 2 trẻ đều nặn con cá nhưng hình cá thì hoàn toàn khác nhau, có thể chỉ có những đặc điểm quan trọng nhất: đầu, mình, đuôi... cô giáo không nên phê phán con nào vì trí tưởng tượng, khiếu thẩm mỹ mỗi trẻ một khác nhau. Cô giáo chỉ nên góp ý những khía cạnh chung nhất, có đảm bảo tính đặc thù của cá không.

Trong giáo dục thẩm mỹ, hoạt động chủ yếu của trẻ là hoạt động nghệ thuật. Cô giáo cần cho trẻ tiếp xúc với những hoạt động nghệ thuật khái quát nhất, điển hình nhất. Như phương thức định hướng về âm thanh, màu sắc, hình dạng, vận động, đây cũng chính là phương pháp luyện tập.

Luyện cho trẻ nghe âm thanh, biết các làn điệu, biết hát theo nhạc, trên cơ sở đó giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

Trong quá trình luyện tập, cô giáo cần sử dụng thường xuyên phương pháp khuyến khích và đánh giá công việc đã hoàn thành của trẻ. Khen ngợi những em tích cực, cố gắng kiên trì theo đuổi các hoạt động đến cùng. Cô giáo phải tìm ra những thành công, kết quả dù là nhỏ nhất để biểu dương. Không được làm thui chột niềm hy vọng hoạt động của trẻ.

IV. CÁC PHƯƠNG TIỆN GIÁO DỤC THẨM MỸ

1. Về đẹp của môi trường xung quanh trẻ

Môi trường thẩm mỹ xung quanh trẻ bao gồm: các đồ vật, các đồ dùng, sinh hoạt, đồ chơi, các thiết bị trong nhà, ở trường lớp, ở thành phố xung quanh trẻ, bao gồm sự lựa chọn, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, vệ sinh đồng bộ, hài hoà và thẩm mỹ có tác động đến trẻ như:

Mở rộng vốn kinh nghiệm, biểu tượng thẩm mỹ cho trẻ, thúc đẩy và phát triển tình cảm hứng thú thẩm mỹ, hình thành năng lực tri giác, năng lực nhận xét đánh giá thẩm mỹ của trẻ. Phát triển năng lực hoạt động tích cực, sáng tạo ra cái đẹp cho trẻ. Cô giáo mầm non cần phải tạo ra cho trẻ cuộc sống sinh hoạt xung quanh trẻ từ nhà đến trường, lớp mẫu giáo có vẻ đẹp tươi vui, hợp lý, hấp dẫn và mang tính giáo dục thẩm mỹ cao. Các yêu cầu chủ yếu là:

- Tính hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Sạch sẽ, giản dị, đẹp đẽ.

- Kết hợp đúng đắn giữa màu sắc và ánh sáng để tạo ra sự tương phản đảm bảo nhìn thấy được mọi vật.

- Tất cả các bộ phận trang trí phải tạo thành một quần thể thống nhất.

- Về đẹp của hoàn cảnh có ảnh hưởng hàng ngày đến trẻ, khó nhận ra song là phương tiện rất tốt cho giáo dục thẩm mỹ.

2. Dùng ấn tượng của cuộc sống xung quanh trẻ

Nguồn gốc của sự cảm thụ và những xúc cảm thẩm mỹ chính là cuộc sống. Cuộc sống lao động của mọi người quanh trẻ gây ra ấn tượng sâu sắc đến trẻ. Hoạt động của người thủy thủ trên biển, các bác sĩ trong bệnh viện, người nấu ăn, người phi công không những làm cho trẻ hiểu biết cuộc sống lao động của họ mà còn gây cho trẻ nguyện vọng bắt chước họ, muốn làm như họ.

Cuộc sống quanh trẻ như đường phố, tượng đài, các di tích lịch sử, các địa danh văn hóa đều là những nhân tố gây ra ấn tượng tốt đẹp và có ý nghĩa lớn đến giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

Trong các ngày hội, ngày lễ, những cuộc trình diễn thể dục thể thao, quang cảnh tấp nập của đường phố, những đoàn diễu binh tuần hành cũng để lại cho trẻ ấn tượng sâu sắc. Cô giáo cần tổ chức cho trẻ tiếp xúc với các đối tượng trong cuộc sống để gây ấn tượng sâu sắc. Qua đó mà khắc sâu giá trị thẩm mỹ cho trẻ. Nói tóm lại, cô giáo cần sử dụng những ấn tượng từ cuộc sống xung quanh như một trong những phương tiện của mỹ dục.

3. Tận dụng vẻ đẹp của thiên nhiên

Vẻ đẹp thiên nhiên đi vào trí nhớ trẻ như những ấn tượng khó quên, nó được trẻ cảm thụ và giữ lại trong tình cảm đồng thời lưu giữ có khi suốt đời.

Thiên nhiên ở đây được hiểu là: phong cảnh, màu sắc, âm thanh của các đối tượng thiên nhiên, tiếng kêu tiếng hót của các con vật. Thiên nhiên là một trong những phương tiện giáo dục thẩm mỹ. Nó kêu gọi các xúc cảm thẩm mỹ đa dạng phong phú, tạo ấn tượng mạnh mẽ và thúc đẩy hứng thú, thái độ đúng đắn của trẻ.

Xây dựng góc thiên nhiên ở trường, ở lớp mẫu giáo để giáo dục sự hiểu biết về thiên nhiên và vẻ đẹp của nó, hình thành kỹ năng kỹ xảo, ý muốn làm ra cái đẹp cho thiên nhiên, đồng thời giáo dục tình cảm với cây cối, con vật.

Cô giáo phải biết mở ra trước mắt trẻ thế giới tự nhiên tuyệt diệu, dạy cho trẻ biết vẻ đẹp của buổi sáng bình minh, cảnh huyền ảo lúc hoàng hôn, biết lắng nghe tiếng chim hót, tiếng lá rơi xào xạc, tiếng nước chảy róc rách. Thông qua các buổi dạo chơi, tham quan cô giáo kích thích làm cho trẻ biết yêu thích cái đẹp thiên nhiên của quê hương đất nước. Qua đó tạo cho trẻ ý thức yêu mến và mong muốn làm gì đó để bảo vệ và tô đẹp thêm cảnh đẹp của quê hương đất nước. Vì vậy có thể nói rằng vẻ đẹp của thiên nhiên là một trong những phương tiện của gắn gũi và thực tế để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

4. Nghệ thuật

Các tác phẩm nghệ thuật cổ điển, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật hiện đại là nguồn cảm hứng, nguồn vui, nguồn khoái cảm thẩm mỹ và tinh thần của trẻ. Nhiều loại hình nghệ thuật phù hợp với trẻ em: Văn học, hội họa, âm nhạc, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh. Mỗi loại hình nghệ thuật phản ánh cái độc đáo riêng của cuộc sống và có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến sự phát triển trí tuệ và tình cảm của trẻ.

Các tác phẩm nghệ thuật được sử dụng trong trường mẫu giáo nhằm mục đích giáo dục thẩm mỹ cho trẻ bao gồm: Thơ ca, truyện tranh và truyện kể, đồng dao, cổ tích, các tác phẩm tạo hình, các tác phẩm âm nhạc, múa.

Các tác phẩm nghệ thuật góp phần làm phong phú sự hiểu biết, các biểu tượng thẩm mỹ cho trẻ khơi gợi xúc cảm tình cảm hứng thú của trẻ phát triển năng lực tri giác thẩm mỹ.

Cô giáo phải biết sử dụng các loại hình nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi và trình độ phát triển của trẻ. Cần tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động nghệ thuật như hát, múa, vẽ, kể chuyện, đóng kịch để nâng cao hứng thú và phát triển niềm đam mê nghệ thuật cho trẻ.

Cô giáo cần cho trẻ tham gia các giờ học vẽ, nặn, cắt dán, hát múa, kể chuyện, làm quen với thiên nhiên... góp phần giáo dục và phát triển thẩm mỹ cho trẻ.

Các giờ học là hình thức giáo dục thẩm mỹ có hiệu quả, từng bước giúp trẻ lĩnh hội và phát triển năng lực, khiếu thẩm mỹ phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và đặc điểm cá nhân của trẻ.

Câu hỏi

1. Nêu ý nghĩa và nhiệm vụ của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.
2. Các khả năng thẩm mỹ của trẻ như thế nào? Và các nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ? Tại sao phải thực hiện nhiệm vụ đó.
3. Những phương tiện cơ bản để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

Bài tập thực hành

Quan sát khung cảnh của trường mầm non, một số phòng lớp nhà trẻ mẫu giáo. Phân tích và nhận xét khung cảnh đó có ảnh hưởng tích cực đối với giáo dục thẩm mỹ cho trẻ chưa? Vì sao?

Phần ba

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI (3 - 36 THÁNG)

Chương 8

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI

I. Ý NGHĨA CỦA VIỆC CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI

Chăm sóc giáo dục trẻ em ngay từ những tháng năm đầu tiên của cuộc sống là việc làm hết sức cần thiết vô cùng quan trọng trong sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ tương lai của đất nước. Bởi vì từ khi lọt lòng mẹ đến 3 tuổi là khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi so với 1 đời người nhưng là 1 thời kỳ vô cùng quan trọng vì nó tạo ra cơ sở ban đầu cho cả 1 đời người về thể chất tinh thần và xã hội.

- Từ khi lọt lòng mẹ, đứa trẻ rất yếu ớt, trẻ không thể tự sống (như những con vật non) và phát triển thành người được. Đồng thời trẻ chịu mọi ảnh hưởng của các tác động bên ngoài như thời tiết, môi trường và trong đó có sự chăm sóc giáo dục của người lớn. Cuộc sống và mọi hoạt động của trẻ phụ thuộc hoàn

toàn vào người lớn. Người lớn chăm sóc giáo dục, đáp ứng mọi nhu cầu cần thiết của cơ thể trẻ để trẻ tồn tại và phát triển như nhu cầu dinh dưỡng, vệ sinh, gắn bó giao tiếp, nhận thức vận động... Người lớn ân cần, chu đáo chăm sóc tỷ mỉ cẩn thận đáp ứng cho cơ thể trẻ tồn tại và phát triển. Nếu thiếu đi sự chăm sóc giáo dục đó đứa trẻ sẽ không thể tồn tại và phát triển được .

- Sự chăm sóc giáo dục của người lớn từ khi trẻ lọt lòng đến 3 tuổi phải cẩn thận chu đáo nếu mắc phải bất cứ lỗi nào trong việc chăm sóc giáo dục trẻ sẽ để lại hậu quả đáng tiếc suốt đời, sửa lại sau sẽ rất khó khăn. Ví dụ: Bệnh đường ruột - do chế độ dinh dưỡng không khoa học, bệnh hen phế quản, còi xương suy dinh dưỡng

- Theo những nghiên cứu khoa học mới đây cho biết rằng trẻ dưới 3 tuổi đã có thể tiếp nhận được những tác động của giáo dục 1 cách hiệu quả. Do đó trong 3 năm đầu tiên của cuộc đời trẻ nếu người lớn chăm sóc giáo dục chu đáo theo khoa học thì ở trẻ sẽ đạt được 1 số thành tựu đáng kể.

- Về vận động đến 3 tuổi trẻ đã có thể tự mình (độc lập) di chuyển trong không gian như biết đi, chạy, nhảy, leo trèo, bò, ném, bắt.

- Về tâm lý trẻ đã có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ với người xung quanh, biết tên gọi của các đồ vật và sử dụng theo chức năng của chúng. Ví dụ: Cốc để uống nước, thìa để xúc ăn.

- Về xã hội: Trẻ đã biết biểu lộ ra tình cảm của mình với người thân gần gũi xung quanh trẻ, biết làm theo yêu cầu của người lớn. Ví dụ: Cư xử ứng xử ở mức đơn giản với mọi người gần gũi xung quanh. Biết yêu mẹ, âu yếm mẹ. Biết sợ khi bị quát mắng.

- Việc chăm sóc giáo dục trẻ ngay từ những năm đầu tiên của cuộc đời trẻ, đặc biệt trẻ dưới 3 tuổi, là việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết tạo cơ sở nền móng cho việc hình thành nhân cách sau này của trẻ.

II. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI

1. Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ diễn ra với một tốc độ nhanh chưa từng có so với bất kỳ lứa tuổi nào tiếp theo

- Về thể chất: Tăng nhanh về cân nặng chiều cao, phát triển vận động. Ví

dự: Trẻ 6 tháng nặng 6 - 7 kg chiều cao: 63cm - 68cm. 12 tháng tuổi: 70,7cm - 76,1cm.

- Vận động: 3 tháng biết lẫy, 1 tuổi đi được một vài bước, 3 tuổi biết đi chạy tương đối vững.

- Nhận thức:

+ Tiếp thu ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ phát triển nhanh chóng. 6 tháng: chưa biết nói, 12 tháng: nói được 1 từ, 3 tuổi: nói được nhiều từ và câu đơn giản.

Với tốc độ phát triển nhanh như vậy đòi hỏi người lớn phải chăm sóc giáo dục tỷ mỉ và chu đáo, tránh mọi sơ suất dù là nhỏ, cũng có thể, thương tổn hoặc ảnh hưởng xấu đến chức năng nào đó của cơ thể sẽ để lại hậu chứng suốt đời khắc phục rất khó khăn.

2. Trẻ dưới 3 tuổi sức đề kháng thấp, cơ thể rất non nớt và rất nhạy cảm với mọi tác động của bên ngoài

Giai đoạn này cơ thể còn yếu nên trẻ hay mắc phải một số bệnh sau:

- 6 bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi, lao.

- Một số bệnh về đường hô hấp thường xuất hiện ở trẻ như : viêm mũi cấp, viêm V.A cấp, viêm V.A mãn tính, viêm amidan cấp, viêm amidan mãn tính, viêm họng đỏ, viêm phế quản, viêm phổi.

- Bệnh giun, bệnh suy dinh dưỡng, bệnh thiếu sinh tố A dẫn đến bị mù, quáng gà, bệnh còi xương, bệnh ỉa chảy.

- Tất cả các bệnh nói trên ảnh hưởng xấu đến sự tăng trưởng và phát triển cơ thể trẻ thậm chí dẫn đến tử vong, đặc biệt ở các nước chậm phát triển.

- Ngoài ra trẻ còn hay mắc phải các tai nạn nguy hiểm đến tính mạng như sặc, hóc, ngạt nước, bỏng, ngộ độc, chảy máu, gãy chân tay, côn trùng (ong muỗi kiến) đốt. Ví dụ: Bỏng nước sôi, bỏng lửa, sặc hóc do ăn uống hoặc ngậm nuốt đồ chơi nhỏ vào miệng.

Do vậy việc chăm sóc giáo dục trẻ phải hết sức cẩn thận, chu đáo, trực tiếp, thường xuyên và phải được cơ sở y tế kiểm tra sức khỏe định kỳ để ngăn ngừa, phòng bệnh cho trẻ.

3. Trẻ dưới 3 tuổi tiếp thu vô thức mọi hiện tượng diễn ra xung quanh

Trong năm đầu ý thức chưa được hình thành, mọi tác động từ bên ngoài vào cơ thể (không mục đích, không kế hoạch) tiếp thu bằng cách nhập tâm cứ thế ngấm dần vào óc trẻ tạo nên thế giới tâm lý bên trong. Sang năm thứ 2, ý thức bắt đầu xuất hiện nhưng còn mờ nhạt. Sang năm thứ 3, ý thức bản ngã xuất hiện, ý thức về cái “tôi” nhưng hoạt động về nhận thức vẫn chưa mạnh. Mọi tác động từ bên ngoài vào trẻ vẫn chủ yếu bằng con đường vô thức. Vì vậy mà mọi hoạt động của người xung quanh (cả tốt lẫn xấu) đều tác động đến trẻ, ảnh hưởng đến trẻ và để lại những dấu ấn đầu tiên trong tâm hồn non nớt của trẻ. Ví dụ: Trẻ hay bắt chước cả hành vi và lời nói của người lớn, không phân biệt được tốt xấu.

Do đó người lớn phải luôn mẫu mực trong mọi cử chỉ lời nói, hành động để cho trẻ bắt chước và gọi lên ở trẻ những cảm xúc tích cực.

4. Cô giáo mầm non phải chăm sóc trẻ bằng tình yêu thương như mẹ chăm sóc con

Trẻ dưới 3 tuổi còn rất non nớt. Cuộc sống của trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn. Trẻ cần (hơn bao giờ hết) sự yêu thương ấp ủ, tạo cảm giác an toàn như sống trong gia đình dưới sự yêu thương vỗ về của mẹ. Do đó cô giáo là người mẹ thứ 2 của trẻ phải mang đầy đủ các tính chất của người mẹ như: dịu dàng, âu yếm, chu đáo, tử mỹ và phải nhạy cảm, sẵn sàng để phát hiện kịp thời những biến đổi dù là nhỏ về thể chất và tâm lý của trẻ. Đồng thời thoả mãn kịp thời các nhu cầu cần thiết của trẻ như: nhu cầu dinh dưỡng, vệ sinh...

Khi phải xa mẹ trẻ sợ hãi, mất cảm giác an toàn biểu hiện bằng tiếng khóc không ăn không ngủ. Nếu cô dịu dàng vỗ về âu yếm trẻ thì cảm giác đó nhanh chóng bị mất đi. Do đó trẻ thấy yên tâm ăn ngủ chơi bình thường như khi có mẹ điều đó giúp cho trẻ tăng trưởng và phát triển bình thường.

5. Cần kết hợp hài hòa cân đối giữa giáo dục với chăm sóc trẻ cẩn thận chu đáo thường xuyên

- Trẻ dưới 3 tuổi rất non nớt nên việc chăm sóc đòi hỏi phải tử mỹ, chu đáo, trực tiếp thường xuyên thì những việc đáng tiếc sẽ không xảy ra. Do đó mà trẻ

phát triển an toàn thuận lợi tránh được những tai nạn đáng tiếc xảy ra ở trẻ như: ngã, đập đầu xuống đất ảnh hưởng não. Sặc, hóc khi vật lạ chui vào họng trẻ...

Việc chăm sóc cẩn thận như ăn ngủ, chơi theo khoa học sẽ giúp trẻ phát triển bình thường tránh được bệnh hiểm nghèo thường gặp ở trẻ. Ví dụ suy dinh dưỡng, tiêu chảy.

- Mặt khác khi chăm sóc giáo dục trẻ, cô cần chú ý kết hợp chặt chẽ giữa việc dạy trẻ và chăm sóc sức khỏe của trẻ. Đó là 2 mặt của một vấn đề, nó có mối liên quan hữu cơ tăng trưởng và phát triển. Một đứa trẻ khỏe mạnh phát triển hài hoà cân đối đặc biệt về các giác quan của trẻ thì đứa trẻ đó có tâm lý phát triển bình thường và có nhu cầu về nhận thức thế giới xung quanh, tìm hiểu khám phá những gì gần gũi quanh trẻ. Như vậy, tác động của giáo dục chỉ mang lại hiệu quả tốt khi đứa trẻ ở trạng thái khỏe mạnh. Do đó cô nuôi dạy trẻ cần chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm tích hợp, có nghĩa là trong khi chăm sóc sức khỏe của trẻ thì tận dụng cơ hội để dạy dỗ trẻ những điều cần thiết. Ví dụ: trong bữa ăn dạy trẻ thói quen vệ sinh trong khi ăn, mở rộng hiểu biết về các món ăn như rau thịt... Ngược lại trong khi dạy dỗ trẻ cần chú ý đến chăm sóc sức khỏe của trẻ. Ví dụ khi dạy thể dục chú ý luân phiên giữa vận động và nghỉ ngơi. Dạy tri thức kết hợp với trò chơi.

6. Giáo dục trẻ cần chú ý đặc điểm cá nhân

Trẻ càng nhỏ thì càng cần sự quan tâm chăm sóc đến từng cháu một như trong gia đình. Ở lớp nhà trẻ khi chăm sóc giáo dục trẻ tuy được chia thành các nhóm nhỏ 8 - 10 cháu nhưng mỗi đứa trẻ có đặc điểm tâm sinh lý riêng biệt khiến cho việc tiếp nhận tác động giáo dục không giống nhau. Ví dụ trẻ mới đến nhà trẻ có cháu mạnh dạn, dễ quen ngay với nhóm lớp, nhưng có cháu phải hàng tháng sau mới quen lớp.

Chính vì vậy cô giáo mầm non phải gần gũi trực tiếp với trẻ, nắm vững đặc điểm tâm sinh lý mỗi trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục thích hợp với từng trẻ thì giáo dục mới mang lại hiệu quả cao.

7. Giáo dục trẻ cần kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường

Giáo dục trẻ là quá trình lâu dài phức tạp đòi hỏi phải kiên trì và liên tục. Đó là quá trình gồm các giai đoạn kế tiếp nhau. Do đó, giáo dục trẻ không phải

chỉ có ở trường lớp mà phải có sự thống nhất với gia đình để quá trình giáo dục được thực hiện đồng bộ liên tục mới mang lại hiệu quả cao.

Cô giáo phụ trách trẻ ở nhóm lớp phải có mối liên hệ với gia đình để nắm được đặc điểm tâm sinh lý trẻ, tình hình sức khoẻ của trẻ, tính nết của trẻ kể cả những chi tiết nhỏ nhất. Ví dụ trẻ ăn chậm, hay ngậm thức ăn lâu mới nuốt hoặc có trẻ ưa đồ ngọt thì nghe lời cô .v.v... để lựa chọn phương pháp, biện pháp giáo dục đối với từng trẻ. Ngược lại cô thường xuyên trao đổi với phụ huynh về những yêu cầu của nhóm lớp đối với trẻ như trong việc rèn các kỹ năng cho trẻ để có sự thống nhất giáo dục đồng bộ. Ví dụ kỹ năng tự phục vụ như: biết tự xúc cơm ăn, tự cầm cốc uống nước...

Cần có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục giữa gia đình với nhà trường là việc làm quan trọng cần thiết để công tác chăm sóc giáo dục đạt hiệu quả cao.

Chương 9

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ HÀI NHI (3 - 12 THÁNG)

Mục tiêu:

Giúp học sinh nắm được cách thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ hài nhi, tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục (tổ chức hoạt động giao tiếp, phát triển vận động, tổ chức chơi tập...)

Nội dung trọng tâm:

- Nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ 3 - 12 tháng
- Nội dung chăm sóc trẻ 3 - 12 tháng

I. NHIỆM VỤ CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 12 THÁNG

1. Đặc điểm phát triển và tăng trưởng của trẻ 0 - 12 tháng

Trong năm đầu tiên của cuộc đời, sự tăng trưởng và phát triển diễn ra với tốc độ cực kỳ nhanh so với những năm tiếp theo đó: Thời gian trẻ ngủ giảm dần theo lứa tuổi. Thời gian trẻ thức tăng dần lên theo lứa tuổi, đó là điều kiện để trẻ tiếp nhận mọi tác động của thế giới xung quanh trong đó có tác động của giáo dục.

- Về vận động: Trẻ mới sinh chưa biết vận động mà chỉ giẫy đạp chân tay. Trẻ 3 tháng tuổi đã biết lẫy, 7 tháng đã biết bò trườn, 9 tháng đã biết vịn đứng lên ngồi xuống, biết đi men và 11 - 12 tháng trẻ đã biết bước đi những bước đầu tiên.

- Về phát triển tinh thần (TL):

+ Mới sinh bàn tay trẻ chủ yếu là nắm chặt, 3 - 4 tháng trẻ đã biết cầm nắm đồ chơi, ngắm nhìn theo vật chuyển động, 7 - 8 tháng trẻ đã biết chơi với đồ

chơi khi có người lớn cùng chơi. Đến 1 tuổi trẻ đã biết điều khiển vận động giữa tay và mắt để với lấy đồ chơi mà trẻ thích.

+ Nhu cầu giao lưu trực tiếp với người lớn được tăng theo lứa tháng, 5 - 6 tháng trẻ đã biết phân biệt được người lạ người quen biểu hiện là khi nhìn thấy mẹ thì dõi theo mẹ. Việc giao lưu trực tiếp với người lớn là điều kiện quan trọng để phát triển ngôn ngữ cụ thể:

- 3 tháng trẻ biết phát ra các âm: a, ư, ơ, gừ gừ...
- 7 tháng trẻ tập phát âm bằng các âm vần: a ba, a cha...
- 11 - 12 tháng trẻ hiểu được nhiều từ gần gũi quen thuộc và nói được các từ đầu tiên như: mẹ, bà, gà (6 - 10 từ)

2. Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ dưới 12 tháng

Từ những đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ 0 - 12 tháng đề ra các nhiệm vụ chăm sóc giáo dục như sau:

- Bảo vệ tính mạng và phát triển thể lực cho trẻ, phòng chống các bệnh truyền nhiễm, các bệnh suy dinh dưỡng. Giáo dục cho trẻ một số thói quen tốt ban đầu trong sinh hoạt hàng ngày. Ví dụ: Thói quen vệ sinh, tự phục vụ

- Phát triển các vận động cơ bản trong năm đầu như: lẫy, bò, trườn, ngồi, đứng, đi và các vận động khéo léo của các ngón tay, luyện tập sự phối hợp các giác quan với vận động. Ví dụ bò lấy đồ chơi.

- Dạy trẻ nghe hiểu lời nói của người lớn và biết nói một số từ đơn giản, biết làm theo các yêu cầu đơn giản của người lớn.

3. Yêu cầu cần đạt đối với trẻ dưới 12 tháng

- Đối với trẻ 6 tháng - trong kênh A:

+ Cân nặng: Trai 5,9 - 7,8kg

Gái 5,5 - 7,2kg

+ Chiều cao: Trai 62,6 - 67,8cm

Gái 60,6 - 65,9cm

Trẻ phải khỏe mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ỏng, biết lẫy, xoay, trườn dễ dàng, biết biểu lộ xúc cảm vui mừng khi giao tiếp với người lớn gần gũi trẻ, biết phân biệt người lạ người quen, biết quay đầu về hướng có người lớn gọi.

- Đối với trẻ 12 tháng tuổi:

Cân nặng chiều cao nằm trong kênh A

+ Cân nặng: Trai 8,2 - 10, kg

Gái 7,6 - 9,5 kg

+ Chiều cao: Trai 71,0 - 76,1 cm

Gái 69,0 - 74,3 cm

Trẻ phải khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ỏng, quen với nề nếp sinh hoạt của nhà trẻ. Biết đi men, đứng không cần vịn, có nhu cầu giao tiếp với người lớn, nhận biết được người thân quen trong gia đình, biết làm theo một số yêu cầu của người lớn. Ví dụ biết chào, vỗ tay, nằm xuống... Nhận biết được một số đồ vật, đồ chơi quen thuộc. Biết chỉ vào đồ vật khi người lớn hỏi. Ví dụ: con gà đâu,...

+ Biết làm theo hành động cùng người lớn như đóng mở, chồng xếp, tháo lắp.

+ Biết phát ra một số âm bập bẹ và một số từ đơn giản gần gũi như: đi, bà, mẹ, gà...

+ Thích nghe hát và biết cử động theo nhịp của bài hát.

II. NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 12 THÁNG

1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày

1.1. Định nghĩa

- Chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ là lịch trình nhằm phân phối thời gian và sắp xếp các hoạt động trong ngày cũng như việc ăn uống, nghỉ ngơi vận động một cách hợp lý đảm bảo thuận lợi cho việc tăng trưởng và phát triển của trẻ, giữ gìn và bảo vệ sức khoẻ của trẻ.

- Tổ chức tốt chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ sẽ tạo cho trẻ những nhịp sinh học theo chu kỳ hợp lý là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mọi mặt cả về thể chất và tinh thần của trẻ.

1.2. Yêu cầu khi thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ

- Phải phù hợp với đặc điểm phát triển sinh lý, tâm lý của độ tuổi cụ thể.

- Thực hiện đúng trình tự các hoạt động theo bảng chế độ sinh hoạt hàng ngày để hình thành ở trẻ các nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt. Trình tự các hoạt động hàng ngày tuyệt đối không được xáo trộn.

- Chế độ sinh hoạt hàng ngày cần tổ chức cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, với từng mùa vừa thích hợp với đặc điểm lứa tuổi.

- Khi chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác cần chuyển từ từ, tránh thay đổi đột ngột.

- Trẻ càng nhỏ càng cần sự chăm sóc trực tiếp thường xuyên của người lớn.

- Phải xây dựng 2 chế độ sinh hoạt hàng ngày cho 2 lứa tuổi khác nhau, đó là: chế độ sinh hoạt cho trẻ dưới 6 tháng tuổi và chế độ sinh hoạt cho trẻ 6 - 12 tháng tuổi.

1.3. Chế độ sinh hoạt hàng ngày

1.3.1. Đón trẻ và trả trẻ về

** Đón trẻ:*

- Chuẩn bị đón trẻ:

- + Cô A đến sớm mở cửa thông thoáng, chuẩn bị đồ dùng như tã lót, quần áo để thay cho trẻ trong ngày (khi trẻ ỉa đùn, đại dầm), chuẩn bị nước uống, nước rửa sinh hoạt trong ngày. Mùa đông phải có nước ấm.

- + Trải chiếu hoặc cũi, đồ chơi chỗ chơi của trẻ. Cô giáo đầu tóc gọn gàng sẵn sàng tư thế đón trẻ.

- + Trong khi đón trẻ:

- + Cô đứng đúng chỗ quy định, thái độ nhẹ nhàng âu yếm đón trẻ từ tay mẹ. Cô gọi tên trẻ, nựng trẻ để trẻ cảm thấy được an toàn che chở và không khóc khi phải xa mẹ. Đồng thời làm cho mẹ của trẻ yên tâm khi trao con cho cô chăm sóc.

- + Cô đỡ dành đưa cho trẻ đồ chơi mà trẻ thích, giúp trẻ ổn định yên tâm khi phải xa người thân và chóng hoà nhập với không khí sinh hoạt của nhóm.

- + Trong khi đón trẻ cô quan sát vẻ bên ngoài của trẻ để phát hiện kịp thời các bệnh dễ lây của trẻ theo các biểu hiện bên ngoài như mệt mỏi, ho, chảy mũi, đau mắt đỏ, bông dạ, sỏi... cần trả lại cho gia đình để tiện việc chăm sóc.

- Đối với phụ huynh của cháu, cô niềm nở trao đổi về tình hình sức khỏe của trẻ, tính nết của trẻ, thói quen sinh hoạt ở nhà, đặc biệt đối với trẻ mới đến lớp. Đồng thời nhắc nhở phụ huynh đưa đủ đồ dùng như quần áo tã lót của trẻ đến nhóm.

- Sau giờ đón trẻ, cô kiểm lại sổ trẻ đến nhóm trong ngày để báo suất ăn cho trẻ.

** Trữ trẻ:*

- Buổi chiều trước khi trữ trẻ, cô cần vệ sinh cho trẻ sạch sẽ, sửa sang lại quần áo tã lót chỉnh tề. Trẻ ở trạng thái vui vẻ để chờ trữ trẻ. Tuyệt đối không giao trẻ cho người lạ và trẻ em dưới 10 tuổi.

+ Cô trao đổi kỹ với phụ huynh về tình hình trong ngày của trẻ như: ăn, ngủ, chơi, tiêu hoá... và giao đủ đồ dùng, quần áo (bản sạch) trong ngày của trẻ.

+ Đối với trẻ mới vào nhóm, cô trao đổi và đề nghị gia đình phối hợp luyện cho trẻ những nề nếp sinh hoạt theo chế độ sinh hoạt của nhóm để trẻ chóng quen với sinh hoạt nhóm.

- Trường hợp gia đình đến đón muộn, cần phân công một cô ở lại trông trẻ tránh làm thất lạc và xảy ra tai nạn cho trẻ

- Sau khi trữ hết trẻ cô làm vệ sinh phòng nhóm, kiểm tra điện nước trước khi về.

1.3.2. Tổ chức ăn uống cho trẻ

** Yêu cầu khi tổ chức ăn uống cho trẻ:*

- Trẻ dưới 3 tháng bú mẹ hoàn toàn theo nhu cầu của cơ thể. Khi trẻ mới sinh nên cho trẻ bú ngay sữa non có tác dụng giúp trẻ miễn dịch chống lại bệnh tật. Bú sữa mẹ giúp trẻ không bị mắc các chứng bệnh về đường ruột. Mặt khác khi trẻ bú mẹ giúp cho trẻ có cảm xúc thân thiết, yên ổn tin cậy. Theo quan điểm hiện nay thì cho trẻ bú mẹ ít nhất là 12 tháng nếu còn sữa mà người mẹ khoẻ mạnh có thể cho trẻ bú đến 18 - 24 tháng.

- Trẻ 3 tháng tuổi trở lên nên cho trẻ uống thêm nước quả tươi, trẻ 5 - 6 tháng ăn thêm quả chín nước nghiền.

- Từ tháng thứ 4 bắt đầu cho trẻ ăn bổ sung bằng bột loãng (lúc đầu 1 bữa sau tăng lên 2 bữa trong ngày và bột đặc dần theo lứa tháng)

- 6 - 12 tháng trẻ ăn 2 bữa bột đặc ở nhà trẻ và bú mẹ một lần hoặc ăn phụ.

- Bữa ăn của trẻ phải đảm bảo đủ về lượng và chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, béo, đường, muối khoáng, sinh tố...

** Nước uống:*

- Nhu cầu nước uống của trẻ hàng ngày là cần thiết đối với cơ thể trẻ. Cô giáo mầm non phải chú ý cho trẻ uống đủ nước hàng ngày, đặc biệt là mùa hè. Cho trẻ uống nước khi trẻ muốn hoặc sau giờ ngủ dậy, không nên cho trẻ uống quá nhiều hoặc để trẻ bị khát. Cho trẻ uống nước sạch ấm được đun sôi kỹ, cho uống nước lá mát nhiều hơn khi trời quá nóng, trẻ bị sốt hoặc bỏ bú.

** Phương pháp tổ chức cho trẻ ăn uống:*

- Trước khi cho trẻ ăn phải chuẩn bị đầy đủ bát thìa, khăn mặt, cốc nước uống cho từng trẻ. Chuẩn bị bàn ghế chỗ ngồi cho cô và cháu.

- Cho trẻ đi vệ sinh, rửa tay, lau mặt, đeo yếm ăn cho từng trẻ.

- Cô quần áo đầu tóc gọn gàng, rửa tay sạch, cô cho từng trẻ ăn (nếu là trẻ 3 - 6 tháng) hoặc cho 2 - 3 trẻ ăn bột (nếu là trẻ 7 - 12 tháng, đã biết ngồi vững). Trong khi ăn cô tạo không khí vui vẻ thoải mái, vừa cho trẻ ăn vừa nựng trẻ, động viên để trẻ ăn hết suất. Nếu trường hợp trẻ mệt, nôn, trớ thì không nên ép trẻ ăn. Nếu trường hợp trẻ kém ăn cô phải tìm hiểu nguyên nhân và báo cho mẹ của trẻ biết hoặc báo cho y tế của trường.

- Đối với trẻ chưa ngồi vững, cô bế trẻ vào lòng để xúc cho từng trẻ một. Cô chú ý không để trẻ bị sặc bột, thức ăn của trẻ phải vừa ấm tay, không nóng quá hoặc lạnh quá.

- Trong trường hợp đang ăn uống mà trẻ bị ho khóc, ngủ gật thì cô phải ngừng xúc ăn cho trẻ đợi đến khi trẻ trở lại bình thường mới cho ăn tiếp.

- Nếu trong trường hợp đang ăn trẻ ỉa đùn đái dầm thì phải ngừng cho trẻ ăn thay rửa sạch sẽ rồi cho trẻ ăn tiếp.

- Sau khi trẻ ăn xong tuyệt đối không để trẻ nằm hoặc lấy sắp tránh để trẻ nôn trớ.

- Cô chú ý dỗ dành nựng trẻ ăn đối với những trẻ mới ốm dậy, yếu, mới đi nhà trẻ.

1.3.3. Tổ chức cho trẻ ngủ

- Giấc ngủ là rất cần thiết giúp phục hồi sức làm việc của cơ thể, giấc ngủ là liều thuốc bổ cho não và hệ thần kinh. Đối với trẻ nhỏ giấc ngủ vô cùng cần thiết cho não và hệ thần kinh đang còn non nớt và chưa hoàn thiện của trẻ.

- Trẻ sơ sinh ngủ rất nhiều. Trẻ từ 2 - 5 tháng ngủ từ 16 - 18h/ngày, trẻ 6 - 12 tháng ngủ 14 - 16h/ngày.

** Chuẩn bị cho trẻ ngủ:*

- Nơi ngủ của trẻ phải yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, ánh sáng vừa đủ dịu mát. Mỗi trẻ phải có giường khung riêng, đồ dùng ngủ như chiếu, gối, màn, chăn phải khô sạch thơm tho. Mùa hè tuyệt đối không cho trẻ nằm trực tiếp xuống nền nhà. Tốc độ quạt vừa phải, không để quạt thốc vào mặt trẻ.

- Trẻ được ở trạng thái thoải mái, được đi vệ sinh trước khi ngủ. Tuyệt đối không được dọa nạt trẻ làm trẻ sợ hãi hoặc cho trẻ vận động quá mạnh hoặc khóc quá nhiều trước khi ngủ.

- Đối với trẻ khó ngủ hay quấy khóc, cô cho trẻ ngủ sau, cô dỗ dành, nựng trẻ, vỗ về, ru trẻ ngủ. Cô luyện cho trẻ một số thói quen nằm xuống là ngủ ngay, ngủ nhanh, ngủ sâu.

** Trong khi trẻ ngủ:*

- Phải có một cô thường xuyên có mặt để theo dõi giấc ngủ của trẻ. Cô nhẹ nhàng sửa lại tư thế nằm của trẻ để trẻ nằm thoải mái. Ví dụ: Trẻ nằm sấp, chúi mũi vào gối... hoặc xử lý các tình huống xảy ra như trẻ giật mình nằm mơ, khóc, đái dầm, ỉa đùn... Cô chú ý giữ yên tĩnh cho trẻ ngủ. Tuyệt đối không nói chuyện, cười đùa, gây tiếng động mạnh làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ.

** Khi hết giờ ngủ:*

- Cô đánh thức từ từ từng cháu, những cháu thức dậy trước cô nhẹ nhàng bế trẻ đi vệ sinh. Những cháu yếu mệt thì cho dậy sau cùng. Sau khi trẻ đã thức dậy cô cho trẻ đi vệ sinh và lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ rồi chuẩn bị cho trẻ ăn chiều.

1.3.4. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ

Tập cho trẻ những thói quen vệ sinh ngay từ nhỏ là rất cần thiết cho việc bảo vệ tăng cường sức khỏe. Đồng thời rèn những thói quen tốt cho cuộc sống sau này của trẻ, bao gồm các nội dung sau:

** Vệ sinh thân thể:*

Trẻ càng nhỏ cần được tắm gội rửa ráy hàng ngày, thường xuyên nhất là vào mùa hè để ngăn ngừa các bệnh ngoài da như: ngứa, lở, chốc, mụn, nhiễm trùng da sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của trẻ.

** Vệ sinh tai mũi họng cho trẻ*

Bệnh viêm họng, viêm phế quản, viêm tai thường gặp ở trẻ nhỏ và dễ gây hậu quả sau này ở trẻ như viêm thận, viêm khớp nếu ta không kịp thời có biện pháp điều trị và đề phòng cho trẻ. Để ngăn ngừa các bệnh đó xảy ra người lớn cần chú ý:

- Cần giữ ấm cổ, ngực, chân cho trẻ đặc biệt về mùa đông.
- Không nên dùng các vật cứng để ngoáy tai, mũi cho trẻ mà phải dùng tăm bông mềm để ngoáy nhẹ tai, mũi cho trẻ.
- Cần chú ý phát hiện kịp thời nếu thấy trẻ có biểu hiện không có phản ứng

với âm thanh. Cần cho trẻ đi khám bác sĩ để không ảnh hưởng đến phát triển ngôn ngữ sau này của trẻ.

** Vệ sinh răng miệng.*

“Cái răng cái tóc là góc con người”. Răng miệng lành lặn thơm tho là điều kiện cần thiết cho việc ăn ngon miệng và tiêu hoá tốt ở trẻ. Nếu miệng bị mắc các bệnh như: viêm lợi, viêm sâu răng sẽ làm trẻ đau đớn quấy khóc, không chịu ăn uống sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ. Muốn bảo vệ răng miệng trẻ, người lớn cần:

- + Cho trẻ ăn đủ chất, chú ý các thức ăn có nhiều sinh tố như canxi, vitamin C
- + Khi trẻ ăn (bú) xong cho trẻ uống nước tráng miệng
- + Hàng ngày (trước khi ngủ, sau khi ngủ dậy dùng khăn mềm nhúng nước muối ấm lau lợi, răng, vòm miệng cho trẻ).
- + Không cho ăn vật cứng lạnh, ngậm đồ ngọt khi đi ngủ.

** Vệ sinh đôi mắt:*

“Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn”. Vì vậy cần giữ gìn đôi mắt của trẻ lành lặn trong sáng bằng cách:

- Phải có khăn mặt riêng cho trẻ mềm sạch. Hàng ngày rửa mặt lau mắt trước cho trẻ, có thể nhúng khăn mềm sạch vào nước muối ấm để chườm mắt cho trẻ.
- Cho trẻ ăn thức ăn có nhiều vitamin A như các loại rau củ có màu đỏ... để đề phòng bệnh quáng gà, khô mắt ở trẻ.
- Không cho trẻ chơi hoặc xem tranh trong nơi ánh sáng tối (không đủ ánh sáng). Các hoá chất không để gần mắt trẻ.

** Vệ sinh quần áo*

Quần áo là lớp da thứ 2 bảo đảm thân thể không bị say sật và điều hoà nhiệt độ cho thân thể. Quần áo mặc của trẻ yêu cầu phải bằng chất liệu vải mềm, mỏng, thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, kiểu dáng đơn giản dễ cởi, dễ mặc, phù hợp với thời tiết. Tuyệt đối không cho trẻ mặc các đồ pha nylon hoặc sợi tổng hợp vừa không thấm mồ hôi vừa làm xước da trẻ.

- Mùa đông cho trẻ đi bít tất, giày vải mềm ấm vừa cỡ chân trẻ để vận động.
- Cần chú ý tập luyện cho trẻ biết đi tiểu tiện đại tiện đúng lúc. Ví dụ tập cho trẻ ngồi bô sau bữa ăn.

2. Tổ chức cho trẻ tập với đồ vật

2.1. Chuẩn bị

- Địa điểm:

Chỗ chơi của trẻ phải rộng rãi, sạch sẽ, không có chướng ngại vật, không gây tai nạn cho trẻ, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, phù hợp với nhu cầu của trẻ.

- Đồ chơi:

Vừa tay cầm của trẻ, đa dạng phong phú về hình khối, màu sắc sặc sỡ tươi sáng. Ví dụ bóng nhựa, khối gỗ, nhựa... Đồ chơi không gây nguy hiểm độc hại cho trẻ như không sắc nhọn, không quá nhỏ để trẻ dễ cho vào miệng bị hóc, đồ chơi dễ cầm nắm, lắc, gõ, đập, lăn, ném, bỏ vào lấy ra, chồng xếp...

- Cháu: Quần áo gọn gàng dễ hoạt động, tổ chức theo nhóm nhỏ 2 - 6 cháu

2.2. Phương pháp hướng dẫn chơi tập cho trẻ

- Giới thiệu trò chơi: Cô gây chú ý và hứng thú của trẻ tới trò chơi bằng cách lắc đồ chơi như xúc xắc, lắc chuông, lục lạc cho trẻ nghe và hướng chú ý của trẻ đến cô hoặc cô vừa hát vừa gọi tên trẻ, cầm tay trẻ.

- Cho trẻ chơi: Cô để đồ chơi vào tay trẻ cho trẻ cầm nắm đồ chơi (đối với trẻ bé) giúp trẻ biết chơi với đồ chơi như tự lắc xúc xắc, bóp chút chút, đập, gõ sau đó để trẻ chơi một mình. Đối với trẻ 9 - 12 tháng, cô cùng chơi với trẻ để dạy trẻ biết chơi các trò chơi như đóng mở, nhặt ra bỏ vào, lăn ném, tháo lắp, kéo đẩy.

- Không nên đưa nhiều đồ chơi cho trẻ một lúc khiến trẻ chóng chán, thỉnh thoảng nên thay đổi đồ chơi để gây hứng thú cho trẻ.

- Ngoài ra, cô cùng chơi với trẻ để dạy trẻ các trò chơi nhằm phát triển vận động các ngón tay như co duỗi các ngón tay. Ví dụ chỉ chỉ chành chành, ù à ù ập, gà mổ thóc, chim bay...

- Cô cần chuẩn bị đầy đủ đồ chơi sao cho mỗi cháu có một đồ chơi để trẻ tự chơi một mình.

- Trường hợp trẻ vứt đồ chơi rồi quấy khóc, cô dỗ dành, nựng trẻ, đưa đồ chơi khác mà trẻ thích cùng chơi, trò chuyện với trẻ để gây cảm xúc tích cực ở trẻ, làm trẻ luôn vui vẻ bận rộn với đồ chơi không quấy khóc.

- Việc hướng dẫn chơi tập chủ yếu với từng cá nhân trẻ hoặc với 2 - 3 trẻ ngồi cạnh nhau.

- Trong khi chơi với đồ vật cô gọi tên đồ vật để trẻ hiểu lời nói, bắt chước tiếng kêu của con vật. Ví dụ: Con gà đây này, gà gáy ò ó o, gà mổ thóc túc túc... để trẻ bắt chước làm theo. Cô khuyến khích trẻ tập phát âm khi hành động với

đồ vật để thúc đẩy phát triển ngôn ngữ.

- Cô không nên để trẻ chơi lâu một trò chơi sẽ làm cho trẻ nhàm chán mà phải thay đổi trò chơi, đồ chơi để trẻ thích chơi. Ví dụ đẩy lăn hoặc đập gỗ...

- Cô phải kiên trì, nhẹ nhàng, âu yếm khi hướng dẫn trẻ chơi, cô làm mẫu thao tác hành động với đồ vật cho trẻ xem chậm, vừa phải khéo léo để trẻ biết làm theo cô.

3. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ và phát triển ngôn ngữ

Ngay từ những tháng đầu sau khi sinh, khi trẻ thức trẻ đã biết hướng về phía có tiếng nói, biết lắng nghe âm điệu dịu dàng của giọng nói con người. Trẻ ngừng quấy khóc khi nghe tiếng người lớn nựng trẻ, sung sướng sẵn sàng hóng chuyện với người lớn đã khơi dậy ở trẻ năng lực mang tính người. Các nhà tâm lý học đã chứng minh rằng giao lưu xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi hài nhi, là điều kiện tiên quyết để trẻ phát triển thành người. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng được tiến hành dưới các hình thức sau:

3.1. Nựng trẻ, trò chuyện với trẻ

Đây là hình thức trò chuyện với trẻ, một bên là người lớn biết nói thành thạo còn một bên là trẻ chưa biết nói, chưa hiểu lời nói. Hình thức này rất cần thiết cho sự phát triển của trẻ đặc biệt là ngôn ngữ. Đặc điểm: trẻ 2 tháng đã biết chăm chú nhìn vào miệng nói, nét mặt khi người lớn nói chuyện biểu hiện sự thích thú như: nét mặt tươi, cử động chân tay... Đến tháng thứ 3 khi người lớn trò chuyện với trẻ, trẻ biểu hiện nét mặt tươi rói, khua chân múa tay và cổ họng phát ra các âm gừ gừ.

- Từ rất sớm trẻ đã biết phản ứng với ngữ điệu, cường độ giọng nói của người lớn. Cụ thể trẻ thích nghe lời nói có âm điệu dịu dàng như: nựng trẻ, ru trẻ. Trẻ sợ hãi những lời nói to, thô bạo, giận giữ quát mắng.

- Người lớn trò chuyện với trẻ kích thích trẻ học nói, giúp trẻ phân biệt và phát ra các âm thanh khác nhau của tiếng nói. Do vậy, việc trò chuyện với trẻ phải được thực hiện hàng ngày ở mọi lúc mọi nơi mọi chỗ. Ví dụ khi cho trẻ ăn cô nói tên thức ăn, khi tắm - tắm mát nào, khi tập, khi chơi...

- Khi trẻ được 6 tháng tuổi đã biết phát âm bập bẹ, khuyến khích trẻ bắt chước các âm như ma ma, cha cha.

- Cô chú ý dành thời gian để trò chuyện với trẻ, gợi ở trẻ cảm giác vui tươi hơn hờ bằng các trò chơi như ú oà, chỉ chỉ chành chành, chào, bắt chim, vẫy tay,

vỗ tay... 7 - 9 tháng trẻ bắt đầu hiểu lời nói thông qua ngữ điệu giọng nói, nét mặt, cử chỉ của người lớn. Do đó, cô cần tập cho trẻ biết phân biệt các ngữ điệu giọng nói khác nhau để trẻ hiểu được ý nghĩa của lời nói như khen, đồng tình hoặc không được làm thế, không đồng tình với trẻ. Ví dụ như được đấy, bé giỏi quá, không được làm thế...

- Cuối một tuổi khi trò chuyện với trẻ, người lớn làm trung gian trẻ với đồ vật và đặt câu hỏi “đâu”. Ví dụ: Con gà đâu, mẹ đâu rồi... nhằm kích thích trẻ tìm kiếm và chính là thông qua giao tiếp với người lớn như vậy dần dần trẻ thiết lập được mối quan hệ giữa tên gọi của đồ vật với bản thân đồ vật, hiểu được nội dung lời nói. Đây là hình thức khởi đầu cho việc hiểu ngôn ngữ của trẻ. Cách hướng dẫn: đầu tiên cô đưa đồ vật cho trẻ chơi cô nói tên đồ vật ví dụ con gà đây này, gà mổ thóc túc túc). Sau đó, cô đặt đồ vật vào một chỗ nhất định vừa tầm mắt trẻ và trẻ có thể với tay lấy được rồi cô hỏi đồ vật ấy ở đâu. (Ví dụ: Cô hỏi con gà đâu, nếu trẻ hiểu được lời nói trẻ đưa mắt tìm, chỉ vào đồ vật hoặc với tay cầm đồ vật đó). Cứ như vậy cô lặp đi lặp lại cùng chơi với trẻ để dạy trẻ hiểu được lời nói.

- Song song với việc dạy trẻ hiểu lời nói của người lớn, cô dạy trẻ biết nói một số từ đơn giản quen thuộc như bà bà, mẹ mẹ, ba ba, tô tô... Cô tận dụng các tình huống để kích thích trẻ tập phát âm, tập nói. Ví dụ: Khi mẹ đến đón trẻ cô bảo trẻ: mẹ đến kìa, con gọi mẹ đi mẹ mẹ.

3.2. Ru trẻ và hát cho trẻ nghe

- Hát ru là sự kết hợp giữa thi ca và âm nhạc nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của trẻ, gợi niềm vui sướng của trẻ, làm dịu cơn bồn chồn của trẻ, làm giảm cơn đau, giảm tiếng khóc của trẻ.

- Hát ru tác động tích cực đến tai nghe ngôn ngữ của trẻ, làm khơi dậy chức năng ngôn ngữ trên vỏ não giúp trẻ nhận ra các sắc thái khác nhau của âm thanh, của vận điệu giúp trẻ biết sử dụng tiếng mẹ đẻ sau này.

- Yêu cầu khi hát ru cho trẻ

+ Cô (mẹ) phải thuộc nhiều khúc hát ru êm ái nhẹ nhàng của các miền đất nước.

+ Phù hợp với trạng thái sức khỏe của trẻ.

+ Hát ru kết hợp với rung lắc đong đưa.

+ Cô không nhất thiết phải có giọng hát ru thật hay mà nhất thiết phải có giọng hát ru giàu sắc thái xúc cảm, có tác dụng truyền cảm xúc đến trẻ. Ngoài

ra, có thể hát cho trẻ nghe khi trẻ vui chơi. Cô chọn các bài hát đơn giản có giai điệu tươi tắn, tiết tấu nhộn nhịp tạo cho trẻ trạng thái phấn chấn. Ví dụ dân ca của các dân tộc như dân ca Tây Nguyên, dân ca Tày (inh là ơi)...

4. Tổ chức vận động cho trẻ

- Nhu cầu vận động của trẻ trong năm đầu là rất lớn do đó cô cần tổ chức các buổi luyện tập cho trẻ, tạo điều kiện để trẻ được vận động.

- Các vận động của trẻ diễn ra từ thấp đến cao không hoàn toàn tự phát mà phần lớn phụ thuộc vào sự hướng dẫn của người lớn. Nếu người lớn thường xuyên cho trẻ luyện tập thì trẻ nhanh chóng nắm được các vận động cơ bản và thuận lợi cho việc di chuyển trong không gian của trẻ.

Các vận động cơ bản đó là: lẫy trườn, bò, ngồi, vịn đứng lên, đi men, đi... Đứa trẻ phát triển bình thường thì 3 tháng biết lẫy, 7 tháng biết bò ngồi, 9 tháng biết đi men, 12 tháng chập chững biết đi, 15 - 18 tháng thì đi vững.

Phương pháp hướng dẫn

** Tập thể dục thụ động*

- Cô trực tiếp tập cho trẻ nhằm phát triển các cơ và khớp xương được cứng cáp linh hoạt, tạo thuận lợi cho phát triển vận động cơ bắp bao gồm các bài tập như: co duỗi đều 2 tay, co duỗi đều 2 chân, chân co chân duỗi, bắt chéo tay trước ngực, mát xa bụng lưng, nắm bóp chân, tay trẻ.

Cách làm: Dùng một chiếc bàn được trải khăn bông hoặc vỏ chăn, cô đặt trẻ nằm 2 chân để về phía bụng cô, cô âu yếm nựng trẻ, trò chuyện với trẻ để gây cảm xúc tích cực. Sau đó, cô nhẹ nhàng cầm ngửa tay vào cổ tay (hoặc chân) trẻ vừa tập vừa đếm động tác chậm khoan thai làm trẻ thích thú. Tương tự như vậy với các bài tập khác. Thời gian 2 - 3 phút, chú ý chỉ tập khi trẻ ở trạng thái vui vẻ, cô quan sát thái độ của trẻ (vui, sợ hãi, đau) nếu trẻ khóc cô dừng tập lại ngay nói chuyện âu yếm trẻ, khi trẻ vui vẻ lại tiếp tục tập. Thời gian tập sau bữa ăn 40 phút hoặc sau khi đón trẻ.

** Tập các vận động cơ bản*

- Tập dần từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Mỗi vận động cơ bản gồm nhiều bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Ví dụ dùng đồ chơi kích thích cho trẻ tập bò bình thường, khi trẻ bò thì nâng cao yêu cầu như bò chui dưới gậy, bò qua chướng ngại vật.

- Cần luyện tập cho trẻ từ từ, dần dần, nhẹ nhàng vì cơ xương, khớp của trẻ

rất non yếu.

- Tuyệt đối không được làm đau trẻ, không để trẻ bị gò bó làm cho trẻ sợ hãi.
- Thái độ của cô khi tập phải âu yếm, dịu dàng vỗ về để tạo cảm giác an toàn ở trẻ.
- Cô chú ý khi phát triển vận động cho trẻ phải kết hợp với lời nói để phát triển nghe hiểu lời nói của trẻ. Ví dụ: Con bò lại đây nào, cô cho đồ chơi đẹp đây này...
- Không nên tập cho cháu mới ốm dậy, mới tiêm chủng hoặc mới vào nhóm.
- Nên có khoảng không gian rộng sạch không có chướng ngại vật để sau khi tập trẻ vận động tự do thoải mái.
- Không nên bắt trẻ tập sang hoạt động tiếp theo quá sớm sẽ ảnh hưởng xấu đến xương của trẻ. Ví dụ bắt trẻ ngồi quá sớm thì khung xương biến dạng
- Khi tập đi cho trẻ nên để bàn chân trần của trẻ tiếp xúc với sàn nhà thì cơ bắp gót chân và gan bàn chân mới phát triển mạnh lên giúp cho việc đứng đi của trẻ vững vàng.

Bài tập thực hành

- Tổ chức cho trẻ chơi tập với đồ vật lứa tuổi 6 - 12 tháng.
- Tổ chức luyện tập vận động cơ bản cho trẻ 6 - 12 tháng.
- Tổ chức dạy trẻ nhận biết tập nói lứa tuổi 9 - 12 tháng.

Chương 10

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 12 - 24 THÁNG

Mục tiêu:

- Giúp học sinh nắm được nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ 12 - 24 tháng
- Biết tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ
- Biết tổ chức hoạt động với đồ vật, hoạt động giao tiếp và phát triển ngôn ngữ, tổ chức vận động cho trẻ 12 - 24 tháng.

Nội dung trọng tâm:

- Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ 12 - 24 tháng
- Nội dung chăm sóc giáo dục trẻ.

I. NHIỆM VỤ CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ TRONG NĂM THỨ HAI (12 - 24 THÁNG)

1. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ hai

- Sang năm thứ hai tốc độ tăng trưởng và phát triển của trẻ vẫn nhanh nhưng so với năm thứ nhất thì chậm hơn. Ví dụ trẻ 24 tháng nặng 12 - 12,5 kg, cao 80 - 82 cm
- Thời gian ngủ giảm, thời gian thức tăng lên, các phản xạ có điều kiện được hình thành tương đối nhanh chóng nhưng không bền vững.
- Các vận động cơ bản của trẻ ngày càng hoàn thiện hơn biểu hiện trẻ đi khá vững và nhanh, khả năng định hướng trong không gian của trẻ được mở rộng, do đó tác động đến việc tìm hiểu, khám phá thế giới đồ vật xung quanh trẻ. Nhu cầu được hoạt động với đồ vật là nhu cầu cơ bản để phát triển của trẻ trong năm thứ hai.

- Trong năm thứ hai của trẻ: Đây là thời kỳ “phát cảm về ngôn ngữ” là điều kiện vô cùng thuận lợi để trẻ học nói dễ dàng để nắm và sử dụng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ.

2. Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ trong năm thứ hai (12 - 24 tháng)

- Bảo vệ tính mạng của trẻ, phát triển củng cố các vận động cơ bản của trẻ, phát triển vận động khéo léo của đôi bàn tay và các ngón tay.

- Làm quen trẻ với môi trường gần gũi xung quanh trẻ như tên gọi thuộc tính, chức năng của đồ vật đồ chơi. Tích cực cho trẻ tham gia hoạt động với đồ vật dưới sự hướng dẫn của người lớn.

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ chú ý làm tăng vốn từ của trẻ và phát triển ngôn ngữ tích cực ở trẻ.

3. Yêu cầu cần đạt

3.1. Trẻ 12 - 18 tháng

- Khỏe mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ỏng, ăn ngủ điều độ, biết đi vững, biết tên gọi một số bộ phận trên cơ thể trẻ. Ví dụ tay, chân, mắt...

- Biết thực hiện một số yêu cầu cơ bản của người lớn như (đưa cho xem, lấy cho cô cái này...), biết trả lời bằng cách chỉ tay vào đối tượng được hỏi, biết nói một số từ đơn giản, biết vận động theo nhạc ở mức độ đơn giản.

3.2. Trẻ 18 - 24 tháng

- Biết đi vững, bắt đầu biết chạy, tự xúc ăn, biết vệ sinh theo hướng dẫn của người lớn, biết giao tiếp với người xung quanh bằng câu 2 - 3 từ, biết tên gọi một số đồ vật, đồ chơi, hoa quả, con vật gần gũi quen thuộc, biết trả lời câu hỏi đây là cái gì, con gì, ai đấy, đang làm gì đấy... biết sử dụng một số đồ dùng quen thuộc như cầm cốc uống nước, cầm thìa xúc cơm, biết thực hiện một số yêu cầu cơ bản của người lớn. Biết xem truyện tranh, nghe kể chuyện, biết phân biệt 2 màu xanh đỏ, kích thước to nhỏ. Có một số kỹ năng đơn giản hoạt động với đồ vật: tháo lắp, đóng mở, lồng xếp, xâu xỏ... biết vận động đơn giản theo nhịp của bài hát như vỗ tay, nhún nhảy.

II. NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC

1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày

1.1. Đón trả trẻ

1.1.1. Đón trẻ

Về cơ bản vẫn thực hiện như đối với trẻ hài nhi song cần chú ý mấy điểm sau:

- Ở lứa tuổi này trẻ mới biết đi, biết chạy nên rất ham đi, chạy hay đi ra cửa hoặc sang các nhóm khác nên cô phải chú ý theo dõi để phòng tai nạn và thất lạc trẻ, cửa phòng nhóm phải có rào chắn.

- Đối với trẻ 18 - 24 tháng: Dạy trẻ chào cô, chào mẹ, chào các bạn kèm theo cử chỉ thân ái khi đến lớp và khi ra về.

- Cô quan sát vẻ bề ngoài của trẻ như: quần áo đầu tóc, mặt mũi xem trẻ đã được rửa rấy sạch sẽ ăn mặc gọn gàng chưa khi đến lớp để nhắc nhở cha mẹ trẻ.

- Cô quan sát thái độ của trẻ, khi đến lớp để phát hiện kịp thời tình trạng sức khoẻ của trẻ như: nếu thấy trẻ mệt mỏi, ho sốt, bông rạ, các hiện tượng bệnh lý khác cô trao đổi với phụ huynh và không đón trẻ vào nhóm.

- Khi đón trẻ cô tươi cười gọi tên trẻ, khen trẻ điều này rất quan trọng vì thế trẻ sẽ vui vẻ và thêm gắn bó với cô, với nhóm lớp.

1.1.2. Trả trẻ

Khi đến giờ trả trẻ cô chú ý đến vẻ ngoài của trẻ như đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng, cho trẻ chơi các trò chơi nhẹ nhàng chờ bố mẹ đến đón về.

- Cô không giao trẻ cho người lạ, cho trẻ con dưới 10 tuổi. Cô trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ trong ngày.

1.2. Tổ chức ăn uống cho trẻ

1.2.1. Yêu cầu khi tổ chức cho trẻ ăn uống

- Đảm bảo đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày của trẻ.

- Chế biến thức ăn phù hợp với khẩu vị và tiêu hoá của từng độ tuổi để đảm bảo trẻ ăn ngon miệng, ăn hết suất (trẻ 12 - 18 tháng ăn cháo nhừ, 19 - 24 tháng ăn cơm nát).

- Bảo đảm vệ sinh khi ăn uống từ khâu chế biến thực phẩm đến khi cho trẻ ăn.

- Thường xuyên cho trẻ uống nước hàng ngày đặc biệt là mùa hè, uống các loại nước hoa quả tươi, các loại nước lá mát như sài đất, kim ngân, sâm đại hành.

- Khi chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm nát) chú ý không thay đổi đột ngột mà tập cho trẻ quen dần với món ăn mới.

- Đối với trẻ 12 - 18 tháng ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ cách nhau 4,5 - 5h, ăn cháo như đặc sền. Trẻ 19 - 24 tháng ăn cơm nát 2 bữa chính/ngày

1.2.2. Chuẩn bị cho trẻ ăn

- Cho trẻ vệ sinh như rửa mặt, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn.
- Chuẩn bị mỗi trẻ một bộ đồ ăn gồm: bát, thìa, cốc, khăn mặt ẩm. Mỗi bàn ăn để một đĩa hay bát để thức ăn thừa. Bàn ghế ngồi ăn vừa tầm vóc trẻ. Đối với cháu ăn chậm, ăn yếu cô để ngồi riêng để tiện chăm sóc đặc biệt.

1.2.3. Trong khi ăn

- Thái độ của cô vui vẻ, nhẹ nhàng, ăn cần, dịu dàng động viên trẻ ăn hết xuất. Đối với trẻ ăn cháo cô xúc cho trẻ ăn, 3 - 4 cháu cùng ăn ngồi xung quanh bàn. Cuối tuổi nhóm cháo cô tập dần cho trẻ tự xúc ăn. Trẻ ăn cơm nát cô chú ý để trẻ cầm thìa bằng tay phải tự xúc cơm ăn, ít rơi vãi.

- Cô chú ý đề phòng và kịp thời xử lý các tình huống xảy ra trong khi ăn như: trẻ bị ho, sặc, đánh đổ bát cơm...

- Trường hợp trẻ bị mệt không muốn ăn cô đồ dành trẻ ăn nếu trẻ bị nôn trớ thì không nên ép trẻ ăn. Nếu bữa nào thấy nhiều trẻ bỏ thừa xuất ăn cô kiểm tra thức ăn và góp ý với nhà bếp về khâu chế biến thức ăn.

- Trong khi ăn cô giới thiệu cho trẻ tên gọi các món ăn màu sắc mùi vị ích lợi của các món ăn để mở rộng tầm hiểu biết của trẻ.

- Sau khi ăn cho trẻ uống nước, lau mồm rồi cho đi vệ sinh

1.2.4. Tổ chức cho trẻ ngủ

- Đối với trẻ 12 - 18 tháng ngủ 2 giấc/ngày ở nhà trẻ, 1 giấc vào buổi sáng sau khi đón trẻ thời gian từ 1 - 1h30; giấc 2 vào buổi trưa từ 2 - 2h30

- Đối với trẻ 18 - 24 tháng thì ngủ liền 1 giấc vào buổi trưa kéo dài từ 2 - 3h

- Chuẩn bị cho trẻ ngủ:

+ Cho trẻ đi vệ sinh trước khi đi ngủ.

+ Mùa đông cởi bớt mũ, khăn, quần áo ngoài cộm cho trẻ nằm thoải mái.

+ Chỗ ngủ của trẻ phải sạch thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, yên tĩnh, ánh sáng dịu.

+ Đồ dùng ngủ phải sạch khô thơm tho như: chiếu, chăn gối của trẻ.

+ Tuyệt đối không được để trẻ nằm trực tiếp xuống sàn nhà (kể cả mùa hè). Mùa hè cần có quạt mát tốc độ vừa phải.

+ Đối với cháu hay quấy khóc, khó ngủ cô cho cháu ngủ riêng 1 góc, cô vỗ về hát ru trẻ ngủ.

- Trong khi ngủ:

+ Cô cần có mặt trong phòng ngủ trong suốt thời gian để xử lý các tình huống xảy ra như trẻ ngủ mê, giãy đạp, khóc, đái dầm, nằm sấp, đứng dậy đi... đòi đi vệ sinh...

- Cho trẻ thức dậy:

+ Khi hết giờ ngủ cô đánh thức nhẹ nhàng từng trẻ dậy, cho trẻ đi vệ sinh và rửa mặt cho trẻ tỉnh táo, chuẩn bị cho trẻ ăn bữa chiều.

+ Đối với trẻ khó ngủ hoặc ngủ chưa đầy giấc còn ngái ngủ hoặc hay quấy khóc cô gọi dậy sau cùng dỗ dành nhẹ nhàng với trẻ.

2. Tổ chức cho trẻ vận động cơ bản

- Cần tập cho trẻ các vận động cơ bản: đi, đứng lên, ngồi xuống, bước qua vật cản (19 - 24 tháng)

Yêu cầu khi tổ chức cho trẻ vận động

- Phải chuẩn bị chỗ tập rộng rãi bằng phẳng không gây nguy hiểm tổn thương đến trẻ.

- Có đầy đủ dụng cụ tập phù hợp với tầm vóc và cỡ tay trẻ.

- Quần áo, đầu tóc của trẻ phải gọn gàng để vận động.

- Thời gian mỗi lần tập phù hợp với lứa tuổi (8 - 12 phút). Chú ý không cho trẻ tập quá lâu làm trẻ mệt.

- Trong khi tập cô giới thiệu tên bài tập gây hứng thú cho trẻ, cô làm mẫu động tác rõ ràng kèm theo lời giải thích ngắn gọn dễ hiểu để trẻ dễ bắt chước động tác của cô.

- Cô tạo không khí vui tươi động viên trẻ, để trẻ hào hứng luyện tập

- Cần chú ý tư thế đúng cho trẻ khi tập, uốn nắn những tư thế không đúng như (ngồi cong lưng, đi lệch vai...). Cần tập theo nhóm 2 - 4 trẻ, chú ý luân phiên giữa vận động với nghỉ ngơi.

- Cần chuyển các động tác vận động cơ bản thành trò chơi vận động để trẻ thêm hào hứng. Ví dụ giấu tay, xòe tay...

3. Tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật

3.1. Ý nghĩa

- Hoạt động với đồ vật ở tuổi ấu nhi là hoạt động chủ đạo vì thông qua nó mà phát triển cả về thể chất tinh thần của trẻ. Thật vậy, đồ vật trở thành đối tượng cuốn hút trẻ, kích thích trí tò mò của trẻ, thúc đẩy trẻ hành động để khám

phá tìm hiểu thuộc tính, chức năng công dụng của từng đồ vật. Ví dụ: Thìa dùng để xúc thức ăn, cốc để uống nước, quả bóng lăn để đá...

Tuy nhiên, ở lứa tuổi này khi trẻ hoạt động với đồ vật cũng không tránh khỏi hỗn loạn lung tung, vu vơ như đập phá ném... Ví dụ trẻ ném cốc, bát xuống nền nhà nhưng ngay sau đó trẻ nhận thấy thái độ của người lớn không đồng tình, trẻ trở nên bối rối sợ hãi vì đã phạm đến quy tắc đối xử với đồ vật mà mọi người phải tuân theo. Khi đứa trẻ được người lớn tổ chức hành động có mục đích qua đó giúp trẻ lĩnh hội cách sử dụng đồ vật theo đúng chức năng của nó, cũng chính là việc trẻ đã nắm được nguyên tắc sử dụng công cụ như vậy trẻ đã bước vào thế giới vận dụng của con người.

Khi hoạt động với đồ vật trẻ thực hiện nhiều loại hành động trong đó hai loại hành động mang ý nghĩa phát triển nhiều hơn cả đó là: hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan.

3.2. Tổ chức hành động công cụ

+ Định nghĩa: Hành động công cụ là hành động sử dụng công cụ do con người sáng tạo ra. Là hành động trong đó người ta dùng một đồ vật nào đó làm phương tiện (giữ vị trí trung gian) để tác động lên một đối tượng nhằm tạo ra một kết quả. Ví dụ dao, kéo dùng để chặt, cắt; bút tác động lên giấy để thành chữ (kết quả).

Hành động công cụ thường sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày là phương tiện hoạt động của con người. Đối với trẻ em, người lớn hướng dẫn cho trẻ biết sử dụng các vật dụng đơn giản phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Ví dụ: Trẻ biết cầm thìa xúc cơm, biết cầm bút chì để vẽ...

- Việc biết sử dụng công cụ của trẻ trải qua 3 giai đoạn sau:

+ Giai đoạn I

Lúc đầu công cụ chỉ như sự nối dài bàn tay của trẻ, trẻ chưa chú ý đến mối quan hệ của tay cầm công cụ mà chỉ chú ý đến đối tượng. Do đó, hành động chưa thành công. Giai đoạn này chưa gọi là hành động công cụ. Ví dụ trẻ cầm thìa xúc cơm chỉ chăm chú nhìn vào bát cơm mà chưa chú ý đến tay cầm thìa sao cho đúng để xúc được cơm.

+ Giai đoạn II

Ở giai đoạn này trẻ đã chú ý đến mối quan hệ giữa công cụ và đối tượng (giữa lưỡi thìa và cơm) trẻ cố điều chỉnh tay cầm thìa để xúc được cơm. Đây là hành động quan trọng nhất cần được người lớn hướng dẫn tỷ mỉ làm mẫu động

tác chính xác rõ ràng cho trẻ xem để trẻ nhận ra mối quan hệ của công cụ và đối tượng. Có như vậy mới rút ngắn thời gian mò mẫm của trẻ và hành động mau chóng thành công.

+ Giai đoạn III

Cuối cùng bàn tay của trẻ đã thích nghi hoàn toàn với cấu tạo của công cụ lúc này xuất hiện hành động công cụ đích thực. Hành động này cần được củng cố trong thời gian dài mới trở nên thành thạo. Vì vậy, người lớn (cô giáo mầm non) cần tạo điều kiện để trẻ thường xuyên được hành động với đồ vật trong nhiều tình huống khác nhau.

3.3. Tổ chức hành động thiết lập các mối tương quan

- Định nghĩa:

Hành động thiết lập các mối tương quan là hành động mà trong đó người ta đặt hai hay nhiều đối tượng (hoặc các bộ phận của đối tượng) vào các mối tương quan nhất định trong không gian để tạo thành một chỉnh thể nào đó. Ví dụ: xếp cây tháp... bằng cách chồng các hộp lên nhau từ to đến bé dần. Hành động này trẻ thường dùng để chồng xếp, xâu xỏ, lắp ráp, ghép các đồ vật với nhau hoặc các bộ phận của đồ vật để tạo thành một chỉnh thể.

- Quá trình hình thành hành động thiết lập các mối tương quan được trải qua 3 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1

Lúc đầu trẻ hành động còn lung tung vu vơ với những đồ vật như vơ hộp, miếng gỗ... rồi tình cờ nhận ra mình vừa xếp được một cái gì đó. Trẻ tiếp tục sửa lại cho giống hơn. Ở giai đoạn này trẻ thực hiện theo phương thức thử và lỗi rồi tìm ra kết quả một cách ngẫu nhiên.

+ Giai đoạn 2

Trẻ hành động theo ý định nảy sinh trong đầu do nhìn thấy một đồ vật nào đó mà trẻ thích hoặc do gợi ý của người lớn. Ví dụ: trẻ xếp ngôi nhà từ những miếng gỗ vuông và tam giác.

Lúc này trẻ cố sắp xếp các đồ vật sao cho giống với ý định lúc đầu của trẻ.

Ở giai đoạn này vai trò hướng dẫn của người lớn là rất quan trọng để trẻ nhanh chóng thực hiện hành động được thành công.

+ Giai đoạn 3

Trẻ tự lập đi lặp lại hành động thiết lập các mối tương quan ở giai đoạn 2 đến khi chán mới thôi, có khi trẻ bỏ dở hành động đó để bắt tay vào hành động mới.

Hành động thiết lập các mối tương quan có ý nghĩa quan trọng đến việc phát triển trí tuệ của trẻ như phát triển óc quan sát, thao tác so sánh lựa chọn kích thước, màu sắc... hình dáng để chồng xếp, lắp ráp sao cho đúng với sự phát triển trí tưởng tượng của trẻ.

3.4. Các yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật

- Cô chuẩn bị đầy đủ đồ chơi đồ dùng vật liệu để trẻ thuận tiện hoạt động với đồ vật, đặc biệt để có thể thực hiện được hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan.

- Đồ vật đồ chơi mang đến cho trẻ sử dụng phải là những thứ đẹp dễ trẻ có thể thao tác được dễ dàng, có tác dụng kích thích trẻ hoạt động như: tháo ra, lắp vào, đóng mở, đẩy đi đẩy lại, chuyển động được, chồng xếp, xâu xỏ để kích thích trẻ hoạt động tích cực chứ không phải loại đồ chơi chỉ để nhìn, ngắm mà không hành động được.

- Khi hướng dẫn trẻ cô chỉ dẫn hoặc làm mẫu thao tác cho trẻ xem. Mẫu cung cấp cho trẻ hoạt động với đồ vật cần phải rõ ràng, cụ thể kết hợp với lời nói dễ hiểu để trẻ dễ dàng bắt chước làm theo. Ví dụ dạy trẻ xâu hạt thành vòng... Cô hướng dẫn cụ thể tay nào cầm dây tay nào cầm hạt để xâu được thành vòng, thỉnh thoảng nên thay đổi mẫu để tạo sự thích thú cho trẻ, giúp tư duy của trẻ không bị xơ cứng và không bị nhàm chán. Ví dụ mẫu xâu hạt thành vòng sau đó xâu dây hoa quả, xâu rổ rá...

- Khi dạy trẻ hoạt động với đồ vật, cô chú ý hướng dẫn trẻ quan sát đồ vật, biết phân biệt độ lớn hình dạng, kích thước, màu sắc giữa chúng để sắp xếp lắp ráp chúng vào các mối tương quan trong không gian hoặc sử dụng chúng theo đúng chức năng.

- Cô chú ý tạo ra các tình huống để trẻ tìm cách giải quyết. Ví dụ quả cầu rơi trên bàn, quả bóng lăn vào gầm giường... làm thế nào để lấy ra được.

- Cô giúp trẻ biết sử dụng một hành động vào nhiều tình huống khác nhau. Đó là điều kiện để giúp tư duy của trẻ phát triển linh hoạt. Ví dụ hành động gõ: trẻ gõ trống, gõ chuông, gõ mâm, gõ chậu... để phát ra âm thanh làm trẻ thích thú.

- Cô khuyến khích trẻ hoạt động tích cực tự mình tìm kiếm, khám phá, thử nghiệm trước các đồ vật đồ chơi. Cô không nên làm thay trẻ hoặc áp đặt trẻ phải làm theo cách của cô. Nếu thấy trẻ còn vụng về lúng túng trong thao

tác với đồ vật, đồ chơi cô phải kiên trì hướng dẫn trẻ hoặc làm mẫu lại cho trẻ xem giúp trẻ làm đúng thao tác. Ví dụ thao tác cầm thìa xúc cơm của trẻ...

- Khi tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật, cô giúp trẻ biết sử dụng đúng chức năng của đồ vật mà xã hội đã quy định vì đó là quy tắc sống của con người. Ví dụ quả bóng là đồ chơi dùng để lăn, để ném, để đá; cái cốc dùng để uống nước phải cầm cẩn thận, uống xong không được ném được lăn.

4. Tổ chức hoạt động giao tiếp và phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Trong năm thứ hai tốc độ phát triển ngôn ngữ của trẻ diễn ra rất nhanh chóng, đây là thời kỳ phát cảm về ngôn ngữ, sự phát triển ngôn ngữ của trẻ diễn ra theo hai con đường: nghe hiểu lời nói của người khác và nói cho người khác hiểu ý mình.

4.1. Dạy trẻ nghe hiểu lời nói của người khác

- Cô dạy trẻ biết tên gọi của một số đồ chơi đồ vật quen thuộc gần gũi xung quanh trẻ. Ví dụ cốc, bát, thìa, bóng, ô tô, búp bê...

- Dạy trẻ biết tên gọi của mình, tên của cô giáo, dạy trẻ tên một số bạn trong nhóm lớp đồng thời dạy trẻ hiểu được một số hành động của cô và của các cháu trong sinh hoạt hàng ngày. Ví dụ xúc ăn nào, rửa tay nào...

- Dạy trẻ biết thực hiện một số yêu cầu theo lời nói của cô trong sinh hoạt hàng ngày.

- Dạy trẻ biết tên gọi một số bộ phận của cơ thể như: tay, chân, mắt, mũi, tai, mồm... Muốn dạy trẻ nghe hiểu lời nói của người khác, cô cần dùng nhiều phương pháp khác nhau như đọc thơ, kể chuyện (đơn giản) cho trẻ xem tranh ảnh kèm theo lời nói minh họa của cô cho trẻ nhận biết tên gọi của đồ vật thật, gần gũi quen thuộc.

4.2. Dạy trẻ tập nói cho người khác nghe

- Dạy trẻ tập nói bằng cách phát âm bắt chước người lớn nói. Ví dụ ô tô chạy nào, gà mổ thóc tíc tíc. Hoặc dạy trẻ bắt chước tiếng kêu của các con vật, đồ vật quen thuộc. Ví dụ gà gáy ò ó o, chó sủa gâu gâu, ô tô kêu bim bim...

- Dạy trẻ nhận biết tập nói tên gọi của một số đồ vật, con vật quen thuộc, một số hành động đơn giản. Ví dụ: đây là quả bóng...

- Dạy trẻ biết bộc lộ mong muốn của mình bằng lời nói. Ví dụ: Cho con uống nước...

4.3. Các yêu cầu khi dạy trẻ nghe hiểu lời nói của người khác và phát triển lời nói tích cực

Nghe hiểu lời nói của người khác và nói cho người khác nghe là hai mặt của một quá trình không thể tách rời nhau, mặt này hỗ trợ cho mặt kia phát triển và ngược lại. Do vậy, người lớn cần chú ý:

- Kỹ năng giao tiếp với trẻ: Người lớn phải thường xuyên tiếp xúc với trẻ, hỏi han trò chuyện với trẻ, khi đó trẻ được nghe người lớn nói, học cách phát âm, bắt chước lời nói của người lớn. Trẻ được tiếp xúc với người lớn là điều kiện tiên quyết để phát triển ngôn ngữ dưới nhiều hình thức khác nhau như: đặt các câu hỏi đơn giản để trẻ tập trả lời. Ví dụ: Con gà đâu? Gà gáy như thế nào?... Cho trẻ xem vật thật, tranh ảnh kèm theo câu hỏi đơn giản để kích thích trẻ trả lời. Ví dụ: Đây là cái gì? Đây là con gì?

- Người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện hát cho trẻ nghe. Dạy trẻ hát cũng là hình thức giao tiếp với trẻ để phát triển ngôn ngữ.

- Tạo điều kiện cho trẻ hoạt động với đồ vật, đồ chơi để làm tăng vốn từ của trẻ đồng thời làm chính xác hoá tên gọi và chức năng đồ vật.

- Tạo cơ hội để trẻ biết diễn đạt mong muốn của mình bằng từ ngữ cho rõ ràng. Sau đó mới đáp ứng yêu cầu của trẻ, không nên quá nôn nóng mà đoán được ý của trẻ quá nhanh và đáp ứng ngay yêu cầu của trẻ sẽ làm trẻ lười tập nói.

Bài tập thực hành

Tổ chức chơi tập hoạt động với đồ vật, đồ chơi cho trẻ 12- 18 tháng, 19 - 24 tháng với loại hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan.

Chương 11

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG

Mục tiêu:

- Giúp học sinh biết tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ 24 - 36 tháng.
- Học sinh nắm vững cách tổ chức hoạt động thao tác với đồ vật, hoạt động chơi của trẻ.
- Biết tổ chức hoạt động giao tiếp và phát triển ngôn ngữ cho trẻ, biết tổ chức vận động cho trẻ.
- Biết xử lý kịp thời và khắc phục các biểu hiện khủng hoảng của trẻ lên ba.

Nội dung trọng tâm:

- Nội dung chăm sóc giáo dục trẻ 24 - 36 tháng
- Tổ chức các hoạt động cho trẻ
- Khủng hoảng của trẻ lên ba và biện pháp khắc phục

I. ĐẶC ĐIỂM TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI

1. Một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ ba

- Tốc độ tăng trưởng (chiều cao, cân nặng) chậm hơn so với lứa tuổi trước, nhưng chân thì dài hơn, toàn thân cân đối hơn, răng mọc đủ 20 chiếc, khả năng làm việc của hệ thần kinh tăng lên, nhưng trẻ không thể ở lâu trong một tư thế nhất định.

- Vận động của bàn tay, ngón tay dần được hoàn thiện có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chân tay và vận động theo nhạc.

- Hoạt động với đồ vật đã có sự thay đổi đáng kể so với lứa tuổi trước. Hoạt động mang tính thử nghiệm nhiều hơn. Đã bắt đầu xuất hiện các trò chơi mô

phòng ở cuối năm thứ ba, nhờ sự phát triển của trí tưởng tượng.

- Đã có sự phát triển về chất trong ngôn ngữ của trẻ. Trẻ hiểu được ý của người lớn mà không cần kèm theo tình huống cụ thể. Tuy nhiên, trẻ ở lứa tuổi này hay nói ngọng nói lắp, thích nói tục chửi bậy.

- Khủng hoảng của trẻ lên ba đánh dấu sự trưởng thành trong 3 năm đầu tiên của một đời người.

- Bắt đầu xuất hiện hoạt động tạo hình vào năm thứ ba. Hoạt động vẽ được thực hiện sớm nhất.

2. Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ trong năm thứ ba

- Tiếp tục bảo vệ và củng cố sức khỏe của trẻ, phát triển thể lực, tăng sức đề kháng, hoàn thiện và phát triển các vận động cơ bản như: đi, chạy, bò, leo trèo, nhảy, biết phối hợp khéo léo giữa hoạt động chân và tay.

- Tiếp tục phát triển hoạt động nhận cảm; tiếp tục phát triển ngôn ngữ (làm tăng vốn từ) và dạy trẻ biết nói câu đơn giản, phát triển tư duy trực quan hành động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh.

- Phát triển trò chơi thao tác và mô phỏng hình thành hoạt động tạo hình hoạt động lắp ghép - xây dựng.

- Giáo dục tình cảm thái độ lành mạnh, gắn bó với người thân quen trong gia đình trong nhóm bạn bè giúp trẻ nhanh chóng khắc phục khủng hoảng tuổi lên ba, phát huy tính độc lập của trẻ.

- Hình thành duy trì hứng thú của trẻ với nghệ thuật như âm nhạc, thơ truyện, vẽ, với thiên nhiên và môi trường xung quanh.

3. Yêu cầu cần đạt đối với trẻ trong năm thứ ba (24 - 36 tháng)

- Sạch sẽ khỏe mạnh da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ồng, ăn ngủ điều độ, tự xúc ăn, vui vẻ khi được làm vệ sinh cá nhân. Biết đi vững, biết chạy, biết giao tiếp với người xung quanh bằng câu 2 - 3 từ. Biết gọi tên đồ vật đồ chơi, một số hoa quả và con vật gần gũi. Biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn. Nhận biết một vài nhân vật trong truyện tranh. Biết hát một vài bài, thuộc một số câu thơ trẻ thích, biết vẽ, kể chuyện theo gợi ý của người lớn, bước đầu biết vận động theo nhịp của âm nhạc.

- Biết chơi các trò chơi thao tác với đồ vật và bước đầu chơi trò chơi mô phỏng, bắt chước người lớn.

- Nhận biết được 3 màu xanh, đỏ, vàng. Phân biệt được các đồ vật về kích thước to nhỏ rõ nét, biết trả lời các câu hỏi ở đâu, để làm gì, thế nào, đi đâu...

- Bước đầu có thói quen vệ sinh văn hoá (rửa tay, lau mặt, giữ gìn, quần áo sạch sẽ, thu dọn đồ chơi...

II. NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ TRONG NĂM THỨ BA

1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày

1.1. Tổ chức đón trả trẻ

Về cơ bản việc đón trả trẻ như ở lứa tuổi trước song cần lưu ý mấy điểm sau:

- Ở lứa tuổi này trẻ đã hiểu lời nói, có nề nếp, có khả năng tự lập nên khi đón trả trẻ, cô hướng dẫn trẻ tự làm một số việc như biết cất mũ, dép gọn gàng đúng nơi quy định, chào cô, chào mẹ, chào các bạn ...

1.2. Tổ chức cho trẻ ăn uống

- Yêu cầu về chế độ ăn uống của trẻ:

Trẻ ăn cơm mềm, thức ăn chín nhừ, cần chế biến thức ăn phù hợp với khả năng tiêu hoá và khẩu vị của trẻ. Đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho trẻ. Cung cấp đủ nước uống nhất là mùa hè từ 1,5 - 1,6 lít/ngày

** Chuẩn bị cho trẻ ăn*

Về cơ bản giống như lứa tuổi trước

- Chuẩn bị mỗi trẻ một bộ đồ ăn gồm: khăn mặt ẩm, bát thìa, cốc để uống nước. Mỗi bàn ăn cần để một đĩa hoặc bát để đựng thức ăn thừa. Bàn ghế ngồi ăn vừa tầm vóc, trẻ nên xếp 4 - 6 trẻ ngồi cùng một bàn ăn, trẻ nào ăn yếu ăn chậm xếp riêng để tiện chăm sóc. Đặc biệt cần cho trẻ đi vệ sinh, rửa mặt, rửa tay trước khi ăn. Nhắc trẻ biết mời cơm trước khi ăn.

** Trong khi ăn*

- Thái độ của cô vui vẻ, ăn cần dịu dàng, động viên trẻ ăn hết suất tạo không khí vui tươi thoải mái. Cần chú ý nhiều hơn đến cháu mới đến nhóm trẻ, cháu ăn chậm biếng ăn, xúc cơm chưa thạo. Cô không ép trẻ ăn khi trẻ bị nôn. Nếu thấy trẻ kém ăn cần tìm hiểu nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục. Kịp thời xử lý các tình huống xảy ra trong bữa ăn như trẻ bị sặc, hóc, đánh đổ thức ăn, nghịch phá, không chịu ăn, muốn đi vệ sinh.

- Cô chú ý luyện cho trẻ thói quen tự xúc ăn bằng tay phải gọn gàng, không nói chuyện đùa nghịch trong khi ăn, ngồi ăn ngay ngắn, có thói quen vệ sinh

sạch sẽ trong khi ăn.

- Ngoài ra, trong bữa ăn cô giới thiệu cho trẻ biết về những thức ăn trong bữa đó, màu sắc, mùi vị, tác dụng của nó để trẻ tăng thêm hiểu biết và phấn chấn trong khi ăn. Ví dụ: canh rau ngót nấu với thịt băm có màu xanh ăn vào mát và khoẻ mạnh.

** Sau khi ăn*

Tập cho trẻ vết sạch thức ăn trong bát, uống nước, xếp thìa bát ghế vào nơi quy định rồi đi lau miệng rửa tay cho sạch.

1.3. Tổ chức cho trẻ ngủ

Tương tự như ở lứa tuổi trước, song ở lứa tuổi này trẻ ngủ một ngày một giấc dài từ 2 - 3 giờ vào buổi trưa ở nhà trẻ.

Cô chú ý tổ chức chu đáo giấc ngủ cho trẻ đảm bảo cho trẻ ngủ đủ giấc, ngủ ngon ngủ sâu. Cô luyện cho trẻ thói quen kỹ năng tự phục vụ như tự đi vệ sinh trước và sau giấc ngủ, biết tự trèo lên giường ngủ không nói chuyện, không trêu chọc bạn; biết nằm xuống là ngủ ngay, khi dậy tỉnh táo, không khóc nhè.

1.4. Tổ chức vệ sinh cá nhân hàng ngày

Tạo cho trẻ có thói quen vệ sinh không sợ tắm rửa gội đầu, biết tự rửa tay lau tay, biết ăn mặc gọn gàng, biết giữ gìn quần áo sạch sẽ, biết báo cho người lớn biết khi muốn đi vệ sinh, biết ngồi bô đúng tư thế. Vào lứa tuổi này trẻ đã mọc đủ 20 răng sữa nên tập cho trẻ biết đánh răng bằng bàn chải, súc miệng. Lúc đầu còn vụng về nhưng sau trẻ sẽ quen dần và trở nên tự nguyện sẽ phòng được bệnh sâu răng ở trẻ em.

2. Tổ chức cho trẻ vận động

Cho trẻ vận động những giờ luyện tập có chủ định, trong giờ chơi trò chơi vận động. Trong các khoảng thời gian khác trong ngày như khi đi dạo chơi.

2.1. Tổ chức cho trẻ vận động có chủ định sẵn

- Chuẩn bị trước nơi tập rộng rãi thoáng mát bằng phẳng, không có chướng ngại vật, có đầy đủ đồ chơi, dụng cụ phù hợp với trẻ khi vận động được dễ dàng, thuận tiện, không bị vấp ngã.

- Trong khi tập cần đảm bảo: tiến hành các bài tập phát triển chung; các bài tập phát triển vận động cơ bản như đi, chạy, bò, nhảy, ném; tiến hành các trò chơi vận động.

- Khi hướng dẫn trẻ tập cô phải làm mẫu cho trẻ xem, chậm từ từ, chỉ cho trẻ từng động tác, sau đó cho trẻ cùng làm với cô. Cô cần biến các động tác cơ bản thành những hành động bất chước các con vật hiện tượng thiên nhiên như cóc nhảy, thỏ nhảy, gió thổi... cho trẻ tập hào hứng mà không chán.

2.2. Tổ chức cho trẻ vận động ngoài giờ luyện tập

Trẻ có nhu cầu vận động rất lớn nên hàng ngày cần cho trẻ luyện tập, vận động thêm ngoài giờ như trong lúc đi dạo ngoài trời. Trong giờ chơi tăng cường sử dụng các trò chơi dân gian như “dung dăng dung dề”... để củng cố các vận động đã được luyện tập và thoả mãn nhu cầu vận động của trẻ, tạo cho trẻ tâm trạng sảng khoái vui vẻ.

3. Tổ chức hoạt động giao tiếp và phát triển ngôn ngữ

3.1. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ

3.1.1. Dạy trẻ nói

- Từ 2 - 3 tuổi là thời điểm quan trọng để phát triển ngôn ngữ cho trẻ, đặc biệt là dạy trẻ nói. Vì vậy, cô giáo mầm non cần tranh thủ lúc này để dạy trẻ nói. Dạy trẻ nói rõ ràng, nói đúng câu, đúng ngữ pháp, dạy trẻ những lời nói đẹp, dạy trẻ biết vâng dạ, cảm ơn xin lỗi đúng lúc, qua đó dạy trẻ cách ứng xử đẹp với mọi người xung quanh.

- Cô tận dụng mọi tình huống trong sinh hoạt hàng ngày để dạy trẻ nói như: cô thường xuyên trò chuyện với trẻ, đặt câu hỏi để gợi ý trẻ kể về sự việc diễn ra trong ngày hoặc ngày hôm qua. Ví dụ: Hôm qua con ở nhà làm gì, với ai?...

- Cô dạy trẻ tập nói trong khi làm quen trẻ với các đồ vật, đồ chơi, hoa quả, con vật nuôi gần gũi quen thuộc thông qua tranh ảnh vật thật và trả lời các câu hỏi của cô như : đây là con gì, nó đang làm gì...

- Cô dạy trẻ tập nói thông qua các giờ kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè có nội dung đơn giản phù hợp với trẻ. Cô kể đọc trước cho trẻ nghe rồi cho trẻ đọc theo cô nhiều lần dần dần trẻ sẽ thuộc và có thể một mình tự đọc bài thơ tự kể lại câu chuyện đó.

3.1.2. Các yêu cầu khi phát triển ngôn ngữ cho trẻ

- Năng giao tiếp với trẻ: cô trò chuyện với trẻ, cô phát âm chuẩn chính xác, nói đúng ngữ pháp để trẻ bắt chước nói theo cô.

- Cô cần khắc phục các lỗi trong ngôn ngữ của trẻ như: trẻ hay nói ngọng

“bánh” thành “bẩn”, “kẹo” thành “cheo”. Do đó cô phải kiên trì luyện phát âm cho trẻ để trẻ phát âm đúng, rõ từ.

- Nói lắp là hiện tượng thường gặp ở trẻ lên ba, nguyên nhân do trẻ hay bị kích động khi thần kinh căng thẳng... cô cần nhìn rõ nguyên nhân gây nói lắp mà có biện pháp giúp trẻ khắc phục nói lắp. Ví dụ chú ý lắng nghe trẻ nói, để trẻ nói từ từ bình tĩnh...

- Nói tục chửi bậy cũng là một hiện tượng thường gặp ở trẻ lên ba. Do trẻ bắt chước người lớn một cách vô thức rồi quen đi.

Biện pháp khắc phục: người lớn giải thích cho trẻ hiểu nếu nói như vậy là xấu, là hư. Người lớn cần mẫu mực trong lời ăn tiếng nói để trẻ bắt chước làm theo. Cần tận dụng mọi cơ hội trong sinh hoạt hàng ngày để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Dạy trẻ nghe hiểu và nói trong mọi lúc, mọi nơi như trong khi đi dạo chơi, trong khi ăn, trong các giờ luyện tập.

3.2. Hát cho trẻ nghe và dạy trẻ hát

3.2.1. Hát cho trẻ nghe

- Bằng những lời hát ru êm dịu mang đậm hình ảnh về thế giới xung quanh, giàu vần điệu và hình tượng được nhắc đi nhắc lại mỗi lần ru trẻ ngủ khiến trẻ lắng nghe và nhập tâm được nhiều câu hát ru. Ngoài ra, các bài hát vui nhộn hài hước, cô hát cho trẻ nghe khi trẻ thức làm gợi lên những sắc thái cảm xúc khác nhau ở trẻ, làm cho trẻ thêm phấn chấn và khiến trẻ thích hát theo cô. Trẻ bắt chước hát theo người lớn rồi dần dần trẻ thuộc và có thể hát được một mình các bài hát đơn giản có khoảng 5 - 6 câu hoặc dài hơn.

- Khi hát cho trẻ nghe cần hát thường xuyên vì trẻ lên ba rất thích nghe hát đó là nhu cầu của trẻ. Cần lựa chọn các bài hát hay để gợi niềm hứng thú sướng vui ở trẻ, các bài hát đơn giản để trẻ dễ bắt chước hát theo. Khi hát cho trẻ nghe cần giao tiếp xúc cảm trực tiếp với trẻ, giọng hát không nhất thiết phải điêu luyện, phải có giọng hát thật hay mà điều quan trọng là phải truyền cảm xúc, tình cảm bài hát đến trẻ nghe làm trẻ thích thú.

3.2.2. Dạy trẻ hát

Cần chọn các bài hát đơn giản, ngắn gọn có giai điệu hay, dễ nhớ phù hợp với trẻ, khi dạy trẻ hát khuyến khích trẻ nhún nhảy, vận động theo nhạc để tạo niềm say mê phấn chấn ở trẻ. Cần tạo sự đồng cảm thực sự khi người lớn và trẻ cùng hát chung với nhau.

4. Tổ chức hoạt động thao tác với đồ vật, hoạt động chơi cho trẻ

Trong năm thứ ba trẻ tiếp tục thao tác với đồ vật song ở mức độ cao hơn lứa tuổi trước, trò chơi nhận biết là chủ yếu, ngoài ra trẻ có thêm trò chơi mô phỏng bắt chước hành động của người lớn còn gọi là trò chơi phản ánh sinh hoạt, trò chơi xếp hình, xâu hạt, trò chơi vận động...

Mỗi loại trò chơi đều có đặc thù riêng và mức độ phát triển khác nhau còn tùy thuộc vào việc tổ chức hướng dẫn của cô và tích cực tham gia của trẻ.

4.1. Tổ chức trò chơi nhận biết - thao tác với đồ vật

** Ý nghĩa:*

Đây là phương tiện chủ yếu để phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ. Thông qua việc được thao tác với đồ vật, đồ chơi khác nhau về màu sắc, độ lớn, hình dáng, chất liệu, chức năng sử dụng mà trẻ 3 tuổi được làm quen với thuộc tính đặc tính thực của chúng.

- Khi được cô hướng dẫn trò chơi thao tác với đồ vật trẻ nắm được các tri thức kỹ năng khác nhau hình thành ở trẻ năng lực học tập, sự chú ý theo dõi mẫu của cô và trẻ tự mình biết thao tác với các đồ vật đó. Ví dụ cầm thìa, cầm xẻng để xúc, biết chồng xếp, xâu xỏ...

** Nội dung của trò chơi nhận biết thao tác với đồ vật:*

+ Trò chơi nhận biết phân biệt hình dạng kích thước màu sắc. Ví dụ trò chơi dạy trẻ nhận biết phân biệt 3 màu (xanh, đỏ, vàng). Trò chơi phân biệt hai hình dạng tròn - vuông. Trò chơi phân biệt kích thước to - nhỏ.

+ Trò chơi tập sử dụng đồ vật: Trẻ chơi với các đồ chơi, đồ vật khác nhau như bóng, xúc xắc, vòng, búp bê... và chơi với các vật có sẵn trong thiên nhiên như cát, sỏi, hoa quả, hạt gạo, lá cây...

+ Trò chơi so sánh phân biệt. Bộ tranh đôi, ghép đôi...

** Phương pháp hướng dẫn:*

+ Cô cùng chơi trực tiếp với trẻ như người bạn lớn. Cô làm mẫu từng động tác, giải thích rõ ràng ngắn gọn, dễ hiểu cho trẻ bắt chước làm theo.

+ Đối với trò chơi nhận biết phân biệt cần chọn các vật có màu sắc hình dạng kích thước rõ ràng chỉ có một đặc điểm khác nhau còn các đặc điểm khác thì giống nhau. Ví dụ phân biệt màu sắc thì kích thước phải bằng nhau chỉ có màu sắc là khác nhau.

4.2. Tổ chức trò chơi xếp hình, xâu hạt cho trẻ

** Ý nghĩa:*

Trò chơi này giúp trẻ luyện cho sự khéo léo của đôi bàn tay, rèn luyện kỹ năng phối hợp giữa tay và mắt, đồng thời cho trẻ nhận biết, phân biệt màu sắc hình dạng, độ lớn của các đồ vật, biết tên gọi của chúng.

** Nội dung:*

Bao gồm các trò chơi chồng xếp như xếp bàn ghế, bộ bàn ghế, nhà, giường, bộ salon, cổng, chuồng gà, đường đi, hàng rào, bậc thang, ô tô, cây tháp, nhà cao tầng... Xâu xỏ như: xâu hạt thành vòng, xâu dây hoa quả, cắm que vào lỗ, trồng nấm, lồng hộp, tháo lắp vòng (cây thông)...

** Phương pháp hướng dẫn:*

- Cô chuẩn bị đủ số đồ chơi, vật liệu đủ cho số cháu dự chơi và cô 1 - 2 bộ.
- Cô tạo ra tình huống khác nhau để khơi gợi sự hứng thú của trẻ bằng cách kể một mẩu chuyện ngắn gọn, từ đó đề nghị trẻ giải quyết. Ví dụ: Hôm qua trời mưa to quá làm đổ nhà của bạn thỏ rồi. Cô cháu mình phải làm gì để giúp bạn có nhà ở (xếp nhà tặng thỏ).

- Cô làm mẫu cho trẻ xem làm chậm (2 lần) vừa làm vừa giải thích. Sau đó cho trẻ làm theo cô từng động tác, cuối cùng là trẻ tự làm. Cô dạy trẻ xếp chồng, xếp cạnh nhau, đặt kê... theo nội dung trong chương trình.

- Cô dạy trẻ hiểu ý nghĩa tác dụng của từng loại đồ vật mà trẻ đã xếp.

- Cô quan sát theo dõi chỉ dẫn động viên trẻ tuyệt đối không được làm thay trẻ khi trẻ còn lúng túng trong thao tác hoặc xếp chưa đẹp chưa ngay ngắn. Cô có thể làm mẫu lại thao tác đó để trẻ làm theo.

- Khi trẻ đã xếp xong cô tạo tình huống như gió bão làm đổ để trẻ xếp lại từ 2 - 3 lần.

- Kết thúc: Cô cho trẻ chơi với thành phẩm mà trẻ xếp được. Ví dụ xếp ô tô thì dùng ô tô chở gà vịt đi chơi.

4.3. Tổ chức trò chơi sinh hoạt (trò chơi mô phỏng thao tác vai)

** Ý nghĩa:*

- Sang năm thứ ba, trẻ vẫn thích chơi với đồ vật đồ chơi rồi dần dần chuyển sang trò chơi thao tác vai - trò chơi mô phỏng sinh hoạt. Ví dụ: Khi chơi với búp bê, trẻ bế ẵm búp bê, cho em ăn ngủ thay quần áo cho em... Trẻ bắt chước vai mẹ chăm sóc con chứ không hành động chung chung nữa.

** Nội dung:*

Trong trò chơi thao tác vai trẻ bắt chước hành động của người lớn mà trẻ đã

nhìn thấy giả vờ làm người lớn. Ví dụ đóng vai người bán hàng, bày đồ hàng để bán, làm bác sĩ khám bệnh... Tuy nhiên hành động vai của trẻ còn rời rạc đứt quãng chưa thành chuỗi, chỉ là mô phỏng bắt chước gây ấn tượng mà thôi. Ví dụ: trẻ bế em cứ bế mãi hoặc cho bé ăn thì cứ cho ăn mãi mà không biết làm các động tác giống thật như lau mồm, uống nước...

** Phương pháp hướng dẫn:*

- Do vậy, cô nuôi dạy trẻ cần làm giàu vốn hiểu biết cho trẻ về cuộc sống xung quanh, gần gũi trẻ bằng cách cho trẻ xem tranh ảnh quan sát thực tế việc làm của người lớn như bán hàng chăm sóc em bé... và giải thích cho trẻ biết các động tác của việc làm đó.

- Cô cùng chơi với trẻ như người bạn lớn. Cô đóng vai chính, lấy vai mình làm mẫu để dạy trẻ, cách chơi, cách thao tác vai để trẻ bắt chước làm theo. Ví dụ vai mẹ chăm sóc con, các thao tác như bế em, cho ăn, cho uống nước rồi cho đi ngủ.

- Cô khéo léo để lời cuốn trẻ tới trò chơi chứ không nên áp đặt trẻ phải chơi theo ý muốn của cô.

- Cô cho trẻ chơi nhiều lần lặp đi lặp lại để trẻ nắm vững được thao tác vai

4.4. Tổ chức trò chơi vận động

** Ý nghĩa:*

Trò chơi vận động đáp ứng nhu cầu vận động của trẻ, làm trạng thái trẻ vui vẻ, sôi nổi thúc đẩy sự hoàn thiện các vận động cơ bản và tăng cường thể lực cho trẻ.

** Nội dung:*

Trẻ 3 tuổi tổ chức cho trẻ chơi 2 loại TCVĐ chủ yếu sau:

- Trò chơi vận động có chủ đề như bịt mắt bắt dê, chim sẻ và mèo con, trời nắng trời mưa, thỏ nhảy...

- Trò chơi vận động không chủ đề: luyện các vận động cơ bản như đi, chạy, trườn, bò. Trò chơi với các dụng cụ thể thao như bóng, vòng, gậy, cầu trượt, thang leo, bập bênh...

** Phương pháp hướng dẫn:*

- Chuẩn bị: Chỗ chơi phải rộng sạch không có chướng ngại vật, đảm bảo an toàn. Chuẩn bị đầy đủ đồ chơi, dụng cụ cần thiết phù hợp với trò chơi. Gây hứng thú cho trẻ đến với trò chơi.

- Cô nói tên trò chơi, nội dung, luật chơi làm mẫu động tác kèm theo lời giải thích ngắn gọn, dễ hiểu. Cô cùng chơi với trẻ đóng một vai chính (trong trò chơi vận động có chủ đề), sau đó chọn cháu nhanh nhẹn đóng vai chính đó khi trẻ đã chơi quen.

+ Đối với trò chơi vận động không chủ đề, với dụng cụ thể dục, cô tập cho trẻ làm đúng yêu cầu, quan sát theo dõi đảm bảo an toàn cho trẻ.

+ Tuyệt đối không được gò bó, áp đặt mà phải làm trẻ phấn khởi vui vẻ mang lại niềm thích thú cho trẻ.

+ Cô chú ý số lần chơi phù hợp với sức khỏe của trẻ, không để trẻ mệt mỏi sau khi chơi.

5. Khắc phục hiện tượng khủng hoảng của trẻ lên ba

5.1. Biểu hiện

Vào tuổi lên ba trẻ em đều xuất hiện ít hay nhiều những cơn khủng hoảng về tâm lý. Biểu hiện trẻ trở nên trái tính trái nết, hay làm ngược lại điều người lớn muốn. Trẻ trở nên khó dạy bảo, bướng bỉnh, ích kỷ.

5.2. Nguyên nhân

Do trẻ hoạt động nhiều với đồ vật, biết tự làm được một số việc trẻ cảm thấy mình có một sức mạnh nên chủ quan. Mặt khác, trẻ có thể giao tiếp với mọi người xung quanh bằng ngôn ngữ, hiểu được đôi điều về thế giới xung quanh và về bản thân mình, nhận ra cái tôi của mình. Để khẳng định cái tôi nên trẻ trở nên bướng bỉnh, muốn chống đối người lớn, muốn cái gì cũng thuộc về mình, là của mình từ đó sinh ra ích kỷ, khiến quan hệ giữa trẻ với người lớn trở nên căng thẳng.

5.3. Biện pháp khắc phục

- Cần tạo điều kiện khuyến khích trẻ hoạt động với đồ vật, tự làm một số việc đơn giản (tự phục vụ) phát huy tính độc lập để trẻ tự khẳng định cái “tôi” của mình. Ví dụ tự mặc quần áo, tự đi giày dép...

- Không nên cấm đoán trẻ, trách phạt trẻ khi trẻ tự ý làm việc này hay việc khác vì như vậy sẽ mang lại tác hại cho trẻ như: trẻ sẽ trở nên nhút nhát kém tự tin, ỷ lại vào người khác

- Hoặc trẻ sẽ tìm cách làm vụng trộm sau lưng người lớn, đó là mầm mống của tính gian dối sau này. Mà người lớn phải tổ chức hoạt động khác hấp dẫn

hơn để lôi cuốn trẻ, làm trẻ quên đi việc bất lợi đó.

- Không nên quá chiều chuộng để đứa trẻ muốn gì được nấy, thích gì làm nấy, giáo dục theo lối thả lỏng sẽ sinh ra ở trẻ tính ích kỷ, bướng bỉnh và những hành vi thô bạo. Do vậy, cần tạo cơ hội để trẻ bộc lộ tình cảm yêu thương, biết quan tâm đến người thân thuộc như lấy quạt cho bà, lấy tờ báo cho ông, chia quà cho mẹ, cho em bé. Tuy là việc nhỏ nhưng giáo dục trẻ biết nghĩ đến người thân có thể đẩy lùi được nguy cơ khủng hoảng.

- Tổ chức trò chơi là con đường giúp trẻ thể hiện sức mạnh “cái tôi” của mình. Chỉ có trong trò chơi trẻ mới có thể làm được điều trẻ mong muốn mà trong đời thực trẻ không thể làm được. Đặc biệt là trò chơi thao tác vai tuy ở dạng sơ khai nhưng đã giúp trẻ giải quyết được mâu thuẫn “muốn làm được như người lớn” mà sức trẻ còn quá non yếu.

Thực hành hoạt động xếp hình cho trẻ 24 - 36 tháng.

Câu hỏi

1. So sánh sự giống và khác nhau khi tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ hai nhi và ấu nhi?
2. Trình bày ý nghĩa hoạt động đối với đồ vật của trẻ ấu nhi và các yêu cầu khi tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật?
3. Trình bày các yêu cầu khi hát cho trẻ nghe và dạy trẻ hát?
4. Cô giáo mầm non cần phải làm gì để khắc phục hiện tượng khủng hoảng của trẻ lên ba?

Bài tập thực hành

- Lập kế hoạch hoạt động với đồ vật và tổ chức cho trẻ chơi lứa tuổi 24 - 36 tháng.
- Tổ chức trò chơi nhận biết thao tác với đồ vật cho lứa tuổi 24 - 36 tháng.
- Tổ chức trò chơi xếp hình xâu hạt cho trẻ 24 - 36 tháng.
- Tổ chức trò chơi thao tác vai cho trẻ 24 - 36 tháng.

PHỤ LỤC:

CÁC HOẠT ĐỘNG XẾP HÌNH

(cho trẻ 24 - 36 tuổi)

1. Xếp cái ô tô

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp chồng hai khối gỗ lên nhau thành cái ô tô

* *Chuẩn bị:* 1 khối gỗ hình chữ nhật, 1 khối gỗ hình vuông.

* *Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý: “Chú gà muốn đi chơi công viên bằng ô tô”.

- Giáo viên xếp mẫu: Cầm khối gỗ chữ nhật đặt xuống, sau đó cầm khối gỗ vuông đặt chồng lên phía đầu khối gỗ chữ nhật thành cái ô tô. Đặt chú gà lên ô tô và cho ô tô chạy kêu bim bim.

- Phát các khối gỗ cho trẻ tự xếp

Trong quá trình trẻ xếp, giáo viên nhắc nhở trẻ đặt khối vuông lên phía trên khối gỗ chữ nhật thật ngay ngắn và giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

Khi trẻ xếp xong khuyến khích trẻ trả lời câu hỏi: “Xếp cái gì”.

Cho trẻ đặt lên mỗi ô tô 1 chú gà và cho ô tô chạy, vừa chạy vừa kêu bim bim.



2. Xếp ngôi nhà

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp chồng hai khối gỗ lên nhau thành ngôi nhà 1 tầng.

* *Chuẩn bị:* 1 khối gỗ vuông, 1 khối gỗ hình chóp đáy vuông. Các khối gỗ có màu sắc đỏ “hoặc xanh”. 1 đồ chơi con thỏ

* *Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý: “Nhà bạn thỏ bị đổ cháu hãy xếp một ngôi nhà thật đẹp tặng bạn thỏ”.

- Giáo viên xếp mẫu: Cầm khối gỗ vuông đặt xuống, sau đó cầm khối gỗ chóp đáy vuông đặt lên trên khối gỗ vuông thành ngôi nhà 1 tầng màu đỏ. Khi xếp xong giáo viên đặt thỏ đứng cạnh ngôi nhà. Hỏi trẻ ngôi nhà có đẹp? Ngôi nhà màu gì?

- Phát các khối gỗ cho trẻ tự xếp.

- Trong quá trình trẻ xếp, giáo viên nhắc nhở trẻ đặt khối chóp lên trên khối

gỗ vuông thật ngay ngắn, cân đối và giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

- Khi trẻ xếp xong khuyến khích trẻ trả lời câu hỏi: “Xếp cái gì? Ngôi nhà màu gì?”. Và nhắc trẻ mời thỏ về ở trong ngôi nhà.

- Nếu trẻ nào biết xếp thành thạo ngôi nhà 1 tầng rồi thì giáo viên cho trẻ xếp nhà 2 hoặc 3 tầng.



3. Xếp đường đi

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp các khối cạnh nhau liên tiếp thành con đường đi.

* *Chuẩn bị:*

- 4 - 5 khối gỗ hình chữ nhật màu đỏ (hoặc xanh, vàng)
- 1 đồ chơi con vịt. 1 ngôi nhà bằng bìa hoặc bằng hình vẽ.

* *Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý cần làm một con đường cho vịt về nhà.
- Giáo viên xếp mẫu: Xếp các khối liên tiếp cạnh nhau thành con đường.

Khi xếp xong mời vịt đi trên đường về nhà.

Phát các khối gỗ cho trẻ tự xếp. Trong khi trẻ xếp, giáo viên động viên, khen ngợi, nhắc trẻ phải đặt các khối gỗ sát khít vào nhau. Khuyến khích trẻ trả lời câu hỏi: “Xếp cái gì?”; “Để làm gì?”; “Con đường màu gì?”.

Trẻ xếp xong nhắc trẻ cho vịt đi trên đường về nhà. Và cùng nhau hát bài “một con vịt”

Có thể cho trẻ xếp con đường dài bằng 6, 7... khối gỗ



4. Xếp cái bàn

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp chồng hai khối gỗ lên nhau thành cái bàn.

* *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 2 khối dẹt hình vuông màu đỏ (hoặc xanh, hoặc vàng)

* *Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý: Búp bê nhờ các cháu xếp cho búp bê cái bàn để bày hoa quả.
- Cho trẻ xem các khối gỗ và hỏi trẻ các khối gỗ đó màu gì?

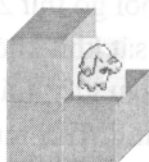
- Giáo viên xếp mẫu : Xếp chồng hai khối gỗ lên nhau thành cái bàn.
- Cho trẻ tự xếp. Giáo viên khuyến khích trẻ: “Cháu xếp cái gì?”; “Cái bàn màu gì?”; “Để làm gì?”.

Giáo viên đưa cho mỗi trẻ 1 đĩa nhỏ để trẻ xếp quả rồi bày lên bàn và cho trẻ chơi bán hoa quả.



5. Xếp cái ghế

- * *Mục đích:* Trẻ biết xếp 2 khối gỗ cạnh nhau thành cái ghế
- * *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 2 khối gỗ hình chữ nhật màu đỏ (hoặc xanh, hoặc vàng). Đồ chơi con gà, vịt..
- * *Tiến hành:*
 - Giáo viên gợi ý: “Gà; vịt đến chơi không có ghế ngồi. Các cháu làm ghế cho gà, vịt ngồi”.
 - Giáo viên xếp mẫu.
 - Cho trẻ tự xếp. Giáo viên khuyến khích trẻ trả lời câu hỏi: “Cháu xếp cái gì? Cái ghế màu gì? “Để làm gì?”.
 - Cho trẻ chơi mời gà, vịt ngồi lên ghế ăn kẹo và uống nước.



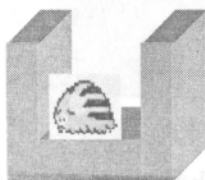
6. Xếp cái giường

- * *Mục đích:* Trẻ biết xếp các khối gỗ cạnh nhau thành cái giường.
- * *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 1 khối gỗ hình chữ nhật, 2 khối gỗ vuông. Các khối gỗ màu đỏ (hoặc xanh, hoặc vàng). Đồ chơi: thỏ, gà, vịt mèo...
- * *Tiến hành:*
 - Giáo viên gợi ý: “Các bạn thỏ, gà, vịt... muốn đi ngủ. Các cháu xếp giường cho các bạn đi ngủ”.
 - Cho trẻ xem các khối gỗ và hỏi trẻ: các khối gỗ màu gì?

- Giáo viên xếp mẫu: Đặt khối gỗ chữ nhật, sau đó lần lượt đặt 2 khối gỗ vuông sát 2 đầu khối gỗ hình chữ nhật để tạo thành cái giường.

- Cho trẻ tự xếp. Giáo viên khuyến khích trẻ trả lời câu hỏi: “Cháu xếp cái gì? Cái giường màu gì? “Để làm gì?”.

- Trẻ xếp xong, giáo viên cho trẻ đồ chơi con giống (thỏ, chó, mèo) đặt lên giường và ru các con vật ngủ. Giáo viên hát ru cho trẻ nghe.



7. Xếp bậc cầu thang

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp 5 khối gỗ cạnh nhau thành cái cầu thang

* *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 5 khối gỗ vuông màu đỏ (hoặc xanh, hoặc vàng). Đồ chơi con thỏ.

* *Tiến hành:*

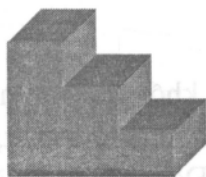
- Giáo viên gợi ý: “Bậc cầu thang của nhà chú thỏ bị hỏng. Thỏ không lên nhà được. Các cháu làm bậc cầu thang cho thỏ”.

- Cho trẻ xem các khối gỗ và hỏi trẻ: các khối gỗ màu gì?

- Giáo viên xếp mẫu

- Cho trẻ tự xếp: nhắc trẻ xếp khối gỗ thứ 2 chồng lên trên khối gỗ thứ nhất phải thẳng khít nhau, khối gỗ thứ 3 sát khít khối gỗ thứ 1. Khuyến khích trẻ trả lời: “Xếp cái gì?” “Bậc cầu thang màu gì? “Cái đó để làm gì?”.

- Cho trẻ chơi trò chơi: “Trời nắng. Trời mưa”.



8. Xếp nhà có hàng rào

* *Mục đích:* Trẻ biết xếp các khối gỗ chồng và đứng liên tiếp cạnh nhau thành cái nhà có hàng rào.

* *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 5 - 6 khối gỗ dẹt hình chữ nhật, 4 khối gỗ và 1 khối

chóp màu đỏ. Các khối gỗ có màu sắc đỏ (hoặc xanh, vàng). Đồ chơi con gà, con chó.

** Tiến hành:*

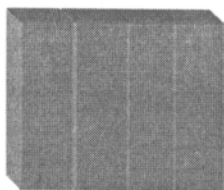
- Cho trẻ xem các khối gỗ và hỏi trẻ: các khối gỗ màu gì?
- Giáo viên gợi ý: Cần xếp một ngôi nhà có hàng rào không cho gà, chó vào phá vườn rau.

- Giáo viên xếp mẫu (H.1).

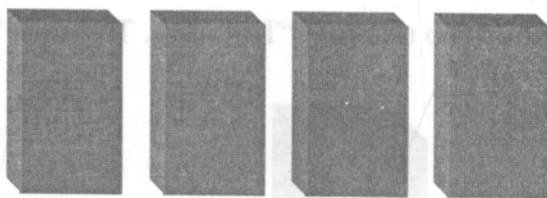
- Trẻ tự xếp. Khuyến khích trẻ xếp ngôi nhà hàng rào thật ngay ngắn và trả lời các câu hỏi: “Xếp cái gì?” “Ngôi nhà, hàng rào màu gì?” “Hàng rào để làm gì?”.

- Kết thúc cho trẻ chơi trò chơi vận động: “Gà trong vườn rau”

Lần sau có thể cho trẻ xếp thành hàng rào theo mẫu (H.2)



H.1



H.2

9. Xếp cái cổng

** Mục đích:* Trẻ biết chồng, cách các khối gỗ thành cái cổng

** Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 3 khối gỗ hình chữ nhật. Đồ chơi ô tô.

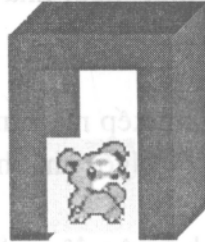
** Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý: Cần làm một cái cổng cho ô tô đi qua.

- Giáo viên xếp mẫu: Đầu tiên xếp 2 miếng gỗ đứng cách nhau. Sau đó xếp miếng gỗ thứ 3 nằm ngang trên 2 miếng gỗ đó thành cái cổng.

Sau khi xếp xong, giáo viên cho ô tô chạy qua cổng.
- Trẻ tự xếp. Khuyến khích trẻ trả lời: “Xếp cái gì?” “Cái cổng màu gì?” “Cái cổng để làm gì?”.

Kết thúc cho trẻ chơi: thi xem ô tô của ai chạy qua cổng nhanh nhất.



10. Ngôi nhà và cổng

* *Mục đích:* Trẻ biết chồng, cách các khối gỗ thành cái cổng và ngôi nhà.

* *Chuẩn bị:* Mỗi trẻ 3 khối gỗ hình chữ nhật. 4 khối gỗ và 1 khối chóp. Đồ chơi con thỏ.

* *Tiến hành:*

- Giáo viên gợi ý: Cần làm một ngôi nhà có cổng cho “Bác Thỏ”.
- Khuyến khích trẻ nhớ lại cách xếp ngôi nhà và cái cổng. Trẻ nào quên thì giáo viên làm mẫu lại cho trẻ xem. Khuyến khích trẻ trả lời: “Xếp cái gì?” “Để làm gì?”.

Kết thúc cho trẻ chơi: “Trời nắng. Trời mưa”.



- Tổ chức cho trẻ chơi nhận biết thao tác với đồ vật
- Tổ chức cho trẻ chơi xếp hình, xâu hạt.
- Tổ chức trò chơi thao tác vai.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Lời nói đầu</i>	5
Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC MẦM NON	
<i>Chương 1 : GIÁO DỤC HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC MẦM NON</i>	
I. Khái niệm cơ bản của giáo dục và giáo dục học	7
II. Bản chất - Chức năng của giáo dục	9
III. Đối tượng của giáo dục học	11
IV. Mối quan hệ của giáo dục học với các khoa học khác	12
V. Phương pháp nghiên cứu của giáo dục học	13
VI. Giáo dục học mầm non với việc đào tạo giáo viên nhà trẻ mẫu giáo	15
<i>Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TRẺ EM</i>	
I. Khái niệm về sự phát triển trẻ em	16
II. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển trẻ em	18
<i>Chương 3: GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM</i>	
I. Khái niệm về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	22
II. Giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	25
III. Giới thiệu chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non và sách hướng dẫn	31
Phần hai : CÁC MẶT GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON	
<i>Chương 4: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON</i>	
I. Ý nghĩa, nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	36
II. Nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ dưới 3 tuổi	40
III. Nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ 3 - 6 tuổi	43
IV. Những điều kiện cần thiết để giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	46
<i>Chương 5: GIÁO DỤC TRÍ TUỆ CHO TRẺ MẦM NON</i>	
I. Ý nghĩa, nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non	48
II. Nội dung, phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ tuổi nhà trẻ	52

III. Nội dung, phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ tuổi mẫu giáo	54
IV. Phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non	57
Chương 6: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC	
I. Ý nghĩa, nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non	60
II. Nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ tuổi nhà trẻ (3 - 36 tháng)	63
III. Giáo dục đạo đức cho trẻ mẫu giáo	65
IV. Nguyên tắc giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non	67
V. Phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non	69
Chương 7: GIÁO DỤC THẨM MỸ CHO TRẺ MẦM NON	
I. Ý nghĩa và nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ	74
II. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non	78
III. Các phương pháp giáo dục thẩm mỹ	82
IV. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ	84
 Phần ba: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI (3 - 36 THÁNG)	
Chương 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 3 TUỔI	
I. Ý nghĩa của việc chăm sóc trẻ dưới 3 tuổi	87
II. Một số điểm cần chú ý khi chăm sóc giáo dục trẻ dưới 3 tuổi	88
Chương 9: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ HÀI NHI (3 - 12 THÁNG)	
I. Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ dưới 12 tháng	93
II. Nội dung chăm sóc giáo dục trẻ dưới 12 tháng	95
Chương 10: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 12 - 24 THÁNG	
I. Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ trong năm thứ hai (12 - 24 tháng)	106
II. Nội dung chăm sóc giáo dục	107
Chương 11: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG	
I. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ 24 - 36 tháng tuổi	116
II. Nội dung chăm sóc giáo dục trẻ trong năm thứ ba	118
<i>Phụ lục</i>	127

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
Điện thoại: (04)8.252916. Fax: (04)9.289143

GIÁO TRÌNH
GIÁO DỤC HỌC MẦM NON (QUYỂN 1)
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2007

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:
HOÀNG CHÂU MINH

Bìa:
ĐẶNG VINH QUANG

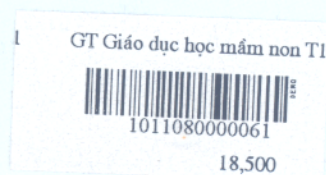
Kỹ thuật vi tính:
HOÀNG LAN HƯƠNG

Sửa bản in:
CHÂU MINH

In 850 cuốn, khổ 17x24cm tại Công ty cổ phần in KHKT. Quyết định xuất bản số:
160 - 2007/CXB/387GT - 27/HN. Số 313/CXB cấp ngày 2/3/2007. In xong và nộp lưu
chiếu quý III/2007

BỘ GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2007
KHOẢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC SƯ PHẠM MẪU GIÁO NHÀ TRẺ

1. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON
2. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON
3. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC TRẺ MẦM NON
NHẬN THỨC MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH
4. DINH DƯỠNG
5. VĂN - TIẾNG VIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ
LÀM QUEN VỚI CHỮ CÁI
6. TOÁN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ MẦM NON HÌNH THÀNH CÁC
BIỂU TƯỢNG SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN
7. MÚA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ VẬN ĐỘNG THEO NHẠC



Giá: 18.500đ